

PVDrilling TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014 MCK: PVD



PV Drilling
CHUYÊN NGHIỆP
CHẤT LƯỢNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Sailing Tower, 111A Pasteur,
Phường Bến Nghé, Quận 1,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tel: +84-8-39 142 012
Fax: +84-8-39 142 021 / 39 142 022
Web: www.pvdrilling.com.vn

Quá trình hình thành và phát triển 13 năm
đã minh chứng cho chiến lược phát triển
kiên định và đúng đắn của PV Drilling.

TÂM NHÌN

Trở thành nhà thầu khoan, cung cấp dịch vụ kỹ thuật khoan dầu khí tin cậy và có uy tín trên thế giới.

SỨ MỆNH

Cung cấp dịch vụ khoan và kỹ thuật khoan dầu khí hàng đầu trong khu vực, tạo ra những giá trị gia tăng cho khách hàng bằng những dịch vụ chất lượng cao và giá cả cạnh tranh.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP



04 - 05	Thông điệp của Tổng Giám đốc
06 - 07	Quá trình hình thành và phát triển 13 năm (2001 - 2014)
08 - 09	Ngành nghề kinh doanh
10 - 11	Sơ đồ tổ chức
12 - 15	Sơ lược các đơn vị thành viên
16 - 18	Giới thiệu Hội đồng Quản trị
19	Giới thiệu Ban Kiểm Soát
20 - 22	Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc
23	Giới thiệu Kế toán trưởng và Trưởng Ban Tài chính
24 - 25	Các mục tiêu trọng yếu
26 - 27	Cam kết với Môi trường - Xã hội - Cộng đồng
28 - 29	Các rủi ro và biện pháp phòng ngừa

THÀNH QUẢ TỪ SÁNG TẠO



32 - 35	Báo cáo của Hội đồng Quản trị
36 - 39	Báo cáo của Ban Kiểm soát
40 - 45	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
46	Vốn cổ phần/Cơ cấu cổ đông
47	Các chỉ số tài chính tiêu biểu
48 - 59	Phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014
60 - 61	Hoạt động An sinh Xã hội năm 2014 (CSR)
62 - 63	Giải thưởng và thành tựu

CHUYÊN NGHIỆP



66 - 69	Chuyên nghiệp trong đội ngũ nhân sự - nhân lực khoan
70 - 71	Kế hoạch đào tạo nhân sự
72 - 73	Năng suất lao động
74 - 77	Chuyên nghiệp trong quản lý An toàn - Sức khỏe - Môi trường - Chất lượng

CHẤT LƯỢNG



80 - 81	Chất lượng trong cung ứng dịch vụ
82 - 83	Chất lượng dịch vụ theo đánh giá của khách hàng
84 - 87	Quản lý vận hành an toàn giàn khoan
88 - 93	Kiểm soát chất lượng tại các đơn vị
94 - 95	Phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật

VỮNG VÀNG TRONG THỬ THÁCH



98 - 101	Thị trường dầu khí thế giới năm 2014 và triển vọng năm 2015
102 - 103	Kế hoạch thực hiện các dự án lớn năm 2015
104 - 105	Chiến lược phát triển trung và dài hạn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI



108	Báo cáo kết quả kiểm tra
109 - 110	Bảng cân đối kế toán hợp nhất
111	Các chỉ tiêu ngoại bảng cân đối kế toán
112	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
113 - 114	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
115 - 158	Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi
159 - 160	Thông tin Tổng Công ty và các đơn vị thành viên

Thông điệp của Tổng Giám đốc

KÍNH GỬI QUÝ VỊ CỔ ĐÔNG,
NHÀ ĐẦU TƯ, VÀ CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN



Năm 2014 là một năm rất thành công của PV Drilling nhưng cũng là năm đầy biến động trên thị trường dầu khí. Dù phải đối diện với nhiều áp lực, từ sự gia tăng khối lượng công việc, cạnh tranh trên thị trường, Tổng Công ty của chúng ta vẫn duy trì sự ổn định các nguồn lực, đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh một cách hiệu quả. Con số doanh thu đạt 20.884 tỷ đồng (gần 1 tỷ USD) và lợi nhuận cho cổ đông đạt 2.419 tỷ đồng trong năm 2014 là thành công lớn chúng ta đã đạt được, tương ứng tăng trưởng 40% và 28% so với năm 2013. Có thể nói đó là kết quả tăng trưởng tốt nhất trong vòng 5 năm qua.

Tuy nhiên, giá trị thật sự đằng sau con số kết quả kinh doanh, điều mà tôi thấy chính là sự chuyên nghiệp của từng cán bộ, công nhân, kỹ sư khoan thực hiện nghiêm túc các quy trình sản xuất, bảo đảm an toàn trong hoạt động khoan. Tôi thấy sự cẩn mẫn của những công nhân, kỹ sư, cán bộ làm công tác an toàn, sức khỏe, môi trường, chất lượng, đào tạo, quản trị tài chính kế toán, phát triển kinh doanh... nhằm cung cấp chất lượng dịch vụ tốt nhất cho khách hàng. Tôi thấy sự nhiệt huyết và trí tuệ sáng tạo của những cán bộ quản lý tại PV Drilling trước bộn bề của dự án, trước áp lực giải quyết kịp thời và toàn diện những vấn đề phát sinh.

Tôi trân trọng những giá trị đóng góp của toàn thể CBCNV PV Drilling. Kết quả đến ngày hôm nay, giàn khoan PV DRILLING I đạt thành tích 7 năm liên tục hoạt động không xảy ra sự cố gây mất ngày công làm việc (Zero Lost Time Incident – Zero LTI), giàn PV DRILLING II và PV DRILLING III đạt 5 năm Zero LTI, giàn PV DRILLING V đạt 2 năm Zero LTI. Không những thế, PV Drilling đã hợp tác với các nhà thầu khoan thế giới như Ensco, UMW, Shelf Drilling, Seadrill... để vận hành an toàn và hiệu suất cao 8 giàn khoan khác trong năm 2014. Các giàn khoan thuê này, dù đóng góp lợi nhuận biên không lớn, nhưng đã góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng gần 50% lợi nhuận của các dịch vụ kỹ thuật giếng khoan do các đơn vị thành viên và liên doanh với PV Drilling cung cấp.

Qua các phương tiện truyền thông, qua nhiều lần gặp gỡ với Quý vị cổ đông, nhà đầu tư và đối tác, chúng tôi đã chia sẻ, cập nhật thường xuyên tình hình hoạt động kinh doanh hàng quý, cũng như nhận được nhiều kết quả tham vấn hữu ích và giá trị của Quý vị. Nhân việc lập Báo cáo thường niên, tôi xin cảm ơn và chia sẻ thêm với Quý vị những cảm nhận và kết quả trên.

Năm 2015 đang chờ đón nhiều thử thách lớn phía trước!

Những thử thách lớn xuất hiện rõ ràng từ Q4/2014 khi giá dầu thô phá vỡ sự ổn định trong vài năm qua và sụt giảm khá nhanh theo từng ngày. Từ ngưỡng trên 100 USD/thùng, đến nay giá dầu (Brent) đã gấp ngược về ngưỡng trên 50 USD/thùng; mức giảm kỷ lục hơn 5 năm qua. Giá dầu trở nên thu hút đặc biệt và trở thành tâm điểm của các phương tiện truyền thông, các nhà hoạch định chính sách thời gian qua. Chúng tôi hiểu rằng các cổ đông, nhà đầu tư đang theo dõi diễn biến hàng ngày của giá dầu; và chúng tôi cũng cập nhật thường xuyên các báo cáo triển vọng, các sự kiện ngành dầu khí, đo lường mức ảnh hưởng và đưa tất cả các yếu tố này vào phân tích mô hình kinh doanh, phân tích rủi ro.

Giá dầu sẽ diễn biến như thế nào? Triển vọng của PV Drilling? Đây là những câu hỏi chủ yếu của nhiều cổ đông, nhà đầu tư trong hơn 50 lượt gặp gỡ với chúng tôi trong khoảng thời gian bận rộn gần đây.

Ở câu hỏi thứ nhất, mặc dù không phải là tổ chức dự báo có các chuyên gia xây dựng những mô hình định lượng phức tạp, chúng tôi lại có niềm tin vào những báo cáo gần đây về nhận định diễn biến giá dầu đang dần ổn định và sẽ hồi phục trong thời gian tới. Thực tế hiện nay không giống như lịch sử suy giảm giá dầu năm 2009 do ảnh hưởng đơn thuần từ khủng hoảng tài chính toàn cầu. Mô hình tác động của suy giảm giá dầu hiện nay có quá nhiều biến số phức tạp như thay đổi công nghệ, chính trị - địa lý... bên cạnh hai yếu tố cơ bản là cung - cầu năng lượng. Chính vì vậy, dù với niềm tin lạc quan ở trên, chúng tôi thận trọng xây dựng những kịch bản kinh doanh khác nhau trên cơ sở đánh giá từng mức độ rủi ro và đưa ra các giải pháp xử lý trong ngắn hạn nhằm củng cố cho mục tiêu phát triển bền vững.

Năm 2015 sẽ là năm vô cùng bận rộn với PV Drilling. Nguyên nhân bởi vì: thứ nhất, quy mô Tổng Công ty mở rộng với giàn khoan PV DRILLING VI được đưa vào hoạt động từ tháng 3/2015. Thứ hai, Tổng Công ty tập trung trong ngắn hạn những giải pháp nhằm

duy trì vị thế kinh doanh như: tối ưu hóa quy trình sản xuất; tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh; tiếp tục mở rộng thị trường ra khu vực và tích cực tìm kiếm các cơ hội đầu tư khả thi, bảo đảm chất lượng kỹ thuật với chi phí thấp, nắm bắt kịp thời các cơ hội kinh doanh. Thứ ba, Ban lãnh đạo tiếp tục tập trung đầu tư phát triển con người; thúc đẩy các dự án khoa học công nghệ; hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro, nhằm nâng cao nội lực, sẵn sàng cho những cơ hội mới.

Bên cạnh những giải pháp chiến lược dài hạn, bằng những hành động và những giải pháp xử lý trong ngắn hạn trên, chúng tôi tin rằng PV Drilling sẽ tiếp tục phát triển bền vững. Chúng ta đã vượt qua giai đoạn khó khăn trong quá khứ và bằng những nỗ lực hiện nay, chúng tôi tin tưởng sẽ tiếp tục đạt được sự tăng trưởng trong tương lai. Năm 2015 sẽ là một năm bộn bề với các dự án, những dự định kinh doanh, phát triển dịch vụ mới, mở rộng thị trường... nhưng chúng tôi tin rằng, bằng chính sự **chuyên nghiệp** của từng con người tại PV Drilling, bằng chính **chất lượng** dịch vụ mang lại uy tín, niềm tin và giá trị thặng dư mà chúng tôi cam kết với khách hàng, PV Drilling sẽ duy trì sự phát triển theo mô hình bền vững mà chúng tôi đã và đang xây dựng. Trả lời cho câu hỏi thứ hai, chính là những điều tôi vừa chia sẻ trên.

Thay cho lời kết, tôi xin trân trọng và ghi nhận những nỗ lực hết mình của CBCNV PV Drilling trong giai đoạn khó khăn hiện nay. Hơn thế nữa, thay mặt cho hơn 2.100 CBCNV, tôi xin chân thành cảm ơn sự quan tâm, ủng hộ của Quý cổ đông, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Nhà đầu tư, Khách hàng và các đối tác liên quan. Sự đóng góp của Quý vị đã và đang ngày càng nâng cao giá trị của Tổng Công ty, thúc đẩy sự phát triển bền vững của PV Drilling./.

Tổng Giám đốc

PHẠM TIẾN DŨNG

Quá trình hình thành và phát triển 13 năm (2001 - 2014)

2001

- Công ty Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (PV Drilling) được thành lập trên cơ sở tiếp nhận nguồn nhân lực từ Xí nghiệp Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí biển (PTSC Offshore). Tại thời điểm này, PV Drilling có 3 đơn vị trực thuộc: Xí nghiệp Khoan Dầu khí, Xí nghiệp Dịch vụ Giếng khoan Dầu khí và Xí nghiệp Ứng cứu Sự cố Trần dầu;

2004

- Thành lập Xí nghiệp Địa vật lý Giếng khoan và Thử vỉa nay là Công ty PVD Logging;

2005

- PV Drilling chuyển đổi hình thức hoạt động thành Công ty cổ phần theo quyết định số 3477/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp;

2006

- Niêm yết cổ phiếu với mã chứng khoán “PVD” trên sàn chứng khoán Việt Nam;
- Thành lập Công ty PVD Tech, Liên doanh BJ – PV Drilling;

2007

- Khánh thành giàn khoan biển tự nâng đa năng đầu tiên do người Việt Nam sở hữu 100% (PV DRILLING I) và giàn khoan đất liền PV DRILLING 11;
- Thành lập Xí nghiệp Điều hành khoan (PVD Drilling Division); Công ty PVD Well Services, PVD Offshore và PVD Training;

2008

- Thành lập Công ty PVD – Expro và PVD Tubulars Management;
- Sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư Khoan Dầu khí Việt Nam (PVD Invest) vào PV Drilling, nâng giá trị tổng tài sản của Tổng Công ty lên trên 12.000 tỷ đồng và vốn điều lệ lên đến 2.105 tỷ đồng;

2009

- Tiếp nhận hai giàn khoan biển tự nâng đa năng PV DRILLING II & PV DRILLING III;

2010

- Thành lập PVD Invest; Liên doanh PVD – Baker Hughes;
- Ký hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) đầu tư giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm ứng dụng công nghệ cao đầu tiên tại Việt Nam (TAD – PV DRILLING V) và thành lập Công ty PVD Deepwater;
- Mở rộng thị phần thông qua việc thuê thêm giàn khoan từ các đối tác nước ngoài để kịp thời cung ứng cho thị trường trong nước;

2011

- Tiếp nhận và đưa giàn khoan PV DRILLING V đi vào hoạt động;
- Thành lập Công ty TNHH Liên doanh PVD Tech – Oil States Industries (PVD – OSI);

2012

- Chính thức chuyển đổi hình thức hoạt động của đơn vị thành viên PVD Tech thành công ty Cổ phần;
- Hoàn tất việc đầu tư nắm giữ 51% vốn điều lệ của Liên doanh Vietubes;

2013

- Chào bán thành công 38 triệu cổ phần riêng lẻ cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và nhà đầu tư tài chính quốc tế nhằm hỗ trợ nguồn vốn đầu tư giàn khoan PV DRILLING VI;
- Triển khai Dự án “Thành lập Liên doanh PV Drilling Overseas” tại Singapore;

2014

- Năm 2014 được đánh dấu là một năm thành công của PV Drilling, tất cả các chỉ tiêu (hợp nhất) về tài chính của PV Drilling đều đạt kết quả rất tốt so với kế hoạch đề ra:



Tổng doanh thu
đạt 152%



Lợi nhuận trước thuế
đạt 148%



Lợi nhuận sau thuế
đạt 147%



Nộp ngân sách nhà nước
đạt 193%

- Các giàn khoan của PV Drilling tiếp tục được vận hành hiệu quả và an toàn, không xảy ra tai nạn mất thời gian lao động (Zero LTI), trong đó:
 - + Giàn khoan PV DRILLING I liên tục 7 năm đạt Zero LTI;
 - + Giàn khoan PV DRILLING II và giàn khoan PV DRILLING III liên tục 5 năm đạt Zero LTI;
 - + Giàn khoan PV DRILLING V liên tục 2 năm đạt Zero LTI;
 - + Giàn khoan PV DRILLING 11 đạt 1 năm Zero LTI./.



PV DRILLING CHUYÊN CUNG CẤP GIÀN KHOAN VÀ CÁC DỊCH VỤ KỸ THUẬT KHOAN PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG TÌM KIẾM THĂM DÒ VÀ KHAI THÁC DẦU KHÍ TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC:



PV DRILLING I



PV DRILLING II



PV DRILLING 11



PV DRILLING III



PV DRILLING V



PV DRILLING VI

- Sở hữu và điều hành giàn khoan biển và giàn khoan đất liền;
- Dịch vụ thiết bị khoan;
- Đo karota khí và cung cấp chuyên gia địa chất;
- Kéo thả ống chống;
- Dịch vụ thiết bị đầu giếng;
- Ứng cứu sự cố dầu tràn;
- Sửa chữa, bảo dưỡng, kiểm định vật tư thiết bị và phương tiện chuyên ngành dầu khí;
- Đào tạo, cung cấp nhân lực khoan;
- Đào tạo công nhân kỹ thuật phục vụ ngành dầu khí và các ngành công nghiệp khác;
- Cung cấp vật tư, thiết bị cho ngành dầu khí và các ngành công nghiệp khác;
- Bảo trì thiết bị công nghiệp: lắp đặt, kiểm tra, sửa chữa, bảo dưỡng các cụm thiết bị và dây chuyền công nghiệp;
- Chế tạo ống chống, thiết kế chế tạo cụm thiết bị và kết cấu kim loại;
- Dịch vụ kỹ thuật khác hợp tác với các đối tác nước ngoài: Bơm trám xi măng và kích thích vỉa; Cung cấp dịch vụ trộn gói ống công nghiệp dầu khí, sửa chữa bảo dưỡng ống công nghiệp dầu khí; Thử vỉa và khai thác sớm; Khoan định hướng và khảo sát; Đo trong khi khoan; Lấy mẫu lõi; Đo địa vật lý giếng khoan (trừ dịch vụ đo karota khai thác); Treo đầu ống chống lừng; Cứu kẹt sự cố giếng khoan; Đại lý bán hàng hóa phẩm cho khai thác; Choàng khoan; Ép vỉa nhân tạo; Hoàn thiện giếng thông minh; Công nghệ khai thác mỏ;
- Tư vấn đầu tư – quản lý dự án và tư vấn quản lý; Tư vấn về công nghệ trong lĩnh vực dầu khí. Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên bao gồm: Cung ứng giàn khoan biển nước sâu phục vụ tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí./.

Sơ đồ tổ chức



TÍNH ĐẾN NGÀY **31/12/2014**, PV DRILLING VÀ CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC CÓ TỔNG SỐ CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN LÀ **2.157** NGƯỜI. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA PV DRILLING BAO GỒM VĂN PHÒNG ĐIỀU HÀNH TỔNG CÔNG TY VÀ CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN NHƯ SAU:

2.157

Sơ lược các đơn vị thành viên

CÔNG TY MẸ

Tỷ lệ sở hữu: 100%

LĨNH VỰC KINH DOANH

PVD Drilling Division:
Quản lý, vận hành đội ngũ giàn khoan Tổng Công ty sở hữu (PV DRILLING I, II, III & 11) và các giàn khoan thuê ngoài.

PVD Invest: Cung cấp chuyên gia trình độ cao và các dịch vụ kỹ thuật thiết bị...

DOANH THU 2014

13.482

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ 2014

2.555

ĐVT: TỶ ĐỒNG

**lần lượt tăng
38% và 44%
so với năm 2013**

PVD OFFSHORE

Vốn điều lệ: 130 tỷ đồng
Tỷ lệ sở hữu: 100%

LĨNH VỰC KINH DOANH

Cung ứng nhân lực khoan, cung ứng dịch vụ kiểm định - sửa chữa - bảo dưỡng và chế tạo các thiết bị khoan, dịch vụ ứng cứu sự cố tràn dầu...

DOANH THU 2014

1.126

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ 2014

243

ĐVT: TỶ ĐỒNG

**lần lượt tăng
23% và 20%
so với năm 2013**

PVD LOGGING

Vốn điều lệ: 80 tỷ đồng
Tỷ lệ sở hữu: 100%

LĨNH VỰC KINH DOANH

Cung cấp các dịch vụ kỹ thuật cao trong hoạt động khoan thăm dò và khai thác dầu khí như đo karota khí, kéo thả thiết bị và đo karota khai thác, thử vỉa và cung cấp chuyên gia địa chất.

DOANH THU 2014

1.787

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ 2014

257

ĐVT: TỶ ĐỒNG

**lần lượt tăng
38% và 68%
so với năm 2013**

PVD WELL SERVICES

Vốn điều lệ: 80 tỷ đồng
Tỷ lệ sở hữu: 100%

LĨNH VỰC KINH DOANH

Cung cấp các dịch vụ kỹ thuật giếng khoan, cho thuê thiết bị khoan, kéo thả ống chống, cứu kẹt sự cố giếng khoan, treo đầu ống chống lừng...

DOANH THU 2014

1.365

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ 2014

321

ĐVT: TỶ ĐỒNG

**lần lượt tăng
74% và 79%
so với năm 2013**

PVD DEEPWATER

Vốn điều lệ: 764 tỷ đồng
Tỷ lệ sở hữu: 100%

LĨNH VỰC KINH DOANH

Quản lý, vận hành giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm ứng dụng công nghệ cao (TAD).

DOANH THU 2014

1.630

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ 2014

281

ĐVT: TỶ ĐỒNG

**lần lượt tăng
2% và 12%
so với năm 2013**

PVD TECH

Vốn điều lệ: 200 tỷ đồng
Tỷ lệ sở hữu: 100%

LĨNH VỰC KINH DOANH

Thiết kế chế tạo các cụm thiết bị, cho thuê thiết bị đầu giếng và mudline, dịch vụ trọn gói cung cấp ống chống và dịch vụ thương mại dầu khí...

DOANH THU 2014

2.329

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ 2014

81

ĐVT: TỶ ĐỒNG

**lần lượt tăng
54% và 19%
so với năm 2013**





Sơ lược các đơn vị thành viên (tiếp theo)

PVD TRAINING	PVD - BAKER HUGHES	PVD TUBULARS MANAGEMENT	PVD OVERSEAS
Vốn điều lệ: 29 tỷ đồng Tỷ lệ sở hữu: 52%	Vốn điều lệ: 20.000.000 đô la Mỹ Tỷ lệ sở hữu: 51%	Vốn điều lệ: 3.500.000 đô la Mỹ Tỷ lệ sở hữu: 51%	Vốn điều lệ: 51.141.000 đô la Mỹ Tỷ lệ sở hữu: 80%
LĨNH VỰC KINH DOANH	LĨNH VỰC KINH DOANH	LĨNH VỰC KINH DOANH	LĨNH VỰC KINH DOANH
Đào tạo, cấp chứng chỉ; cung ứng nhân lực & dịch vụ kỹ thuật an toàn & hàng hải...	Cung cấp các dịch vụ khoan định hướng & đo trong khi khoan, choòng khoan, đo địa vật lý giếng khoan, cung cấp đầu treo ống lồng...	Cung cấp các sản phẩm cần khoan, ống chống, ống khai thác & cung cấp dịch vụ quản lý ống chống trọn gói...	Đầu tư, khai thác, vận hành giàn khoan tự nâng PV DRILLING VI, hướng đến các thị trường trong khu vực và trên thế giới...
DOANH THU 2014	DOANH THU 2014	DOANH THU 2014	
407	2.793	1.324	
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ 2014	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ 2014	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ 2014	
25	616	81	
ĐVT: TỶ ĐỒNG	ĐVT: TỶ ĐỒNG	ĐVT: TỶ ĐỒNG	
lần lượt tăng 169% và 20% so với năm 2013	lần lượt tăng 22% và 86% so với năm 2013	lần lượt tăng 59% và 195% so với năm 2013	Năm 2014, PVD Overseas chưa ghi nhận doanh thu, lợi nhuận do giàn khoan PV DRILLING VI được đưa vào sử dụng từ Q1/2015.

BJ - PV DRILLING	PVD - EXPRO	VIETUBES	PVD - OSI
Vốn điều lệ 5.000.000 đô la Mỹ Tỷ lệ sở hữu: 49%	Vốn điều lệ 4.000.000 đô la Mỹ Tỷ lệ sở hữu: 51%	Vốn điều lệ 3.707.300 đô la Mỹ Tỷ lệ sở hữu: 51%	Vốn điều lệ 5.000.000 đô la Mỹ Tỷ lệ sở hữu: 51%
LĨNH VỰC KINH DOANH	LĨNH VỰC KINH DOANH	LĨNH VỰC KINH DOANH	LĨNH VỰC KINH DOANH
Cung cấp dịch vụ can thiệp ống khoan bằng ống khai thác mềm, bơm trám xi măng, kích thích vỉa, nứt vỉa thủy lực & thẩm lọc dung dịch thử vỉa...	Cung cấp dịch vụ thử vỉa giếng khoan thăm dò; dịch vụ gọi dòng giếng khoan khai thác; dịch vụ cung cấp các thiết bị dưới mặt nước; dịch vụ lấy mẫu đáy giếng và bề mặt; dịch vụ kiểm soát và lọc cát giếng dầu khí và dịch vụ khai thác sớm.	Ren, gia công, sửa chữa, phục hồi và kiểm tra, kiểm định các loại cần khoan ống chống, chế tạo đầu nối, khớp nối và các phụ kiện phục vụ cho hoạt động khoan thăm dò, khai thác dầu khí.	Gia công, chế tạo, sửa chữa, bảo dưỡng các loại đầu nối nhanh cho ống chống lồng.
DOANH THU 2014	DOANH THU 2014	DOANH THU 2014	DOANH THU 2014
1.079	272	145	53
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ 2014	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ 2014	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ 2014	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ 2014
96	121	32	15
ĐVT: TỶ ĐỒNG	ĐVT: TỶ ĐỒNG	ĐVT: TỶ ĐỒNG	ĐVT: TỶ ĐỒNG
lần lượt tăng 50% và 66% so với năm 2013	lần lượt tăng 65% và 104% so với năm 2013	lần lượt tăng 23% và 76% so với năm 2013	lần lượt tăng 4% và 18% so với năm 2013





Giới thiệu Hội đồng Quản trị



Ông Đỗ Đức Chiến
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

CHIU TRÁCH NHIỆM CHỈ ĐẠO CHUNG, PHỤ TRÁCH LĨNH VỰC CHIẾN LƯỢC, ĐỔI MỚI DOANH NGHIỆP CỦA TỔNG CÔNG TY.

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Luật;
Cử nhân Chính trị.

Quá trình công tác

04/2010 đến nay: Chủ tịch HĐQT PV Drilling;

2009 – 2010: Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Petrosetco;

2007 – 2009: Chủ tịch HĐQT Công ty Petroland;

2007: Phó Tổng Giám đốc Ban Quản lý Dự án các công trình xây dựng phía Nam, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

1999 – 2006: Chánh Văn phòng, Phó Bí thư thường trực, Bí thư Đảng ủy Khối Dầu khí tại TP. Hồ Chí Minh;

1988 – 1999: Trưởng phòng Tổ chức, Trưởng phòng Vật tư Công ty Đầu tư phát triển Giao thông vận tải;

1983 – 1987: Công tác tại Cục cảnh vệ Bộ Công an.



Ông Phạm Tiến Dũng
Thành viên Hội đồng Quản trị,
Tổng Giám đốc

CHỈ ĐẠO QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH CHUNG CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG, PHÁP CHẾ VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA TỔNG CÔNG TY.

(Các thông tin khác xem phần Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc trang 20).



Ông Trần Văn Hoạt
Thành viên Hội đồng Quản trị,
Phó Tổng Giám đốc

THEO DÕI CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CBCNV, ĐẦU THẦU VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CỦA TỔNG CÔNG TY.

(Các thông tin khác xem phần Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc trang 21).



Bà Kiều Thị Hoài Minh
Thành viên Hội đồng Quản trị,
Trưởng Ban Thương mại Đầu tư

THEO DÕI LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI, KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỦA TỔNG CÔNG TY.

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Ngoại ngữ: Pháp - Anh;
Kỹ sư Kinh tế Vận tải biển;
Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.

Quá trình công tác

12/2009 đến nay: Thành viên HĐQT PV Drilling;

2007 đến nay: Trưởng Ban Thương mại Đầu tư PV Drilling;

2003 – 2007: Phó Phòng Thương mại PV Drilling;

2002 – 2003: Chuyên viên Thương mại PV Drilling;

1998 – 2001: Chuyên viên Thương mại Xí nghiệp Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển thuộc PTSC;

1993 – 1997: Chuyên viên Thanh toán quốc tế, Hội sở chính, Ngân hàng TMCP Hàng hải VN.



Ông Lê Văn Bé
Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

THEO DÕI LĨNH VỰC KẾ TOÁN TÀI CHÍNH CỦA TỔNG CÔNG TY.

Trình độ chuyên môn

Cử nhân kinh tế Đại học Tài chính Kế toán.

Quá trình công tác

2010 đến nay: Thành viên HĐQT độc lập PV Drilling;

01/2010 - 04/2014: Phó Chủ tịch thứ nhất Ngân hàng TMCP Quân đội;

1995 – 2009: Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Quân đội;

03/1993 – 1995: Trực tiếp xây dựng để án thành lập NH TMCP Quân đội, Trưởng Ban Tư vấn Thư ký của Hội đồng Quản trị;

1990 – 1995: Phó Vụ trưởng Vụ Tài chính, phụ trách công tác kế toán Ngân hàng;

1975 – 1989: Trợ lý tại Phòng Tài chính- Tổng cục Kỹ thuật;

1970 – 1974: Trợ lý tại Phòng Tài chính- Tổng cục Hậu cần.



Giới thiệu Hội đồng Quản trị (tiếp theo)



Bà Phạm Thị An Bình
Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

THEO DÕI HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH CỦA TỔNG CÔNG TY.

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Ngân hàng – Tài chính;
Thạc sĩ Kinh tế Quốc tế và Kinh tế Phát triển.

Quá trình công tác

07/2014 đến nay: Thành viên HĐQT độc lập PV Drilling;

05/2014 – nay: Phó trưởng phòng, Phòng Khách hàng Doanh nghiệp, Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank);

08/2009 – 05/2014: Phó trưởng phòng, Phòng Tài trợ Dự án, Vietcombank;

03/2001 – 08/2009: Cán bộ Phòng Đầu tư Dự án, Vietcombank.



Ông Dương Xuân Quang
Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

THEO DÕI HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN CỦA TỔNG CÔNG TY.

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Kinh tế;
Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.

Quá trình công tác

2010 đến nay: Thành viên HĐQT độc lập PV Drilling;

10/2013 đến nay: Phó Tổng Giám đốc PVCombank, Giám đốc chi nhánh Ngân hàng PVCombank – Chi nhánh Hồ Chí Minh;

01/2010 – 09/2013: Giám đốc Chi nhánh Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh;

05/2009 – 12/2009: Phó Giám đốc chi nhánh Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh;

01/2009 – 04/2009: Phó Ban Tài chính Kế toán, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

2005 – 2008: Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Công ty Liên doanh Điều hành Cửu Long;

2002 – 2005: Phó phòng Tài chính Kế toán, Công ty Liên doanh Điều hành Cửu Long;

2000 – 2002: Chuyên viên Phòng Kiểm toán nội bộ, Tổng Công ty Dầu khí;

1994 – 2000: Chuyên viên Phòng Kế toán, Tổng Công ty Dầu khí.



Giới thiệu Ban Kiểm soát



Bà Nguyễn Thị Thủy
Trưởng Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Kinh tế (Tài chính Kế toán);
Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh Quốc tế.

Quá trình công tác

2008 đến nay: Trưởng Ban Kiểm soát PV Drilling kiêm Kế toán trưởng Trung tâm Ứng phó Sự cố Trần đầu khu vực miền Nam (NASOS);

2007 - 2008 : Kế toán trưởng NASOS kiêm thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Khoan dầu khí Việt Nam (PVD Invest);

2003 – 2007: Kế toán trưởng Xí nghiệp Khoan Dầu khí thuộc PV Drilling;

2002 – 2003: Phụ trách Phòng Kế toán Xí nghiệp Khoan Dầu khí thuộc PV Drilling;

1989 – 2001: Công tác tại Phòng Kế toán Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.



Ông Nguyễn Văn Tứ
Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Tài chính Doanh nghiệp.

Quá trình công tác

2010 đến nay: Thành viên Ban Kiểm soát PV Drilling;

2008 đến nay: Trưởng Ban Kiểm toán Nội bộ PV Drilling;

2007 – 2008: Chuyên viên Phòng Kiểm toán Nội bộ PV Drilling;

2004 – 2007: Công tác tại Công ty Theodore Alexander Ltd;

2000 – 2004: Công tác tại Công ty TNHH Deloitte Vietnam;

1997 – 2000: Công tác tại Công ty Thương mại và Đầu tư Petec.



Bà Phạm Bảo Ngọc
Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kinh tế thế giới hệ chính quy Học viện Tài chính trực thuộc Chính phủ Liên bang Nga.

Quá trình công tác

5/2012 đến nay: Thành viên Ban Kiểm soát PV Drilling;

2005 đến nay: Chuyên viên phòng Đầu tư thuộc Hội sở chính, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank);

2003 – 2005: Chuyên viên Phòng thanh toán Liên ngân hàng, Ngân hàng Vietcombank.

Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc



1 Ông **PHẠM TIẾN DŨNG**

Tổng Giám đốc

Tình độ chuyên môn
Kỹ sư Cơ khí;
Cử nhân Ngoại ngữ - Anh văn.

Quá trình công tác

08/2010 đến nay: Tổng Giám đốc PV Drilling;
2009 – 08/2010: Phó Tổng Giám đốc thường trực PV Drilling;
2005 – 2009: Phó Tổng Giám đốc PV Drilling kiêm Giám đốc Xí nghiệp Điều hành Khoan;
2002 – 2005: Giám Đốc Xí nghiệp Khoan Dầu khí thuộc PV Drilling;
1992 – 2001: Làm việc tại các công ty dịch vụ dầu khí đa quốc gia (Singapore, Úc, Thái Lan...).

Chức vụ kiêm nhiệm: Thành viên HĐQT PV Drilling, Chủ tịch HĐQT PVD Overseas, Chủ tịch HĐQT Liên doanh PVD Baker Hughes.

2 Bà **HỒ NGỌC YẾN PHƯƠNG**

Phó Tổng Giám đốc

Tình độ chuyên môn
Thạc sỹ Tài chính Kế toán Quốc tế tại Trường Đại học Swinburne, Úc.

Quá trình công tác

07/2008 đến nay: Phó Tổng Giám đốc PV Drilling;
2007 – 06/2008: Giám đốc Tài chính PV Drilling;
2003 – 2007: Giám đốc Tài chính (CFO) Công ty S-Telecom (Sfone);
2000 – 2003: Financial Controller của Công ty Holcim Việt Nam;
1998 – 2000: Giám đốc tài chính của SYM;
1993 – 1998: Kế toán viên, Kế toán tổng hợp, Kế toán trưởng Công ty FDI VMEP (nay là Công ty SYM).

Chức vụ kiêm nhiệm: Chủ tịch HĐQT PVD Deepwater, Phó Chủ tịch PVD Tubulars Management, Thành viên HĐQT PVD Overseas, PVD-Baker Hughes.

3 Ông **NGUYỄN XUÂN CƯỜNG**

Phó Tổng Giám đốc

Tình độ chuyên môn
Kỹ sư Khoan Dầu khí;
Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.

Quá trình công tác

09/2010 đến nay: Phó Tổng Giám đốc PV Drilling, Giám đốc Xí nghiệp Điều hành khoan;
06/2008 – 09/2010: Phó Tổng Giám đốc, Tổng Công ty PVEP;
2005 – 2008: Giám đốc Thi Công, Phó Giám đốc, Công ty PVEP – Algeria;
2003 – 2005: Phó Trưởng phòng Thi công Khoan, Trưởng phòng Thi công Khoan Công ty PIDC;
2001 – 2003: Trưởng Dự án Bồn trữing Hà Nội, Trưởng Dự án Amara, Công ty Đầu tư Phát triển Dầu khí (PIDC);
1999 – 2001: Kỹ sư Khoan, Công ty Unocal;
1996 – 1999: Kỹ sư Khoan, Công ty Giám sát các hợp đồng PSC (PVSC);
1992 – 1996: Công tác tại Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC).

Chức vụ kiêm nhiệm: Chủ tịch HĐQT PVD Training.

4 Ông **TRẦN VĂN HOẠT**

Phó Tổng Giám đốc

Tình độ chuyên môn
Kỹ sư khoan dầu khí;
Kỹ sư khoan dầu khí nâng cao tại Liên Xô cũ.

Quá trình công tác

05/2012 đến nay: Thành viên HĐQT PV Drilling;
2006 đến nay: Giám đốc Trung tâm Ứng phó Sự cố Trần dầu khu vực miền Nam (NASOS);
2001 đến nay: Phó Tổng Giám đốc PV Drilling;
1987 – 2001: Chánh kỹ sư và Giàn trưởng giàn khoan tự nâng Cửu Long, Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Vietsovetro;
1983 – 1987: Đốc công khoan tại Công ty Dầu khí I Thái Bình.

Chức vụ kiêm nhiệm: Chủ tịch Hội đồng thẩm định các dự án đầu tư PV Drilling.



Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

5 Ông **VŨ VĂN MINH**

Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn

Thạc sỹ Kỹ thuật khoan, khai thác và công nghệ dầu khí.

Quá trình công tác

11/2014 đến nay : Phó Tổng Giám đốc PV Drilling;
04/2011 đến nay: Phó Giám đốc, Công ty TNHH Liên doanh Kỹ thuật Giếng khoan PV Drilling và Baker Hughes (PVD Baker Hughes);
07/2010 - 03/2011: Trưởng Ban thành lập LD PV Drilling – Baker Hughes;
06/2008 – 06/2010: Kỹ sư khoan chính & giám sát khoan, Công ty Liên doanh điều hành Hoàng Long JOC & Hoàn Vũ JOC;
09/2006 – 05/2008: Phó trưởng phòng Kỹ thuật và hỗ trợ sản xuất, Ban Quản lý Hợp đồng Dầu khí, Petrovietnam;
02/1996 – 08/2006: Kỹ sư khoan phòng Thăm dò – Khai thác và Ban Tìm kiếm – Thăm dò, Petrovietnam;
10/1993 – 01/1996: Kỹ sư Khoan, Công ty giám sát các hợp đồng chia sản phẩm Dầu khí (PVSC).

6 Ông **TRỊNH VĂN VINH**

Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn

Kỹ sư Cơ khí.

Quá trình công tác

08/2011 đến nay: Phó Tổng Giám đốc PV Drilling; Chủ tịch HĐQT PVD Tech;
06/2011 – 08/2011: Phó Tổng Giám đốc PV Drilling kiêm Giám đốc Công ty PVD Tech;
2006 – 06/2011: Giám đốc Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí (PVD Tech);
2002 – 2006: Phó Trưởng phòng/ Trưởng phòng Kỹ thuật PV Drilling;
1987 – 2002: Kỹ sư cơ khí, Giàn phó cơ điện, Trợ lý Tổng Giám đốc Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro.

Chức vụ kiêm nhiệm: Chủ tịch BJ - PV Drilling.

7 Ông **ĐÀO NGỌC ANH**

Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn

Kỹ sư Thiết bị Động lực Tàu thủy, Trường Đại học Đống Tàu Leningrad, Liên Xô.

Quá trình công tác

12/2009 đến nay: Phó Tổng Giám đốc PV Drilling;
2008 – 2009: Trưởng phòng Quản lý Dự án & Xây dựng cơ bản, PV Drilling;
2003 – 2008: Trưởng phòng Nhập Công ty Thương Mại Dầu khí, Petechim;
2001 – 2003: Phó phòng Vận Tải Dầu khí Công ty Thương Mại Dầu khí, Petechim;
1994 – 2001: Phó phòng Nhập Công ty Thương Mại Dầu khí, Petechim;
1987 – 1994: Nhân viên phòng Phương tiện Nổi, Petechim.

Chức vụ kiêm nhiệm: Thành viên HĐQT Liên doanh PVD-Expro.

Giới thiệu Kế toán trưởng & Trưởng Ban Tài chính

Ông **ĐOÀN ĐẮC TÙNG**

Kế toán trưởng

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Kinh tế (Trường Đại học Tài chính Kế toán);
Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.

Quá trình công tác

2006 đến nay: Kế toán trưởng, PV Drilling;
2002 – 2006: Phó phòng Tài chính – Kế toán, PV Drilling;
1998 – 2001: Phụ trách công tác kế toán tại Xí nghiệp Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí biển (PTSC Offshore) – đơn vị thành viên Công ty PTSC.

Ông **ĐỖ DANH RẠNG**

Trưởng Ban Tài chính

Trình độ chuyên môn

Thạc sỹ Tài chính Kế toán Quốc tế tại Trường Đại học Swinburne (Úc).

Quá trình công tác

01/2009 đến nay: Trưởng Ban Tài chính, PV Drilling;
01/2008 – 12/2008 : Phó phòng Tài chính, PV Drilling;
06/2006 – 12/ 2007: Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Công ty Kimberly Clark Vietnam Ltd;
07/2003 – 06/2006: Trưởng phòng Tài chính, S-Telecom – Trung tâm ĐTDĐ CDMA;
06/2001 – 07/2003: Trưởng BP Tài chính Kế toán, Công ty Liên doanh Holcim Vietnam;
07/1998 – 06/2001: Trưởng BP Kế toán Giá thành, Công ty Liên doanh American Standard Vietnam;
10/1995 – 06/1998: Kế toán Tổng hợp, Công ty Liên doanh Grand Imperial Saigon Hotel Ltd (Park Hyatt Hotel).



Các mục tiêu trọng yếu

1. Củng cố và gia tăng thị phần khoan trong nước:

Với nguồn tiềm năng dầu khí dồi dào của Việt Nam, hiện tại nhu cầu thị trường trong nước hàng năm từ 12-14 giàn khoan tự nâng và 2-3 giàn khoan nước sâu để phục vụ cho công tác tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí. Để đáp ứng nhu cầu trên, trong những năm qua, PV Drilling đã không ngừng đẩy mạnh việc phát triển đội ngũ giàn khoan và nhân sự vận hành. Đến hết năm 2014, chỉ sau 7 năm kể từ khi giàn khoan đầu tiên của PV Drilling được đưa vào vận hành, PV Drilling đã có 4 giàn khoan tự nâng, 1 giàn khoan TAD, hiện đang và sẽ tiếp tục phục vụ cho chiến dịch khoan của các nhà thầu dầu khí tại Việt Nam. Với đội ngũ giàn khoan được đầu tư phát triển khá nhanh nhưng tạm thời số lượng giàn khoan thuộc sở hữu của PV Drilling chỉ chiếm khoảng 30% thị trường. Trong những năm gần đây, PV Drilling cũng đã đẩy mạnh việc thuê thêm giàn khoan từ các đối tác nước ngoài, có thời điểm lên đến 7 giàn đối tác, tăng tỷ lệ thị phần lên đến 80%. Dù việc hợp tác và thuê các giàn khoan từ đối tác có tỷ lệ lợi nhuận rất thấp, hơn nữa lại không ổn định và không có tính chủ động về việc sắp xếp và bố trí giàn khoan. Nhưng trước nhu cầu và thị trường trong nước vẫn rất lớn, PV Drilling sẽ tiếp tục chiến lược đầu tư giàn khoan hợp lý, đáp ứng tốt nhu cầu thị trường. Với nhận định như vậy, PV Drilling đặt mục tiêu nâng cao thị phần của các giàn khoan sở hữu lên tỷ lệ 50% bằng việc mua và đóng mới thêm từ 2-3 giàn khoan tự nâng và 1 giàn khoan nước sâu trong 5 năm tới.

2. Mở rộng thị trường ra các khu vực tiềm năng:

Bất chấp những biến động và bất ổn của tình hình chính trị thế giới và sự suy giảm giá dầu trong thời gian gần đây, nhu cầu về năng lượng chưa bao giờ mất đi vì thế là mối quan tâm hàng đầu trong lĩnh vực tài nguyên năng lượng, có khả năng ảnh hưởng đến sự tăng trưởng và phát triển của nhiều quốc gia. Chính vì thế, việc tìm kiếm và khai thác nguồn vàng đen vẫn tiếp tục được đẩy mạnh ở nhiều khu vực trên thế giới, trong đó, Đông Nam Á vẫn là một trong những thị trường rất sôi động. Với thuận lợi về vị trí địa

lý chiến lược và năng lực vận hành đã được khẳng định trong những năm qua, PV Drilling hoàn toàn có khả năng thâm nhập vào thị trường Đông Nam Á và xa hơn. Điều này có ý nghĩa quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững của PV Drilling và là mục tiêu được nhấn mạnh trong những năm gần đây. Để thực hiện điều này, PV Drilling đã đẩy mạnh công tác marketing, nghiên cứu, tìm hiểu nhu cầu của thị trường nước ngoài, đặc biệt là tại Malaysia, Indonesia, Myanmar, Brunei...; thiết lập liên doanh với các công ty địa phương tại các thị trường nói trên nhằm kịp thời nắm bắt thông tin và tạo điều kiện thuận lợi cho công tác dự thầu cung cấp dịch vụ khoan và các dịch vụ kỹ thuật giếng khoan. Đồng thời, PV Drilling cũng tập trung chuẩn bị tốt các nguồn lực nội tại như con người, khả năng tài chính, quy trình quản trị để sẵn sàng cho việc đưa những giàn khoan của PV Drilling ra các thị trường tiềm năng. Với sự chuẩn bị kỹ càng cho các điều kiện cần thiết, cùng với việc tiếp tục duy trì hoạt động của giàn khoan PV DRILLING 11 tại Algeria, PV Drilling đặt mục tiêu sẽ đưa ít nhất một giàn khoan tự nâng để vận hành thường xuyên ở nước ngoài trong thời gian 2 năm tới. Đồng thời, hoàn thành việc xây dựng các căn cứ, cơ sở vật chất tại Myanmar, Malaysia, Singapore... nhằm đảm bảo công tác hỗ trợ vận hành và logistics được thực hiện hiệu quả và làm cơ sở phát triển các dịch vụ kỹ thuật liên quan đến khoan khác.



Gia tăng thị phần khoan trong nước là một trong những mục tiêu trọng yếu của PV Drilling.

3. Nâng cao tỷ lệ ứng dụng nghiên cứu khoa học, cải tiến kỹ thuật trong SXKD; Xây dựng trung tâm R&D làm tiền đề cho việc đẩy mạnh công tác nghiên cứu và phát triển:

Trong những năm qua, bên cạnh việc cập nhật và ứng dụng các thành tựu KHCN đã được công nhận và phát triển trên thế giới, PV Drilling luôn chú trọng khuyến khích hoạt động nghiên cứu khoa học, cải tiến kỹ thuật và không ngừng tăng cường nguồn quỹ đầu tư cho hoạt động nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật. Hiện tại, các hoạt động R&D vẫn đang được khuyến khích thực hiện ở các đơn vị với những thành tựu đáng khích lệ như các giải pháp trong mảng gia công cơ khí, bộ thiết bị thử áp lực, kiểm tra và hiệu chuẩn an toàn, cơ cấu tự động nạp cần khoan, phần mềm cho trạm đo karota khí... Tuy nhiên, để có được những thành tựu R&D có tầm ảnh hưởng lớn hơn, PV Drilling đã lập kế hoạch xây dựng riêng một trung tâm R&D phục vụ phát triển các hoạt động của Tổng Công ty. Mục tiêu của PV Drilling là sẽ hoàn thành trung tâm R&D theo mô hình tập trung, để quy tụ hoạt động nghiên cứu và phát triển tại tất cả các đơn vị thành viên, qua đó có định hướng phát triển R&D một cách hệ thống và hiệu quả, thực sự mang lại bước tiến về chất lượng cho các dịch vụ của PV Drilling và tạo ra thêm nhiều giá trị gia tăng cho khách hàng.

4. Hoàn thiện hệ thống quản trị trên nền tảng công nghệ thông tin hiện đại, tăng cường tính chuyên nghiệp và sáng tạo:

PV Drilling luôn tự hào là một trong những doanh nghiệp đi đầu trong việc tích hợp các tiến bộ công nghệ thông tin vào công tác quản trị doanh nghiệp. Với nỗ lực đáng kể của toàn Tổng Công ty cùng với việc mạnh dạn đầu tư nguồn lực tài chính lớn, PV Drilling đã tích hợp thành công các hệ thống quản lý hiện đại bao gồm Hệ thống quản trị nguồn lực doanh nghiệp (ERP) của Oracle, hệ thống quản trị vật tư và bảo dưỡng Maximo của IBM, các hệ thống quản lý an toàn vệ sinh môi trường theo tiêu chuẩn ISO và OHSAS, hệ thống đào tạo nhân lực khoan trực tuyến, hệ thống quản trị rủi ro theo tiêu chuẩn ISO 31000 và



COSO... PV Drilling đặt mục tiêu hoàn thiện bộ máy quản lý hiện đại bằng việc triển khai rộng rãi trong toàn Tổng Công ty và thực hiện các chương trình đào tạo phù hợp cho từng cán bộ công nhân viên, ứng dụng phong cách làm việc mới hiện đại và hiệu quả trên nền tảng công nghệ thông tin, xây dựng tạo ra một môi trường doanh nghiệp hiện đại với văn hóa mở, công tác quản lý được số hóa và tinh gọn, khuyến khích sự thay đổi và sáng tạo, nhằm đem lại sự mới mẻ và hiệu quả trong cách thức vận hành doanh nghiệp, thể hiện được tính chuyên nghiệp và chất lượng trong quá trình làm việc với khách hàng và đối tác./.

Cam kết với Môi trường - Xã hội - Cộng đồng

Bên cạnh các mục tiêu phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận, Tổng Công ty luôn ý thức và hiểu rõ tầm quan trọng về trách nhiệm của doanh nghiệp đối với xã hội, với cộng đồng. Đặc biệt, là đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Ban lãnh đạo PV Drilling luôn quán triệt tinh thần trên đến toàn bộ CBCNV để góp phần vào thành công chung của Tập đoàn, một đơn vị vẫn được xem là ngành mũi nhọn, chủ lực trên mặt trận kinh tế, xã hội vì sự phồn vinh của Tổ quốc. Hơn nữa, chúng tôi định hướng xây dựng doanh nghiệp phát triển trên mọi mặt trận, là doanh nghiệp cống hiến cho cộng đồng những điều tốt đẹp một cách lâu dài. Thực tế tại PV Drilling, trách nhiệm xã hội từ lâu đã là một phần không thể thiếu, không thể xem nhẹ, được thể hiện trong Tâm nhìn, Sứ mệnh của Tổng Công ty, trong suy nghĩ, hành động, trong các quyết sách của Ban lãnh đạo về các hoạt động sản xuất kinh doanh hay các hoạt động tổ chức, đoàn thể hướng đến cộng đồng, trong bất cứ giai đoạn nào của nền kinh tế từ lúc thịnh vượng đến lúc khó khăn.

Mục tiêu đối với môi trường:

Song song với quá trình phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, chúng tôi vẫn tiếp tục thực hiện các biện pháp giảm thiểu tối đa những ảnh hưởng tác động xấu đến môi trường. Với quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh ngày càng mở rộng, các giàn khoan hoạt động ở những vùng biển xa bờ, thời tiết khắc nghiệt, công tác An toàn – Sức khỏe – Môi trường – Chất lượng (HSEQ) vẫn duy trì được các kết quả tốt nhiều năm qua. Trong đó nổi bật nhất là thành tích cả năm 2014 toàn Tổng Công ty không để xảy ra tai nạn gây mất thời gian lao động. Có được thành quả này chính là nhờ hệ thống quản lý theo các chuẩn mực quốc tế ngày càng được cải tiến, cụ thể hóa từ việc xây dựng và ban hành những quy trình quản lý, đầu tư đào tạo nhân lực và quản trị công nghệ thông tin. Ban lãnh đạo PV Drilling luôn ý thức được tầm quan trọng của môi trường đối với sự sống và tương lai của nhân loại. Các hoạt động sản xuất hoặc dịch vụ của chúng tôi

không chỉ bảo đảm chất lượng tốt mà còn có nghĩa vụ bảo vệ môi trường. Để đạt được điều này chúng tôi cam kết thực hiện:

- Tuân thủ các yêu cầu luật định và các yêu cầu khác liên quan đến các tác động môi trường của Tổng Công ty;
- Tăng cường kiểm soát, quản lý các vấn đề liên quan đến môi trường nhằm ngăn ngừa ô nhiễm, giảm thiểu tác động đáng kể đến môi trường bằng các biện pháp: tối ưu hóa việc sử dụng năng lượng và nước sinh hoạt, xử lý rác và nước thải, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên...
- Phát huy tinh thần sử dụng các sản phẩm thân thiện môi trường, khuyến khích toàn thể cán bộ công nhân viên tái sử dụng trong quá trình sản xuất;
- Nâng cao nhận thức cho toàn thể cán bộ công nhân viên thông qua đào tạo kiến thức về công tác bảo vệ môi trường.

Các chính sách này luôn được phổ biến rộng rãi đến toàn thể CBCNV Tổng Công ty để mọi người thấu hiểu và đều có trách nhiệm bảo vệ môi trường.

Mục tiêu với xã hội:

Không chỉ thực hiện tốt trách nhiệm đối với Nhà nước về việc hoàn thành nghĩa vụ đóng thuế, nộp ngân sách nhà nước, Tổng Công ty còn rất chú trọng công tác tạo công ăn việc làm cho người lao động. Với Ban lãnh đạo Tổng Công ty, yếu tố con người luôn là ưu tiên hàng đầu và không tách rời trong chiến lược phát triển hướng đến bền vững của PV Drilling. Xây dựng môi trường làm việc thân thiện, lý tưởng cùng với các chính sách khuyến khích người lao động phát triển, trau dồi kiến thức, tạo cơ hội thăng tiến, tăng uy tín xã hội, chăm lo đời sống sức khỏe... luôn được PV Drilling quan tâm và phát triển. Bên cạnh đó, chúng tôi luôn thiện chí, hợp tác cùng người lao



động, bảo vệ quyền lợi cho người lao động, thu hẹp khoảng cách giữa nhân viên và lãnh đạo, thực hiện bình đẳng giới, chống lao động cưỡng bức, góp phần nâng cao đời sống người lao động, từ đó thúc đẩy sự phát triển của xã hội.

Mục tiêu với cộng đồng:

Với tinh thần hướng tới cộng đồng, ngay từ những ngày đầu thành lập, Tổng Công ty đã luôn dành một phần lợi nhuận của mình để thực hiện các hoạt động an sinh xã hội, chung tay chia sẻ và đóng góp với cộng đồng. Việc triển khai các chương trình an sinh xã hội, thực hiện xóa đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng y tế, giáo dục văn hóa, xã hội, tăng cường đóng góp sức người sức của, thực hiện công bằng xã hội vì mục tiêu phát triển con người, phát huy tối đa nguồn lực con người luôn được Công đoàn, Đoàn Thanh Niên cùng toàn thể CBCNV của Tổng Công ty thực hiện nghiêm túc với tấm lòng nhiệt huyết và sự tận tâm vốn có trong mỗi cá nhân. Cụ thể, trong 4 năm gần đây, ngân sách Tổng Công ty dành cho các hoạt động này trung bình khoảng trên 40 tỷ đồng/năm./.



Bên cạnh việc phát triển doanh nghiệp, PV Drilling luôn quan tâm, gánh vác trách nhiệm với cộng đồng và xã hội thông qua các hoạt động hướng đến cộng đồng và các chương trình ASXH thiết thực.

Các rủi ro và biện pháp phòng ngừa

Hoạt động kinh doanh của ngành khoan dầu khí có tính chất phức tạp, đòi hỏi vốn đầu tư lớn, quản trị tốt nguồn lực bên trong và bên ngoài doanh nghiệp, đặc biệt là công tác quản trị rủi ro. Luôn ý thức và thấu hiểu tầm quan trọng của quản trị rủi ro, Ban lãnh đạo PV Drilling đã xây dựng thành công chiến lược quản trị rủi ro gắn liền với mục tiêu và chiến lược của doanh nghiệp, công tác quản trị các rủi ro trọng yếu một cách hiệu quả đã trở thành yếu tố chủ chốt góp phần vào thành công của PV Drilling, nhằm duy trì và đảm bảo sự phát triển bền vững, đạt được Tầm nhìn, Sứ mệnh và các mục tiêu chiến lược do cổ đông đặt ra.

1. Rủi ro chiến lược

Đứng trước những biến động khó lường của tình hình thế giới cùng với sự cạnh tranh gay gắt của các công ty dầu khí quốc tế, Ban lãnh đạo đã nỗ lực đưa ra chiến lược kinh doanh đúng đắn, chiến lược này là kim chỉ nam cho sự phát triển bền vững của PV Drilling, phù hợp với điều kiện kinh tế trong khu vực và định hướng phát triển chung của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Đối mặt với thử thách này, PV Drilling đã đưa ra một số giải pháp:

- Xây dựng chiến lược phát triển và mục tiêu đúng đắn, đó là việc tập trung mọi nguồn lực vào lĩnh vực kinh doanh cốt lõi cung cấp giàn khoan và các dịch vụ kỹ thuật khoan dầu khí;
- Xây dựng chuỗi giá trị (value chain) để tạo lợi thế cạnh tranh và tăng giá trị thặng dư cho khách hàng;
- Nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp, áp dụng các nguyên tắc và thông lệ quản trị tiên tiến trên thế giới;
- Xây dựng hình ảnh, phong cách làm việc chuyên nghiệp trong toàn thể cán bộ nhân viên, góp phần tạo dựng môi trường và văn hóa chuyên nghiệp cho PV Drilling.

2. Rủi ro hoạt động

Hoạt động khoan dầu khí luôn phải đối mặt với những rủi ro như: phun trào giếng khoan, tổn hại vỉa, mất kiểm soát giếng, hoả hoạn hoặc thiên tai dẫn đến việc ngừng hoạt động khoan, làm hư hỏng thiết bị, máy móc, làm nguy hại đến tính mạng con người và theo đó là các sự cố phun trào, tràn dầu, kéo theo thảm

họa về cháy nổ, ảnh hưởng nghiêm trọng cho môi trường. Để phòng ngừa và hạn chế các rủi ro trong hoạt động giàn khoan, Ban lãnh đạo PV Drilling đã đưa ra các biện pháp kiểm soát như sau:

- Xây dựng Quy chuẩn Hệ thống quản lý HSEQ được chứng nhận bởi các tổ chức uy tín như Viện Dầu khí Hoa kỳ (API) về các tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 9001:2009, các tiêu chuẩn quản lý khác như ISO 14001 về môi trường, và OHSAS 18001 về quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp...
- Áp dụng hệ thống Maximo để quản lý chuỗi cung ứng thiết bị cho giàn khoan, đảm bảo tính ổn định cho chuỗi cung ứng để đáp ứng nhanh chóng nhu cầu vật tư cần thiết cho việc vận hành giàn khoan, tạo một vùng đệm an toàn cho hoạt động của giàn khoan;
- Chính sách bảo hiểm về con người, bảo hiểm tài sản giàn khoan luôn được xem trọng và thực hiện đều đặn hàng năm nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của rủi ro khi xảy ra.

3. Rủi ro về nguồn nhân lực

Đặc thù của ngành khoan dầu khí đòi hỏi nhu cầu lớn về nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, kinh nghiệm lâu năm để vận hành hiệu quả hoạt động của giàn khoan, do đó, để gìn giữ nguồn nhân lực này PV Drilling đã thực hiện các chính sách hữu hiệu như sau:

- Xây dựng chế độ đãi ngộ để gìn giữ nguồn nhân lực;
- Công tác đào tạo nhân sự vận hành giàn khoan được thực hiện bài bản ngay trước khi tiếp nhận giàn về hoạt động tại Việt Nam để làm quen công tác vận hành thiết bị, kỹ thuật an toàn theo đúng chỉ dẫn của nhà sản xuất cũng như cập nhật các công nghệ mới;
- Xây dựng chương trình đào tạo năng lực chuyên môn cho từng vị trí chức danh (competency training matrix).

4. Rủi ro trong hoạt động tài chính

Với sự phát triển vượt bậc như hiện nay đã giúp PV Drilling trở thành Tổng Công ty có mô hình hoạt động quy mô với nhiều công ty con và công ty liên doanh, liên kết. Điều này đặt ra nhiều thách thức cho Ban lãnh đạo về việc quản trị các rủi ro liên quan đến hoạt động tài chính, kế hoạch ngân sách và dòng

tiền phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Hơn nữa, đặc thù của ngành khoan dầu khí đòi hỏi PV Drilling phải có những khoản đầu tư lớn vào các dự án đóng giàn khoan nên phát sinh các khoản vay dài hạn bằng ngoại tệ, do đó những rủi ro liên quan đến tài chính như: vốn đầu tư, thanh khoản, tỷ giá, lãi suất và các rủi ro tín dụng khác... đòi hỏi Ban lãnh đạo PV Drilling phải cực kỳ chú trọng kiểm soát. Các biện pháp quản trị rủi ro hoạt động tài chính đã, đang và sẽ được PV Drilling tiếp tục thực hiện như sau:

- Xây dựng quy trình và hệ thống hoạch định ngân sách thông qua hệ thống báo cáo kế toán quản trị bài bản và ngày càng hoàn thiện áp dụng từ các đơn vị thành viên đến Tổng Công ty, sử dụng nền tảng công nghệ thông tin là hệ thống ERP Oracle EBMS;
- Quản trị tài chính theo định hướng của Quy chế Quản lý Tài chính. Đây là kim chỉ nam và tiêu chuẩn nhằm kiểm soát tài chính tập trung, có định hướng, quy định chi tiết các chỉ số tài chính;
- PV Drilling đã xây dựng hệ thống ngân quỹ tập trung từ năm 2010, đảm nhiệm vai trò điều phối dòng tiền đến các đơn vị, phòng ban, bộ phận kịp thời phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, tối ưu hóa dòng tiền, tiết giảm chi phí cơ hội và tăng thu nhập từ hoạt động tài chính;
- Kiểm soát biến động tỷ giá hối đoái, chủ động chuyển đổi tiền hạch toán tại Tổng Công ty sang đồng đô la Mỹ.

5. Rủi ro về các chính sách thuế hiện hành

Các chính sách thuế của Việt Nam hiện nay đang còn trong giai đoạn kiện toàn nên liên tục có những thay đổi, bổ sung liên quan trực tiếp đến ngành khoan dầu khí nói chung và PV Drilling nói riêng, do đó, các rủi ro về áp dụng chính sách thuế, cập nhật các thay đổi về thuế luôn là mối quan tâm của Ban lãnh đạo PV Drilling. PV Drilling đã thành lập bộ phận chuyên trách về thuế để nghiên cứu, theo dõi và cập nhật các thay đổi về chính sách thuế tới các Ban/Đơn vị theo từng khoản mục thuế, từng loại hình dịch vụ liên quan.

6. Rủi ro tuân thủ

Hiện nay PV Drilling đã phát triển các dịch vụ của mình tại nhiều nước trên thế giới như Singapore, Malaysia, Algeria... Do đó, việc tuân thủ các chính sách, quy

định pháp luật của các nước sở tại là điều được Ban lãnh đạo đặc biệt quan tâm. Những rủi ro về mặt tuân thủ pháp lý cũng như các quy định nội bộ là mối lo không chỉ của riêng PV Drilling mà là mối lo chung của các công ty trong lĩnh vực năng lượng và môi trường.

Ban Kiểm toán Nội bộ với đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn sâu và kinh nghiệm thực tế cao đã hỗ trợ Ban lãnh đạo thực hiện đánh giá thường xuyên các vấn đề về tuân thủ các quy định của pháp luật, các quy trình, quy chế nội bộ đã ban hành. Ban Kiểm toán Nội bộ có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, các quy trình, quy định, quy chế nội bộ trong PV Drilling cũng như việc thực thi các chính sách thuế, các quy định hiện hành..., đồng thời đánh giá công tác quản lý điều hành tại các đơn vị.

7. Rủi ro giảm giá dầu

Những tháng cuối năm 2014, thị trường dầu khí thế giới đối mặt với việc giá dầu giảm sâu, đặc biệt là việc công nghệ khai thác thế hệ mới đang dần hình thành một xu thế có mức ảnh hưởng sâu rộng, giá dầu giảm mạnh có thể gây ra tác động xấu tới các hoạt động của ngành trong những tháng cuối năm và các kế hoạch từ năm 2015 trở về sau.

Nhận diện được rủi ro này, Ban lãnh đạo Tổng Công ty đã sát sao theo dõi các biến động thị trường và tìm kiếm, ký kết các hợp đồng khoan với thời hạn hợp lý để giảm thiểu rủi ro và tạo thế chủ động cho PV Drilling. Bên cạnh đó, PV Drilling đã củng cố, rà soát lại các nguồn lực nội tại để đảm bảo sử dụng một cách hiệu quả, thực hiện các chính sách tiết kiệm chi phí để đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu tài chính, kinh doanh nhằm đáp ứng kỳ vọng của cổ đông./.

Trong hoạt động SXKD, cơ hội và rủi ro luôn đi đôi với nhau. Một doanh nghiệp biết nắm bắt cơ hội sẽ phát triển nhanh chóng, biết quản trị rủi ro sẽ phát triển bền vững, và phát triển bền vững là đích đến tốt đẹp mà tất cả các doanh nghiệp đều hướng tới.



THÀNH QUẢ TỪ SÁNG TẠO

Phát huy sáng tạo trong hoạt động sản xuất kinh doanh là một trong những yếu tố mang đến sự thành công cho PV Drilling.



Báo cáo của Hội đồng Quản trị

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY TRONG NĂM TÀI CHÍNH 2014

Năm 2014 nền kinh tế thế giới đã trải qua một năm biến động, với nhiều căng thẳng chính trị tại một số nơi trên thế giới như cuộc chiến Đông – Tây ở Ukraine; cuộc chiến chống IS ở Trung Đông – Bắc Phi; vấn đề hạt nhân gây tranh cãi ở Iran, Triều Tiên; bất ổn ở Biển Đông, biển Hoa Đông... đã có những tác động tiêu cực tới đà phục hồi kinh tế của thế giới.

Năm qua cũng đem đến cho PV Drilling nhiều khó khăn, thách thức, đó là: cạnh tranh giữa các đơn vị trong ngành ngày càng gay gắt, giá dầu thế giới liên tục giảm sâu trong những tháng cuối năm kéo theo việc giảm giá cho thuê giàn khoan và các dịch vụ liên quan khác cũng bị ảnh hưởng... Mặc dù vậy, với nỗ lực cao độ của Ban lãnh đạo và đội ngũ cán bộ công nhân viên, PV Drilling đã hoàn thành xuất sắc kết quả kinh doanh vượt mức kế hoạch đề ra với:



20.884
TỶ ĐỒNG
Doanh thu tăng 52% so với KH 2014



2.419
TỶ ĐỒNG
Lợi nhuận sau thuế tăng 47% so với KH 2014



3.496
TỶ ĐỒNG
Ngân sách nhà nước tăng 93% so với KH 2014

Để đạt được những thành công trên, trong năm 2014, PV Drilling đã có những nỗ lực và thuận lợi sau:

- Các giàn khoan do PV Drilling sở hữu và các giàn khoan thuê ngoài tiếp tục được Tổng Công ty vận hành an toàn và đạt hiệu quả kinh tế cao;
- Các dịch vụ kỹ thuật giếng khoan và dịch vụ dầu khí khác vẫn duy trì được chất lượng dịch vụ và ngày càng chiếm lĩnh thị trường;
- Công tác điều hành sản xuất kinh doanh và quản trị doanh nghiệp hiệu quả, chuyên nghiệp;
- Luôn nhận được sự hỗ trợ hiệu quả và kịp thời từ Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, các Bộ, ban ngành liên quan, các cổ đông, tổ chức và nhà đầu tư cùng toàn thể hơn 2.100 cán bộ công nhân viên của PV Drilling.

Bên cạnh đó, PV Drilling còn thành công trong việc xây dựng nguồn nội lực lớn mạnh, đó là sở hữu: 6 giàn khoan hiện đại, hệ thống thiết bị, máy móc chuyên ngành kỹ thuật công nghệ tiên tiến, đội ngũ nhân sự giàu kinh nghiệm, có chuyên môn cao và nhiệt huyết với công việc... luôn đáp ứng yêu cầu cao của các công ty dầu khí đang hoạt động tại Việt Nam và nước ngoài. Đối với PV Drilling, đây là một trong những lợi thế quan trọng giúp PV Drilling tăng khả năng cạnh tranh dịch vụ, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2014

1. Hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2014:

Hội đồng Quản trị PV Drilling (HDQT) là một tập thể đoàn kết, trí tuệ, có trình độ chuyên môn và bề dày kinh nghiệm trong quản lý, công tâm, khách quan và đầy nhiệt huyết với sự phát triển của Tổng Công ty; gồm 7 thành viên, trong đó có 1 Chủ tịch, 3 thành viên chuyên trách/ kiêm nhiệm và 3 thành viên độc lập;

- HDQT luôn chấp hành đúng các chế độ, chính sách, các quy định của Luật pháp, đảm bảo minh bạch, công bằng trên cơ sở thực hiện theo Quy chế làm việc của HDQT, Điều lệ Tổng Công ty và Luật Doanh nghiệp;
- Các thành viên HDQT được phân công cụ thể theo từng lĩnh vực để thẩm tra các nội dung thuộc thẩm quyền nhằm đưa ra các Nghị quyết, Quyết định, đồng thời giám sát, chỉ đạo và đôn đốc Tổng Công ty triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HDQT theo từng lĩnh vực được phân công;
- HDQT đã tích cực thực hiện vai trò, nhiệm vụ của mình một cách nghiêm túc và xác định những phương hướng lãnh đạo nhằm đề ra các biện pháp, giải pháp tích cực trong hoạch định chiến lược phát triển của Tổng Công ty;
- Trong năm 2014, HDQT có 01 thay đổi trong nhân sự, theo đó, bà Phạm Thị An Bình đã được bầu bổ nhiệm là thành viên HDQT PV Drilling thay cho Bà Đinh Thị Thái kể từ 23/7/2014 (do bà Thái được Ngân hàng Nhà nước điều động nhận nhiệm vụ mới).

2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn và cổ đông nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng/giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)	Ngày kết thúc thực hiện giao dịch
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)		
1			13.685.057	4,97	13.757.117	5,00	Mua	20/01/2014
2			13.757.117	5,00	13.660.537	4,96	Bán	04/03/2014
3			13.705.347	4,98	13.769.337	5,00	Mua	28/05/2014
4	Deutsche Bank AG	Nhóm cổ đông lớn	13.769.337	5,00	13.594.627	4,94	Bán	20/06/2014
5			10.169.250	3,36	10.206.620	3,37	Mua	06/08/2014
6			10.206.620	3,37	10.106.370	3,34	Bán	07/08/2014
7			9.828.470	3,24	11.337.278	3,74	Mua	19/09/2014
8			8.554.040	2,82	4.554.040	1,50	Bán	05/09/2014
9	PVCombank	Ông Dương Xuân Quang, người đại diện phần vốn, thành viên HĐQT độc lập	4.554.040	1,50	855.404	0,28	Bán: 4.554.040 Nhận cổ tức: 855.404	03/09/2014
10	Epsom Limited	Nhóm cổ đông lớn	706.500	0,26	771.150	0,26	Mua	19/09/2014
11	Mutual Fund Elite (Non-Ucits)	Cổ đông lớn	14.139.230	4,67	15.156.230	5,00	Nhận cổ tức: 1.017.000	23/09/2014
12			15.156.230	5,00	14.990.230	4,95	Mua: 71.000 Bán: 237.000	27/10/2014
13	Vân Đức Tờng	Phó Tổng Giám đốc	28.606	0,01	26.606	0,01	Bán	21/01/2014
14			34.606	0,01	30.206	0,01	Bán	27/08/2014
15	Nguyễn Văn Tứ	Thành viên BKS	15.082	0,005	10.082	0,004	Bán	24/02/2014
16	Đào Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc	14.912	0,005	11.412	0,005	Bán	25/02/2014
17	Phạm Thu Hiền	Người có liên quan của Ông Phạm Tiến Dũng – Tổng Giám đốc	5.562	0,002	1.562	0,001	Bán	02/04/2014
18	Trần Văn Hoạt	Phó Tổng Giám đốc	39.703	0,01	29.703	0,01	Bán	16/09/2014
19	Đỗ Danh Rạng	Trưởng Ban Tài chính	87.046	0,03	77.046	0,03	Bán	24/09/2014
20	Hoàng Ngọc Thành	Người có liên quan của Bà Kiều Thị Hoài Minh – Thành viên HĐQT	1.472	0,00	72	0,00	Bán	30/10/2014
21	Lê Thị Mai Dung	Người có liên quan của Ông Vũ Văn Minh – Phó Tổng Giám đốc	15.210	0,01	0	0,00	Bán	17/12/2014

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Trong năm 2014 không phát sinh các giao dịch giữa Tổng Công ty với các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý.

3. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Tổng Công ty tuân thủ nghiêm túc, đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty niêm yết.

4. Lương kiêm nhiệm/thù lao, chi phí hoạt động và số lượng cổ phiếu sở hữu của thành viên Hội đồng Quản trị năm 2014:

Thành viên	Lương KN/Thù lao (EVT: triệu đồng)	Cổ phiếu sở hữu (EVT: cp)
Ông Đỗ Đức Chiến Chủ tịch HĐQT	864	53.055
Ông Phạm Tiến Dũng Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	848	121.635
Ông Trần Văn Hoạt Thành viên HĐQT kiêm PTGD	709	29.703
Bà Kiều Thị Hoài Minh Thành viên HĐQT kiêm Trưởng Ban TMDT	661	21.672
Ông Lê Văn Bé Thành viên HĐQT độc lập	171	11.550
Ông Dương Xuân Quang Thành viên HĐQT độc lập	162	6.728
Bà Đinh Thị Thái & Bà Phạm Thị An Bình Thành viên HĐQT độc lập	171	
Tổng cộng	3.586	244.343



Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

III. TỔNG KẾT CÁC CUỘC HỌP VÀ CÁC NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2014

Trong năm 2014, HĐQT đã duy trì việc họp định kỳ mỗi Quý một lần nhằm thảo luận, trao đổi, thống nhất và kịp thời đưa ra các chỉ đạo trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Việc tổ chức các phiên họp của HĐQT đảm bảo được thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ của PV Drilling và Luật Doanh nghiệp. Các thành viên HĐQT đã nghiêm túc tham dự trực tiếp các cuộc họp HĐQT, cụ thể như sau:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Ông Đỗ Đức Chiến	Chủ tịch	4	100%	
2	Ông Phạm Tiến Dũng	Thành viên	4	100%	
3	Ông Trần Văn Hoạt	Thành viên	4	100%	
4	Bà Kiều Thị Hoài Minh	Thành viên	4	100%	
5	Ông Lê Văn Bé	Thành viên	4	100%	
6	Ông Dương Xuân Quang	Thành viên	4	100%	
7	Bà Đinh Thị Thái	Thành viên	2	100%	Từ nhiệm từ tháng 7/2014
8	Bà Phạm Thị An Bình	Thành viên	2	100%	Bổ nhiệm từ tháng 7/2014

Ngoài các phiên họp trên, HĐQT cũng đã tổ chức nhiều phiên họp dưới hình thức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để chỉ đạo định hướng các vấn đề quan trọng, cấp thiết có liên quan đến các định hướng lớn về đầu tư, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, cơ cấu tổ chức, sắp xếp và bổ nhiệm Ban lãnh đạo, ban hành và sửa đổi các Quy chế quản trị, quy định nội bộ... cụ thể như sau:

- Về kế hoạch:** HĐQT phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh 2014 và trình ĐHCĐ thông qua trong phiên họp thường niên năm 2014; đồng thời trình điều chỉnh chiến lược phát triển PV Drilling đến 2015 và định hướng đến 2025;
- Về tổ chức:** Tiếp tục chỉ đạo rà soát để thực hiện việc sắp xếp và đổi mới doanh nghiệp. Theo đó, Ông Văn Đức Tòng - Phó Tổng Giám đốc nhận quyết định nghỉ hưu từ tháng 11/2014, Tổng Công ty đã bổ nhiệm thay thế 01 Phó Tổng Giám đốc là Ông Vũ Văn Minh; đồng thời hoàn tất việc tăng vốn cho PVD Overseas, PVD Offshore và thoái vốn khỏi Petroland;
- Về quản trị doanh nghiệp:** Tổng Công ty đã sửa đổi và ban hành Quy chế Quản lý Tài chính của PV Drilling, Điều lệ của Tổng Công ty, một số đơn vị thành viên và những quy chế khác;

- Về đầu tư:** Hoàn tất việc quyết toán hoàn thành Dự án “Mua mới thiết bị kéo thả ống chống”, tiếp tục triển khai dự án đóng mới giàn khoan PV DRILLING VI;
- Về quan hệ cổ đông và chia cổ tức:** Tổ chức thành công phiên họp ĐHCĐ thường niên 2014 và quyết nghị về thời điểm chi trả cổ tức năm 2013.

Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị đều dựa trên sự nhất trí, đồng thuận cao của các thành viên Hội đồng Quản trị, trên cơ sở lợi ích của các cổ đông và sự phát triển bền vững của Tổng Công ty.

IV. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC THÀNH VIÊN TRONG BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá chung về hoạt động của Ban điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty năm 2014:

- Các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc đều có trình độ, năng lực và phẩm chất, được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được phân công và có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý, điều hành các dự án/doanh nghiệp lớn;
- Tổng Giám đốc phân công nhiệm vụ rõ ràng đối với các Phó Tổng Giám đốc và thường xuyên tổ chức họp để đánh giá kết quả thực hiện công việc và triển khai kế hoạch công việc tiếp theo;
- Ban Tổng Giám đốc triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, của Hội đồng Quản trị và tuân thủ đúng Điều lệ Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật;
- Áp dụng thành công các hệ thống quản lý tiên tiến, hiện đại... qua đó góp phần đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh được an toàn, hiệu quả;

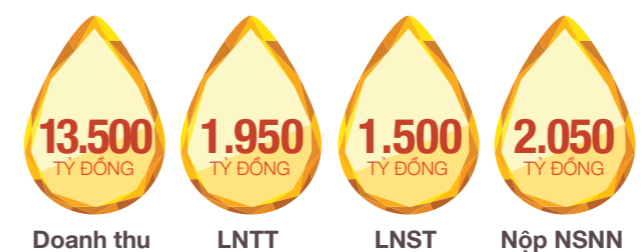
- Ban Tổng Giám đốc nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của Tổng Công ty nên đã linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đã ban hành các văn bản tài liệu nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát có hiệu quả mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty;
- Ban Tổng Giám đốc đã chủ động trong việc phát triển các dịch vụ ra nước ngoài và bước đầu cho thấy có kết quả tốt. Đồng thời, thực hiện tốt vai trò kiểm soát rủi ro ngay từ Ban điều hành và các quản lý cấp trung.

V. KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2015

Theo nhận định của nhiều tổ chức và chuyên gia kinh tế hàng đầu trong và ngoài nước, triển vọng kinh tế Việt Nam năm 2015 được dự báo sẽ tăng trưởng cao hơn năm 2014, dù vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Bên cạnh việc ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm chế lạm phát, chúng ta cần duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức hợp lý. Vấn đề nợ xấu, hàng tồn kho... vẫn tiếp tục là những khó khăn phải đối mặt. Thêm vào đó, việc giá dầu giảm mạnh cũng là nguyên nhân khiến tổng thu ngân sách giảm, tác động không nhỏ đến việc điều tiết kinh tế vĩ mô của Chính phủ Việt Nam trong những năm tới.

Năm 2015 sẽ là năm thực sự khó khăn và thách thức với PV Drilling khi giá dầu giảm mạnh và duy trì ở mức thấp như hiện nay. Điều này dẫn đến xu hướng kế hoạch thăm dò, khai thác của các công ty dầu khí bị cắt giảm, kéo theo việc dư thừa một lượng giàn khoan trên thị trường, dẫn đến giá thuê giàn khoan và giá các dịch vụ liên quan bị giảm theo. Trước những khó khăn thách thức nêu trên, HĐQT cùng Ban điều hành đã chủ động xây dựng những định hướng, giải pháp để linh hoạt đối phó với những khó khăn thách thức trong năm 2015 như sau:

1. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:



2. Các định hướng của HĐQT:

Không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, đảm bảo giữ vững uy tín với khách hàng;

Tiếp tục đảm bảo công tác quản lý, vận hành các giàn khoan và máy móc thiết bị hoạt động trên giàn khoan cũng như tại các căn cứ dịch vụ của PV Drilling an toàn, khai thác tối đa công suất, đạt hiệu quả cao;

Phát triển dịch vụ kỹ thuật khoan trọn gói và những dịch vụ kỹ thuật cao để gia tăng hiệu quả cho PV Drilling và khách hàng. Tăng cường hợp tác, đầu tư và tiếp tục phát triển, mở rộng thị trường dịch vụ khoan và các dịch vụ kỹ thuật giếng khoan ra nước ngoài;

Tiếp tục đầu tư giàn khoan và máy móc thiết bị hiện đại, tiên tiến để nắm bắt cơ hội khi thị trường dầu khí phục hồi và kịp thời phục vụ các chiến dịch khoan lớn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong những năm tới;

Xem xét tái cấu trúc công ty liên doanh (công ty cấp III) trở thành công ty cấp II của Tổng Công ty và một số công ty đã cổ phần hoá trở thành công ty đại chúng, niêm yết trên thị trường chứng khoán;

Rà soát các quy chế, quy định nội bộ để kịp thời ban hành, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty;

Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, triển khai các giải pháp tiết giảm chi phí trong sản xuất kinh doanh một cách hợp lý nhất để nâng cao hiệu quả nhưng không ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ, tiếp tục triển khai dự án quản trị rủi ro đang thực hiện, cam kết tuân thủ nghiêm túc các quy định công khai minh bạch của công ty đại chúng;

Tiếp tục phát triển nguồn nhân lực kỹ thuật cao, nâng cao trình độ chuyên môn cho CBCNV;

Tiếp tục chú trọng quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho tất cả các cổ đông cũng như quan tâm hơn nữa đến thu nhập, quyền lợi và điều kiện làm việc của CBCNV Tổng Công ty;

Quyết tâm vượt qua khó khăn, thách thức của năm 2015 để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông giao ở mức cao nhất có thể./.



Báo cáo của Ban Kiểm soát

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT PV DRILLING TRONG NĂM 2014

Trong năm 2014, Ban Kiểm soát hoạt động với:

3 THÀNH VIÊN	NGUYỄN THỊ THÙY	Trưởng Ban
	NGUYỄN VĂN TƯ	Thành viên
	PHẠM BẢO NGỌC	Thành viên

1. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Hoạt động của Ban Kiểm soát được thực hiện căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ PV Drilling và Kế hoạch thực hiện kiểm tra năm 2014 của Ban Kiểm soát PV Drilling. Ban Kiểm soát đã tiến hành thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên theo đúng kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)/Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thông qua. Các thành viên Ban Kiểm soát đã tích cực hoàn thành tốt nhiệm vụ và có những ý kiến đóng góp thiết thực trong công tác quản trị tại PV Drilling.

Việc kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát tập trung vào các vấn đề sau:

Giám sát việc chấp hành các quy định của nhà nước, chấp hành Điều lệ Tổng Công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết của HĐQT, Hội đồng Quản trị PV Drilling;

Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị, Quy định nội bộ trong Tổng Công ty PV Drilling;

Kiểm tra việc sử dụng và bảo toàn vốn, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;

Giám sát việc cân đối vốn và quản lý dòng tiền;

Giám sát, đánh giá tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh so với kế hoạch được giao;

Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí, chống lãng phí;

Thẩm định các Báo cáo tài chính quý, năm.

2. Lương kiêm nhiệm/Thù lao, chi phí hoạt động và số lượng cổ phiếu sở hữu của thành viên Ban Kiểm soát năm 2014:

Thành viên	Lương KN/Thù lao (ĐVT: triệu đồng)	Cổ phiếu sở hữu (ĐVT: cp)
Bà Nguyễn Thị Thủy <i>Trưởng Ban Kiểm soát</i>	622	36.636
Ông Nguyễn Văn Tư <i>Thành viên</i>	364	16.590
Bà Phạm Bảo Ngọc <i>Thành viên</i>	99	3.630
Tổng cộng	1.085	56.856

II. TỔNG KẾT CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2014

Hoạt động của Ban Kiểm soát tuân thủ chặt chẽ theo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát PV Drilling đã ban hành. Công tác triển khai thực hiện việc giám sát, kiểm tra kiểm soát trong Tổng Công ty được thực hiện theo kế hoạch năm 2014. Hàng quý, Ban Kiểm soát đều họp và lấy ý kiến thông qua các vấn đề của Tổng Công ty PV Drilling như thông qua Báo cáo trình HĐQT, kế hoạch kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát, Báo cáo tài chính (quý/năm), việc thực hiện các quy định, quy trình... đồng thời đóng góp ý kiến thiết thực trong công tác quản trị tại PV Drilling.

Các cuộc họp chính của Ban Kiểm soát trong năm 2014 như sau:

Thời gian	Nội dung cuộc họp	Kết quả cuộc họp
31/03/2014	- Thông qua các hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2013; - Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về tình hình hoạt động năm 2013 và kế hoạch hoạt động năm 2014 của Ban Kiểm soát trình HĐQT; - Bổ sung nhiệm vụ của thành viên Ban Kiểm soát.	Các thành viên Ban Kiểm soát thông qua 100%.
29/08/2014	- Thông qua các hoạt động của Ban Kiểm soát Quý 1, 2/2014; - Thẩm định Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1, 2/2014 của PV Drilling.	Các thành viên Ban Kiểm soát thông qua 100%.
15/12/2014	- Thông qua Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2015	Các thành viên Ban Kiểm soát thông qua 100%.

Trong quá trình làm việc, Ban Kiểm soát còn thực hiện trao đổi công việc qua các phương tiện email, điện thoại để hoạt động của Ban Kiểm soát được thực hiện kịp thời, liên tục và đạt hiệu quả cao nhất.

III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH CỦA PV DRILLING

Nhìn chung, PV Drilling tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng Công ty, Quy định về Quản lý một số chi phí, Quy chế Quản lý tài chính, quy định về mua sắm đầu tư và rất chú trọng công tác triển khai các biện pháp tiết kiệm chi phí hiệu quả, các kết quả cụ thể như sau:

1. Về công tác đầu tư và quản lý các dự án:

PV Drilling và PVD Overseas triển khai việc giám sát thực hiện hợp đồng đóng mới giàn khoan PV DRILLING VI tại Singapore đảm bảo đúng tiến độ để ra.

Một số dự án đầu tư trọng điểm trong năm 2014 của PV Drilling như dự án mua sắm bộ thiết bị BOP; mua thiết bị khoan dẫn động kiểu treo TDS 8SA (TDS) cho giàn khoan, bộ cần khoan, thiết bị thử áp lực, hệ thống cáp điều khiển và cáp nguồn dự phòng cho giàn PV DRILLING V, hệ thống treo cáp tời đo karota khai thác... Các dự án được thực hiện tuân thủ trình tự thủ tục đầu tư mua sắm theo quy định hiện hành.

Tổng Công ty thường xuyên theo dõi, kiểm soát danh mục đầu tư của các đơn vị trực thuộc để kiểm tra tính hiệu quả, đồng thời đẩy nhanh tiến độ đầu

tu, tập trung vào các trang thiết bị công nghệ cao đem lại doanh thu lợi nhuận tốt, tránh tình trạng đầu tư dàn trải không đầu tư ra ngoài lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh chính.

2. Về công tác cung cấp dịch vụ và chiến lược phát triển kinh doanh:

Tổng Công ty điều hành các giàn khoan sở hữu và các giàn khoan hợp tác với đối tác đạt hiệu quả, ổn định với hiệu suất cao. Các dịch vụ kỹ thuật giếng khoan và các dịch vụ hỗ trợ khác của Tổng Công ty tiếp tục hoạt động mang lại lợi nhuận tốt, chất lượng dịch vụ luôn đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Bên cạnh đó, PV Drilling luôn tích cực tìm kiếm các cơ hội tiếp cận thị trường trong khu vực như Malaysia, Indonesia, Myanmar, Brunei... chuẩn bị triển khai các hoạt động dịch vụ khoan tại các thị trường này.

3. Về công tác nhân sự, đào tạo, tiền lương:

PV Drilling tiếp tục tập trung phát triển nguồn lực con người từ lĩnh vực quản lý, đội ngũ phát triển kinh doanh đến lực lượng lao động kỹ thuật sản xuất trên giàn khoan. Công tác quản lý và tổ chức đào tạo tuân thủ Quy trình quản lý và tổ chức đào tạo của PV Drilling, các chi phí đào tạo phát sinh của các khóa học đều được phê duyệt theo đúng phân cấp, thẩm quyền. Nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh, các chương trình đào tạo của Tổng Công ty chú trọng vào đào tạo chuyên môn nghiệp vụ và đào tạo an toàn đem lại hiệu quả thiết thực cho hoạt động sản xuất chung của Tổng Công ty.



4. Về công tác tài chính kế toán và tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh:

Ban Kiểm soát tiến hành thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng và Báo cáo tài chính năm 2014 của PV Drilling theo kế hoạch đề ra. Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam đã được lựa chọn thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2014 của PV Drilling phù hợp với Nghị quyết của ĐHĐCĐ ngày 25/04/2014. Qua thẩm định, Ban Kiểm soát thống nhất xác nhận kết quả Báo cáo tài chính năm 2014 của PV Drilling và đánh giá Báo cáo tài chính năm 2014 của PV Drilling được trình bày trung thực, hợp lý, phù hợp với các quy định hiện hành.

Căn cứ các báo cáo định kỳ, báo cáo quý và báo cáo kiểm toán cả năm 2014 của PV Drilling, Ban Kiểm soát đánh giá năm 2014 Tổng Công ty PV Drilling có tình hình tài chính tốt, kết quả kinh doanh khả quan, phản ánh đúng trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Deloitte Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014. Theo đó:

- Doanh thu thực hiện năm 2014: 20.884 tỷ đồng, đạt 152% so với kế hoạch;
- Lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2014: 3.178 tỷ đồng, đạt 148% so với kế hoạch;
- Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2014 (của cổ đông của Công ty mẹ): 2.419 tỷ đồng, đạt 147% so với kế hoạch.

PV Drilling tiếp tục đẩy mạnh công tác quản lý ngân quỹ tập trung và sử dụng vốn linh hoạt, hiệu quả, cân đối các nguồn vốn trong Tổng Công ty để giải ngân kịp thời cho nhu cầu sản xuất kinh doanh và cho các dự án.

PV Drilling tiếp tục duy trì tình hình tài chính lành mạnh tạo sự phát triển bền vững, uy tín trong lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật khoan dầu khí qua các thời kỳ. Hiệu quả

hoạt động kinh doanh của PV Drilling hiện ổn định nhờ doanh thu tăng trưởng tốt từ việc gia tăng thị phần dịch vụ khoan và mở rộng dịch vụ kỹ thuật cao cấp cho khách hàng. Bên cạnh đó, Tổng Công ty đã ban hành các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đồng thời phát huy các biện pháp tiết kiệm chi phí như đẩy mạnh công tác nghiên cứu, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, sắp xếp tổ chức sản xuất, khai thác triệt để công suất máy móc thiết bị, giảm thiểu tiêu hao năng lượng, nâng cao chất lượng sản phẩm; thực hiện nghiêm túc việc mua sắm vật tư, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu theo đúng quy định và đảm bảo chất lượng; sử dụng lao động người Việt Nam với trình độ và năng lực tương đương thay cho người nước ngoài có mức lương cao để tiết kiệm chi phí tiền lương, phụ cấp và chi phí đi lại đối ca. Năm 2014, tất cả các đơn vị thành viên, các công ty liên doanh, công ty cổ phần của Tổng Công ty đều hoạt động có lợi nhuận tốt

IV. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC CỦA PV DRILLING:

1. Hoạt động của Hội đồng Quản trị:

Hội đồng Quản trị Tổng Công ty PV Drilling (HĐQT) triển khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết ĐHĐCĐ định kỳ HĐQT tiến hành họp đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đưa ra chiến lược, định hướng để Ban Tổng Giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty/hoặc gửi phiếu lấy ý kiến về các vấn đề của Tổng Công ty thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT.

HĐQT PV Drilling đã ban hành 23 Nghị quyết/Quyết định (NQ/QĐ) trong năm 2014. Các NQ/QĐ của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Tổng Công ty.

2. Hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc Tổng Công ty:

Ban Tổng Giám đốc điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, luôn chủ động đưa ra các giải pháp và đề xuất ý kiến với HĐQT về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT Tổng Công ty.

V. ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã hỗ trợ và tạo điều kiện để Ban Kiểm soát thực hiện chức năng của mình. Các ý kiến của Ban Kiểm soát luôn được HĐQT và Tổng Giám đốc phản hồi đầy đủ và kịp thời.

VI. NHẬN XÉT:

Trong năm 2014, PV Drilling tiếp tục duy trì việc quản lý tốt các nguồn lực, đồng thời quản lý đạt hiệu quả cao các giàn khoan Tổng Công ty sở hữu và các giàn khoan thuê ngoài hoạt động. Tổng Công ty tiếp tục đầu tư trọng tâm vào các thiết bị dầu khí kỹ thuật cao phù hợp với thị trường và đáp ứng yêu cầu của khách hàng.

Trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh, HĐQT và Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ hoạt động và Quy chế Quản lý tài chính của Tổng Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ/HĐQT PV Drilling. HĐQT, Tổng Giám đốc đã luôn nỗ lực triển khai thực hiện và hoàn thành một cách tốt nhất các chỉ tiêu mà Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, ĐHĐCĐ giao.

VII. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2015:

Để thực hiện hoàn thành nhiệm vụ kiểm soát theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty, Ban Kiểm soát PV Drilling dự kiến kế hoạch hoạt động năm 2015 như sau:

1. Giám sát hoạt động quản lý và điều hành Tổng Công ty của HĐQT, Tổng Giám đốc;
2. Giám sát việc chấp hành Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ/HĐQT, Nghị quyết, Quyết định, Quy chế, Chỉ thị của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam/Tổng Công ty;
3. Thẩm định các Báo cáo tài chính quý, năm của Tổng Công ty;
4. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 của Tổng Công ty;
5. Kiểm tra giám sát việc thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp;
6. Kiểm tra tính tuân thủ, tình hình quản lý tài chính và hoạt động thương mại;
7. Lập báo cáo giám sát định kỳ theo quy định;
8. Các vấn đề khác.



Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2014

TRONG BỐI CẢNH SỰ PHỤC HỒI VẪN CÒN CHẬM CHẠP, PV DRILLING ĐÃ CHỨNG MINH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN ĐÚNG ĐẮN VỚI KẾT QUẢ KINH DOANH ẤN TƯỢNG, DOANH THU TĂNG 52% VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ VỀ ĐÍCH TRƯỚC 3 THÁNG SO VỚI KẾ HOẠCH ĐỀ RA.

Kinh tế thế giới năm 2014 chứng kiến một năm có nhiều gam màu sáng nhưng vẫn còn có những góc tối bao phủ. Một số dấu hiệu tích cực được kể đến như kinh tế Mỹ phục hồi tương đối vững chắc vào quý 3 và quý 4/2014 với mức tăng trưởng đạt khoảng 3,5%; FED đã rút toàn bộ các gói kích thích kinh tế (QE) khỏi thị trường. Tuy vậy, kinh tế Nga đã có dấu hiệu suy thoái từ cuối năm 2014 do các lệnh trừng phạt mà phương Tây áp đặt lên nước này liên quan tới cuộc khủng hoảng ở Ukraine. Đồng Ruble đã mất giá hơn 40% so với đồng USD, dầu thô chiếm 50% ngân sách của Nga lại đang giảm giá thấp kỷ lục dưới 60 USD/thùng. Kinh tế EU là khu vực đáng quan ngại nhất vì đang cận kề của sự suy thoái với mức tăng trưởng 1,1% trong 2014 và sẽ tăng trưởng âm vào năm 2015.

Kinh tế Việt Nam khép lại năm 2014 với những tín hiệu khả quan, tăng trưởng kinh tế phục hồi rõ nét và đồng đều ở hầu hết các lĩnh vực chủ chốt như: công nghiệp, xuất nhập khẩu, thị trường vốn, thị trường chứng khoán...

Tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2014 đạt 5,98% so với năm 2013, trong đó, quý 1/2014 tăng 5,06%; quý 2 tăng 5,34%; quý 3 tăng 6,07% và quý 4/2014 tăng 6,96%. Mặc dù tốc độ tăng trưởng trên còn chậm và thấp hơn so với mức trung bình của giai đoạn 2005-2010, nhưng so với nhiều quốc gia trên thế giới đây là kết quả hết sức ấn tượng. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) trung bình năm 2014 tăng 4,09%, bằng một nửa tỷ lệ tăng trung bình 10 năm gần đây. Lạm phát thấp



tạo cơ sở để điều chỉnh lãi suất điều hành vào tháng 3/2014 với bước giảm 0,5%. Lãi suất tái chiết khấu giảm còn 4,5% và lãi suất tái cấp vốn giảm còn 6,5%, sau đó đứng yên cho đến cuối năm 2014. Tỷ giá trong năm 2014 vẫn duy trì mức ổn định. Cuối năm, tỷ giá tăng 1,4% so với đầu năm, nằm trong giới hạn điều tiết của NHNN.

Năm 2014 cũng là năm mà các nhà thầu dầu tích cực mở rộng các chiến dịch khoan, kéo theo thị trường khoan dầu khí diễn ra sôi động. Giá cho thuê giàn khoan cũng đã tăng 8% so với cùng kỳ năm 2013. Theo đó, PV Drilling tăng cường cung cấp dịch vụ khoan cũng như các dịch vụ liên quan đến khoan.

20.884

TỶ ĐỒNG DOANH THU

23.305

TỶ ĐỒNG TỔNG TÀI SẢN

2.419

TỶ ĐỒNG LNST

7.987

ĐỒNG EPS

Bên cạnh 4 giàn khoan biển sở hữu hoạt động với hiệu suất và an toàn cao, PV Drilling còn tăng cường hợp tác với các nhà thầu khoan Ensco, Seadrill, UMW, Shelf Drilling để cung cấp thêm 5 - 6 giàn khoan biển cho khách hàng (tăng hơn 50% so với bình quân chỉ có 3 giàn năm 2013). Các dịch vụ kỹ thuật khoan cũng được tăng cường mở rộng, như các dịch vụ đo karota khí, cho thuê thiết bị, kéo thả ống chống, kiểm soát áp suất trong khi khoan,... đồng thời, các dịch vụ cung ứng nhân lực, cung ứng vật tư thiết bị tiếp tục duy trì sự tăng trưởng cao. Kết quả kinh doanh năm 2014 của PV Drilling với doanh thu đạt trên 20.884 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 2.419 tỷ đồng, lần lượt tăng 40% và 28% so với cùng kỳ năm 2013 và vượt kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận đăng ký với cổ đông lần lượt là 52% và 47%.

Như vậy, năm 2014 là năm Tổng Công ty tiếp tục đạt sự tăng trưởng cao. Giai đoạn từ 2010 - 2014, lợi nhuận đạt tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) trên 25% thể hiện chiến lược đầu tư và phát triển đúng đắn của Ban Tổng Giám đốc. Đó chính là việc tập trung nguồn lực phát triển các dịch vụ kinh doanh cốt lõi là khoan và dịch vụ kỹ thuật liên quan đến khoan, không đầu tư ngoài ngành. Đồng thời, lấy con người làm trọng tâm trong chiến lược phát triển, PV Drilling đã xây dựng được đội ngũ nhân lực hơn 2.100 CBCNV có được chuyên môn, tay nghề cao và tác phong làm việc chuyên nghiệp. Điều này đã góp phần vào việc cung cấp các dịch vụ kỹ thuật khoan dầu khí với chất lượng tốt nhất, đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao và sự tin cậy của khách hàng.

Các tác động tích cực của thị trường khoan dầu khí, bên cạnh các giàn khoan sở hữu luôn được vận hành an toàn và hiệu quả, số lượng giàn khoan thuê thêm từ các đối tác nước ngoài cũng gia tăng đáng kể, cùng với sự phát triển toàn diện của các dịch vụ liên quan đến khoan,

năm 2014 khép lại với doanh thu vượt trên 20 ngàn tỷ đồng, tăng 40% so với cùng kỳ năm trước và tăng 52% so với kế hoạch.

Kết thúc năm 2014, Tổng tài sản của PV Drilling đạt 23.305 tỷ đồng, tăng 8% so với 2013 chủ yếu nhờ việc ghi nhận giá trị tài sản đầu tư dở dang của giàn khoan PV DRILLING VI. Cùng với sự lớn mạnh của tài sản, nguồn vốn chủ sở hữu của PV Drilling cũng tăng trưởng mạnh trong những năm qua. Tổng nguồn vốn chủ sở hữu đạt 11.479 tỷ đồng, tăng 17% so với năm 2013, trong đó vốn điều lệ cuối năm 2014 đạt 3.031 tỷ đồng, so với thời điểm cuối 2013 tăng 275 tỷ đồng hay 10%, tương ứng với phần cổ tức bằng cổ phiếu của năm 2013 được phát hành trong năm 2014.

Lợi nhuận sau thuế của cổ đông đạt 2.419 tỷ đồng, tăng 28% so với năm 2013 và tăng 47% so với kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua. Có được thành quả này là nhờ vào sự vận hành hiệu quả, xuyên suốt và an toàn không những của các giàn khoan sở hữu mà cả các giàn khoan PV Drilling thuê lại. Bên cạnh đó, các dịch vụ kỹ thuật giếng khoan và liên quan đến khoan ngày càng đóng góp nhiều vào lợi nhuận cho Tổng Công ty khi tỷ lệ tự thực hiện của các dịch vụ ngày càng tăng. Với hệ thống máy móc thiết bị hiện đại, đội ngũ nhân sự kỹ thuật khoan lành nghề và có chuyên môn cao, PV Drilling tự tin khẳng định vị thế của nhà thầu khoan tiên phong tại thị trường Việt Nam.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) của PV Drilling luôn giữ nhịp tăng trưởng trong những năm gần đây. Tốc độ tăng lợi nhuận sau thuế cao hơn % tăng vốn điều lệ đã góp phần tăng lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) của năm 2014 so với 2013. Cụ thể, EPS năm 2014 đạt 7.987 đồng, tăng 18% so với EPS cùng kỳ năm trước, thể hiện lợi ích cho cổ đông được gia tăng và cổ phiếu PVD đã củng cố niềm tin cho cổ đông.



Kế hoạch kinh doanh năm 2015

Năm 2014 là năm thành công nhất của PV Drilling trong vòng 5 năm qua. Thị trường dầu khí diễn ra khá sôi động trong năm 2014, hoạt động kinh doanh của PV Drilling cũng đạt kết quả khả quan nhờ đóng góp từ sự gia tăng hoạt động các giàn khoan, tăng trưởng cao đối với dịch vụ kỹ thuật giếng khoan và các dịch vụ liên quan đến khoan.

Năm 2015 sẽ là năm nhiều thách thức với PV Drilling, trước sự biến động giảm của giá dầu trong thời gian gần đây, thị trường dịch vụ khoan dầu khí đang có sự thu hẹp lại do các nhà thầu dầu sẽ dừng hoặc giãn các chương trình khoan. Điều này cũng có nghĩa là số lượng giàn tìm việc sẽ tăng lên, dẫn đến sự gia tăng cạnh tranh giữa các nhà cung cấp dịch vụ khoan, cũng như giá dịch vụ khoan và dịch vụ kỹ thuật liên quan đến khoan sẽ bị giảm sút. Tuy nhiên thị trường giàn khoan trong nước dự đoán sẽ tiếp tục ổn định, PV Drilling vẫn chưa đủ số lượng giàn khoan sở hữu để đáp ứng nhu cầu thị trường do vậy khối lượng công việc cũng sẽ ổn định, giá thuê giàn ước giảm khoảng 10%. Bên cạnh đó, PV Drilling đã có giàn khoan tự nâng thế hệ mới - PV DRILLING VI tham gia vào thị trường vào đầu tháng 3/2015 để bù đắp hiệu quả kinh doanh bị suy giảm. Tổng Công ty đặt mục tiêu tối đa hóa hiệu quả kinh doanh thông qua tiết kiệm và kiểm soát các chi phí, duy trì hoạt động giàn khoan an toàn với hiệu suất cao cũng như tích cực tìm kiếm các cơ hội mới. Kế hoạch kinh doanh 2015 sẽ bị sụt giảm và PV Drilling phấn đấu đạt lợi nhuận 2.000 tỷ đồng.

Năm 2015, PV Drilling tận dụng nguồn lực có sẵn từ quỹ Khoa học Công nghệ, thúc đẩy các dự án đầu tư kỹ thuật tiên tiến để tăng khả năng cạnh tranh và tăng chất lượng dịch vụ.

Mục tiêu năm 2015 của PV Drilling là sẽ hoàn thành được các dự án quan trọng nhằm nâng cao nội lực. Đó là việc xây dựng hoàn chỉnh hệ thống quản trị rủi ro toàn Tổng Công ty, hoàn thiện hệ thống min-max Maximo, xây dựng hệ thống quản trị tài sản các giàn khoan (Asset Management), hoàn thành việc xây dựng



hệ thống ERP Oracle giai đoạn III – phân hệ quản trị ngân sách, lập báo cáo quản trị online, tối đa hóa lợi ích doanh nghiệp và giá trị cổ đông.

Có thể nói, năm 2015 là năm PV Drilling phải đối mặt với nhiều khó khăn do diễn biến quá nhanh của suy giảm giá dầu gây tác động sâu sắc đến hoạt động các công ty dầu khí. Do vậy, trong bối cảnh hiện nay, mục tiêu và cũng là thách thức lớn nhất với PV Drilling chính là việc duy trì ổn định được thị phần dịch vụ khoan và các dịch vụ kỹ thuật giếng khoan, để đạt được điều này đòi hỏi sự nỗ lực và công sức rất lớn của tập thể CBCNV PV Drilling trong việc tìm kiếm các cơ hội mới và mở rộng thị phần ở cả thị trường trong nước và thị trường các nước khu vực Đông Nam Á.

Giải pháp thực hiện năm 2015

Vận hành an toàn, hiệu quả các giàn khoan luôn là mục tiêu trọng tâm hàng đầu

Trong điều kiện khó khăn của năm 2015, PV Drilling sẽ nỗ lực hết sức để tiếp tục đạt được thành quả zero LTI cho các giàn khoan, đồng thời đạt NPT (Non Productive Time) – không có thời gian dừng hoạt động của máy móc thiết bị kỹ thuật. Phấn đấu duy trì hiệu suất hoạt động trên 98% đối với giàn khoan tự nâng và trên 96% đối với giàn khoan nước sâu PV DRILLING V, đặc biệt tập trung mọi nguồn lực con người và thiết bị để vận hành giàn khoan PV DRILLING VI – giàn khoan tự nâng thế hệ mới vừa đưa vào khai thác đầu tháng 3/2015 một cách hiệu quả, đạt hiệu suất hoạt động cao, nhằm gia tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao hình ảnh và uy tín của PV Drilling tại thị trường khoan trong nước và khu vực.

Duy trì thị phần cung cấp giàn khoan tự nâng tại Việt Nam 70%-80% và tăng tiến đến thị trường ngoài nước

PV Drilling tiếp tục chiến lược hợp tác với các nhà thầu khoan uy tín lớn trên thế giới để thuê giàn khoan cung cấp cho các nhà thầu dầu khí trong nước, duy trì thị phần tổng cộng ở mức 70% đến 80%. Việc tăng thêm giàn khoan PV DRILLING VI trong năm 2015 sẽ là nền tảng thúc đẩy mở rộng thị phần khoan và tăng trưởng các dịch vụ kỹ thuật giếng khoan cũng như các dịch vụ khác liên quan đặc biệt tại các thị trường Brunei, Malaysia, Myanmar.

Bên cạnh đó PVDrilling đặt mục tiêu sẽ đưa ít nhất một đến hai giàn khoan tự nâng để vận hành thường xuyên ở nước ngoài trong thời gian 3 năm tới. Đồng thời, hoàn thành việc xây dựng các căn cứ, cơ sở vật chất tại Myanmar, Malaysia, Singapore...nhằm đảm bảo công tác hỗ trợ vận hành và logistics được thực hiện hiệu quả và làm cơ sở phát triển các dịch vụ kỹ thuật liên quan đến khoan khác.

Để thực hiện mục tiêu mở rộng thị phần ra nước ngoài và chuẩn bị cho chương trình khoan vào giữa 2016, PV Drilling đang tích cực chào thầu giàn khoan PV DRILLING V ra các nước như Myanmar, Indonesia, Malaysia.

Chuyên nghiệp và chất lượng trong quản trị nhân sự và đào tạo

Năm 2015, thực hiện định hướng “chuyên nghiệp và chất lượng” của Tổng Công ty, công tác Nhân sự - Đào tạo vẫn tiếp tục phát triển theo cách tiếp cận thực tế và hiệu quả nhất, trong đó có những điểm chính như:

Cải tiến hệ thống thiết lập KPI trong đánh giá hiệu quả công việc cá nhân, áp dụng mô hình Balance Scorecard (BSC) để đánh giá hiệu quả các đơn vị, và đồng thời các cơ chế lương thưởng sẽ thay đổi tương ứng để tạo ra hiệu quả công việc tốt nhất với các nguồn lực hiện tại của PV Drilling với mục tiêu quản lý hiệu quả công việc một cách tốt nhất.

Đẩy mạnh việc ứng dụng mô hình “70-20-10” mà thế giới đã áp dụng và thành công trong nhiều năm qua, nghĩa là việc học và phát triển năng lực đạt được từ 70% từ việc thực hành và trải nghiệm trong công việc (job experiences), 20% tự học và thông qua người khác (from people) như kèm cặp (coaching), chia sẻ của đồng nghiệp, phản hồi từ người khác hay quan sát và rút kinh nghiệm từ người khác,... và 10% từ các khóa học tập trung (courses & reading). Mô hình này vừa tăng hiệu quả, giảm thời gian và chi phí so với các mô hình truyền thống.

Ứng dụng công nghệ nhiều hơn trong đào tạo như mobile learning, Virtual E-learning để tăng tính tương tác và thu hút học viên trong quá trình tiếp thu kiến thức mới.

Đẩy mạnh đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý và tập trung phát triển đội ngũ kế thừa, sẵn sàng cho sự phát triển, mở rộng dịch vụ của Tổng Công ty tại thị trường trong

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

nước và nước ngoài. Công tác đào tạo đảm bảo PV Drilling có đủ đội ngũ quản lý đủ khả năng làm việc bất kỳ môi trường nào trong khu vực cũng như quốc tế. Tiếp tục thực hiện các giải pháp để chuyển đổi khái niệm Đào tạo (training) trở thành Học hỏi (learning) trong môi trường làm việc tại PV Drilling.

70% - THỰC HÀNH, TRẢI NGHIỆM (Job experiences)

20% - HỌC TỪ NGƯỜI KHÁC (From people)

10% - HỌC KIỂU TRUYỀN THỐNG (Courses)

Tăng cường quản trị tài chính, tiết kiệm chi phí, kiểm soát mua sắm

Để công tác quản trị tài chính hiệu quả và là công cụ hỗ trợ đắc lực cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015, PV Drilling sẽ tăng cường kiểm soát chi phí hoạt động, chi phí bảo trì mua sắm, đảm bảo các chi phí trong hạn mức ngân sách hằng năm được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt; cân nhắc tiết kiệm các chi phí quản lý một cách hợp lý; kiểm soát việc đầu tư mua sắm máy móc, trang thiết bị, tập trung đầu tư vào các mảng dịch vụ tiềm năng, đặc biệt cân nhắc thời điểm thích hợp và tính toán giá trị đầu tư nhằm mang lại hiệu quả lâu dài, gia tăng giá trị cho Tổng Công ty.

Tiếp tục hoàn thiện các hệ thống quản trị trên nền tảng Công nghệ thông tin hiện đại

ERP Oracle Giai đoạn III: Dự án Quản trị Doanh nghiệp thông minh – Lập kế hoạch ngân sách online.	Dự án tích hợp hệ thống Oracle và hệ thống CitiDirect	Dự án hệ thống quản trị rủi ro
Hệ thống báo cáo quản trị thông minh (BI) Hệ thống lập ngân sách online. Bộ chỉ số quản lý hiệu năng doanh nghiệp (KPIs)	Hoàn tất tại Văn phòng Tổng Công ty vào tháng 1/2015	Phân loại rủi ro => quyết định chính xác, kịp thời và đúng thẩm quyền khi phải ứng phó với các rủi ro có thể xảy ra

Ứng dụng khoa học công nghệ - tăng năng lực cạnh tranh

Cùng với kế hoạch mở rộng thị phần, PV Drilling tiếp tục nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua công tác đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, tiếp tục công tác quản trị điều hành Tổng Công ty theo hướng chuyên nghiệp và quốc tế hóa. Trong những năm qua Ban lãnh đạo PV Drilling luôn tạo điều kiện và khơi nguồn sáng tạo cho các CBCNV để ra các sáng kiến, các dự án và đề tài khoa học công nghệ để áp dụng vào vận hành giàn khoan và máy móc thiết bị dầu khí, nâng cao trình độ công nghệ của PV Drilling tạo ra sản phẩm dịch vụ chất lượng tốt nhất cho khách hàng. Tổng Công ty đã xây dựng một hệ thống quy định và chính sách thiết lập cơ chế triển khai các dự án Khoa học công nghệ, hình thành bộ máy tổ chức bao gồm Hội đồng thẩm định, Tổ chức quỹ công nghệ. Đến nay PV Drilling đã có nhiều dự án công nghệ thành công và được Hội đồng Khoa học công nghệ đánh giá đạt tiêu chuẩn, tiêu biểu là dự án xây dựng hệ thống phần mềm thu nhận và xử lý dữ liệu của hệ thống đo karota khí; nâng cao quản lý hoạt động an toàn thông qua việc tăng cường các chương trình đào tạo an toàn, phát triển phần mềm phân tích JSA (Jobs Safety Analysis), đầu tư các thiết bị dầu khí tự động công nghệ cao... Để các dự án KHCN được triển khai thành công, PV Drilling sẽ luôn xem xét đến năng lực thực hiện của mình, đảm bảo các phương án tài chính của các dự án KHCN, đào tạo nhân lực có khả năng làm chủ công nghệ, đặc biệt là sự phối hợp đồng bộ để áp dụng các kết quả vào sản xuất, mang đến công nghệ cao tăng tính cạnh tranh trong cung cấp dịch vụ.

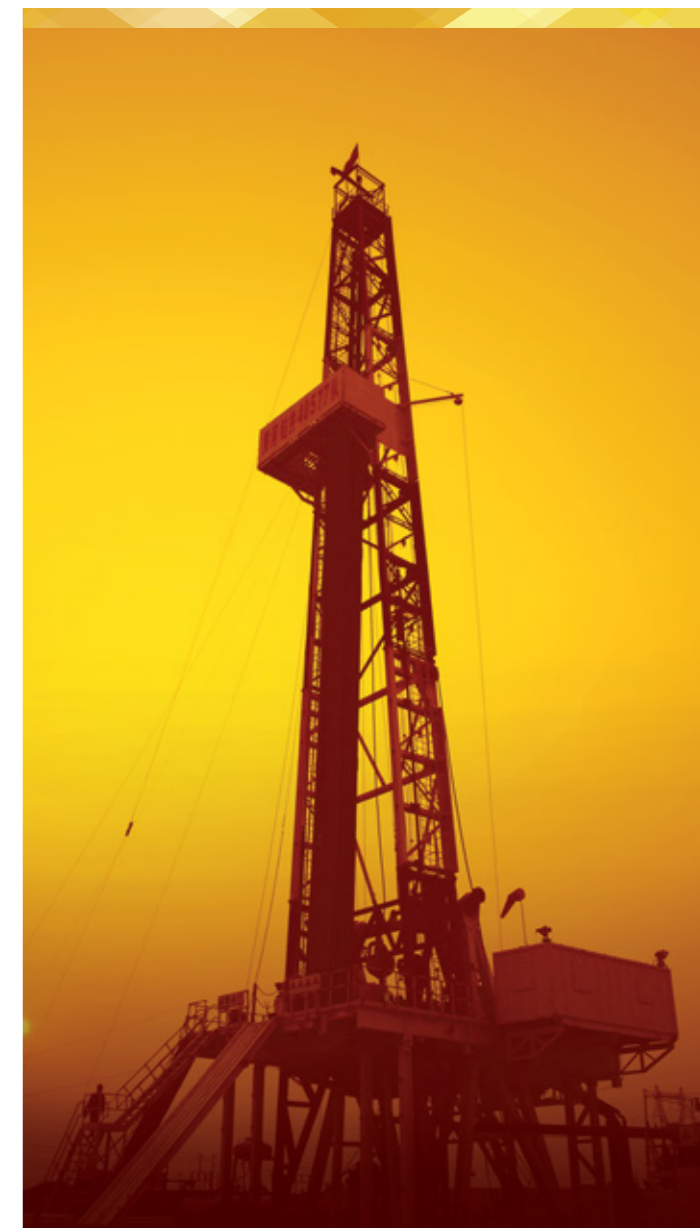
Xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin minh bạch

Trong thời đại bùng nổ công nghệ thông tin hiện nay, các đối tác, khách hàng, cổ đông và nhà đầu tư luôn có được nguồn thông tin rất nhanh từ các phương tiện thông tin đại chúng cho các quyết định đầu tư của mình. Năm 2015, ngành công nghiệp dầu khí bị ảnh hưởng lớn từ sự suy giảm của giá dầu, thị giá cổ phiếu của PV Drilling cũng bị ảnh hưởng. Trong giai đoạn khó khăn này, PV Drilling tiếp tục chú trọng củng cố đội ngũ công bố thông tin ngày càng chuyên nghiệp hơn, chất lượng thông tin ngày càng chính xác, nhanh và minh bạch hơn, nhằm gia tăng niềm tin với các đối tác, khách hàng, cổ đông và nhà đầu tư hiện tại cũng như thu hút thêm các cổ đông mới, đồng thời đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành về quản trị công ty và các quy định của các cơ quan nhà nước.

Triển khai mục quan hệ cổ đông trên website dành riêng cho các cổ đông, trong đó các thông tin cập nhật về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và kết quả tài chính. Ngoài ra, mục quan hệ cổ đông còn là cầu nối để các cổ đông gửi câu hỏi đến Ban lãnh đạo của PV Drilling, từ đó Ban lãnh đạo Tổng Công ty có thể giải đáp kịp thời và nâng cao tính minh bạch trong công tác quan hệ cổ đông./.

Số lượng cổ phiếu sở hữu của thành viên Ban Tổng Giám đốc tại thời điểm 31/12/2014:

Thành viên	Cổ phiếu sở hữu (ĐVT: cp)
Ông Phạm Tiến Dũng <i>Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT</i>	121.635
Ông Trần Văn Hoạt <i>Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT</i>	29.703
Bà Hồ Ngọc Yến Phương <i>Phó Tổng Giám đốc</i>	45.980
Ông Nguyễn Xuân Cường <i>Phó Tổng Giám đốc</i>	1
Ông Đào Ngọc Anh <i>Phó Tổng Giám đốc</i>	48.853
Ông Trịnh Văn Vinh <i>Phó Tổng Giám đốc</i>	55.990
Ông Vũ Văn Minh <i>Phó Tổng Giám đốc</i>	17.605
Tổng cộng	349.973



Tối đa hóa hiệu quả kinh doanh thông qua tiết kiệm và kiểm soát chi phí, duy trì hoạt động giàn khoan an toàn, hiệu quả cũng như tích cực tìm kiếm các cơ hội mới là những công tác trọng tâm để PV Drilling vượt qua khó khăn, thách thức trong năm 2015.

Vốn cổ phần/Cơ cấu cổ đông

CỔ PHẦN

	Đơn vị tính: cp
Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng:	303.073.350
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành:	303.036.900
Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng (*):	20.152.000
Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do:	282.884.900
Mệnh giá của cổ phần	10.000 đồng

(*): Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cổ phần phổ thông bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu bao gồm số cổ phần sở hữu của Petrovietnam bị hạn chế 3 năm kể từ ngày 18 tháng 7 năm 2013.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

(Cập nhật theo danh sách chốt ngày 03/04/2015, thời gian gần nhất tại thời điểm lập Báo cáo)

	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ Lệ
TRONG NƯỚC	192.096.754	63,38%
Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam (cổ đông Nhà nước)	152.711.035	50,39%
Tổ chức khác	8.643.644	2,85%
Cá nhân	30.742.075	10,14%
NƯỚC NGOÀI	110.940.146	36,61%
Tổ chức	108.957.290	35,96%
Cá nhân	1.982.856	0,65%
TỔNG CỘNG	303.036.900	100,00%

THỐNG KÊ THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

Diễn giải		Ngày phát hành	Số lượng cổ phiếu
Lần đầu	Cổ phần hóa	28/11/2006	68.000.000
Lần 1	Trả cổ tức + phát hành tăng vốn	11/7/2007	9.519.730
Lần 2	Phát hành tăng vốn	7/8/2007	1.340.000
Lần 3	Phát hành tăng vốn	22/08/2007	31.280.000
Lần 4	Trả cổ tức	26/06/2008	22.027.774
Lần 5	Sáp nhập PVD Invest vào PVD	14/10/2009	25.716.285
Lần 6	Trả cổ tức	8/1/2010	52.624.426
Lần 7	Phát hành riêng lẻ	13/08/2013	38.000.000
Lần 8	Phát hành cổ phiếu theo ESOP	15/11/2013	2.000.000
Lần 9	Trả cổ tức	23/12/2013	25.020.480
Lần 10	Trả cổ tức	18/09/2014	27.544.655
Tổng cộng			303.073.350

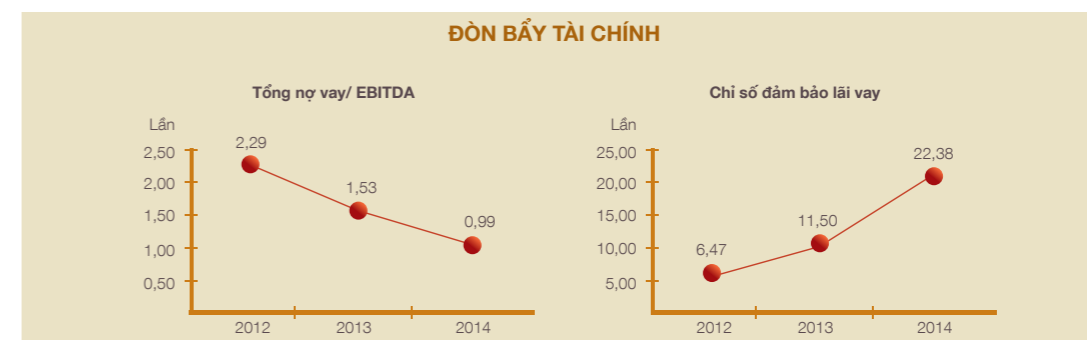
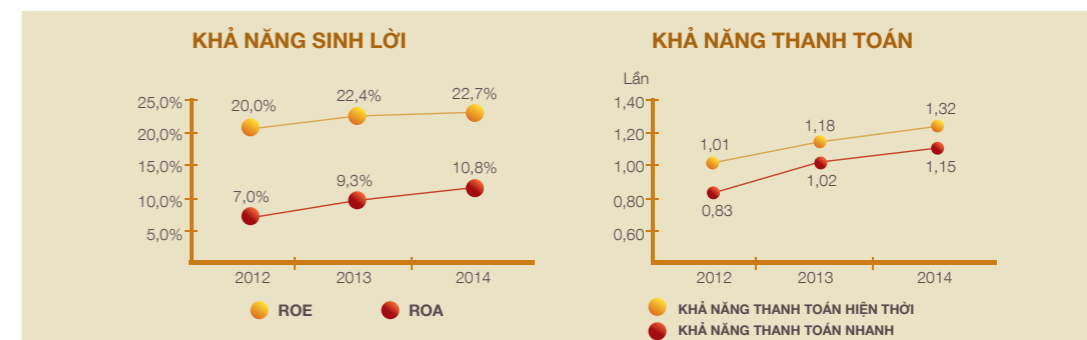
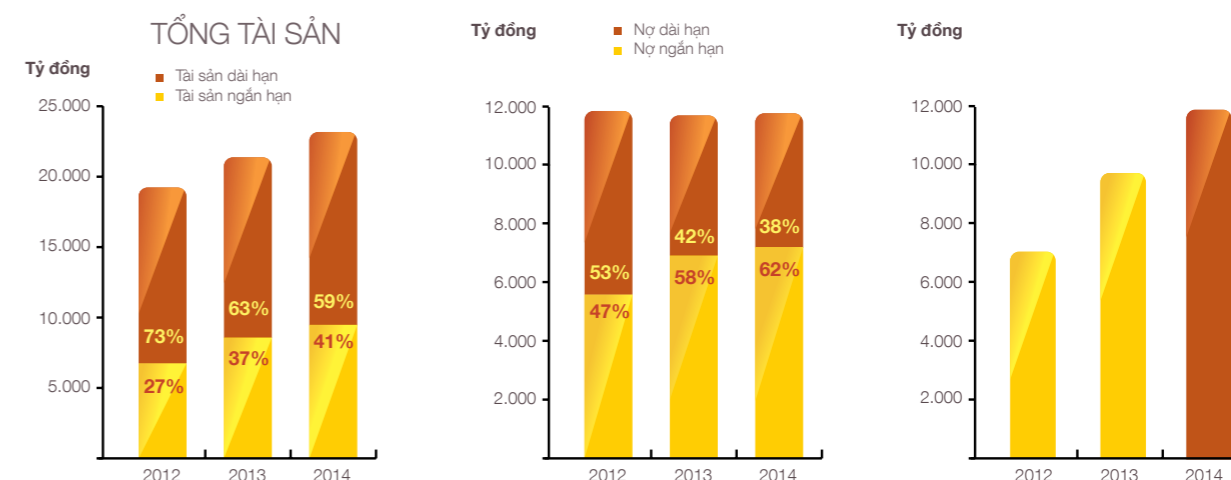
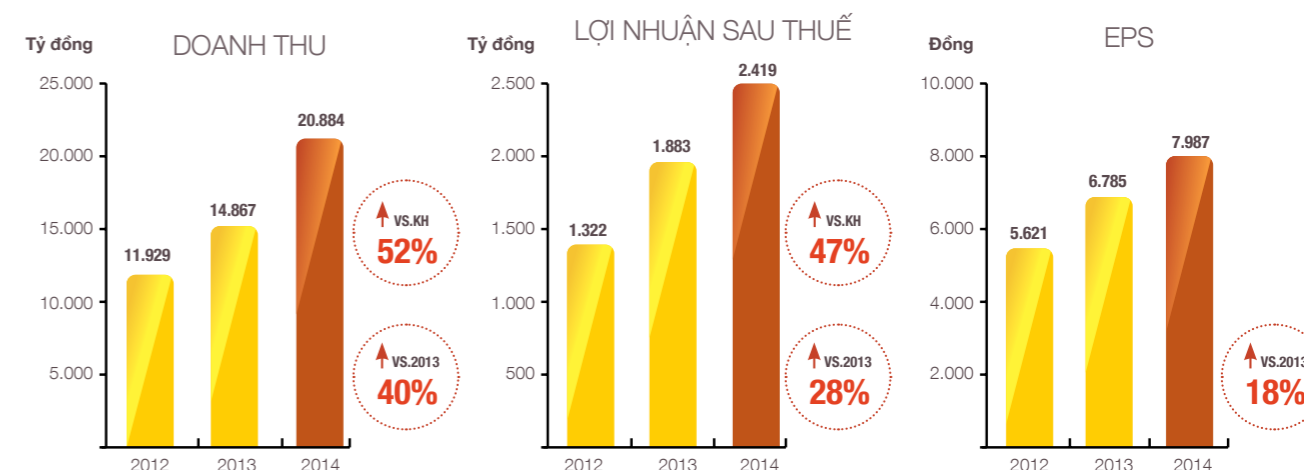
Các chi tiết khác về cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu, xem trong Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014, nội dung Vốn chủ sở hữu.

CỔ PHIẾU QUỸ

		ĐVT: SLCP		
Số lượng cổ phiếu quỹ đầu kỳ (01/01/2014)		270.580		
Số lượng cổ phiếu quỹ trong kỳ:				
	Ngày	Nội dung	Giá giao dịch (*)	
(-)	14/7/2014 - 18/7/2014	Khen thưởng CBCNV	44.214	270.580
(+)	1/8/2014 - 4/8/2014	Thu hồi cổ phiếu ESOP	10.000	36.450
Số lượng cổ phiếu quỹ cuối kỳ (31/12/2014)				36.450

(*) Giá giao dịch là giá trị giao dịch bình quân trên một cổ phiếu

Các chỉ số tài chính tiêu biểu





Phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014

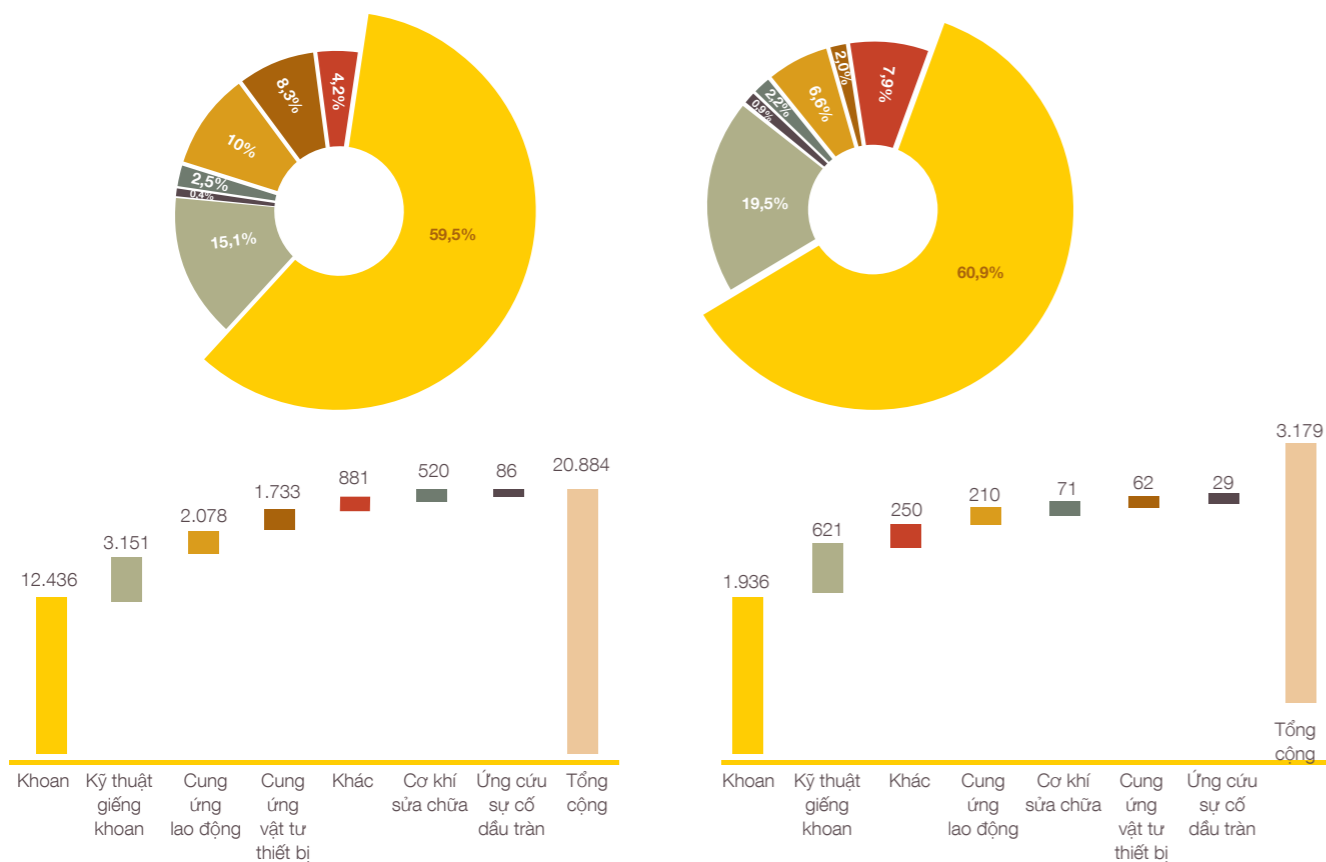
“LẤY CHẤT LƯỢNG VÀ TÍNH CHUYÊN NGHIỆP TRONG DỊCH VỤ LÀM THỂ MẠNH, TỔNG CÔNG TY PV DRILLING ĐÃ KHÔNG NGỪNG ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO VÀ MÁY MÓC THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI ĐỂ TỪNG BƯỚC KHẲNG ĐỊNH VỊ THẾ CỦA MỘT TỔNG CÔNG TY CUNG CẤP DỊCH VỤ KỸ THUẬT CAO TRONG NGÀNH.”

DOANH THU THEO TỪNG DỊCH VỤ

- Khoan
- Kỹ thuật giếng khoan
- Ứng cứu sự cố tràn dầu
- Cơ khí sửa chữa
- Cung ứng lao động
- Cung ứng vật tư thiết bị
- Khác

LNTT THEO TỪNG DỊCH VỤ

- Khoan
- Kỹ thuật giếng khoan
- Ứng cứu sự cố tràn dầu
- Cơ khí sửa chữa
- Cung ứng lao động
- Cung ứng vật tư thiết bị
- Khác

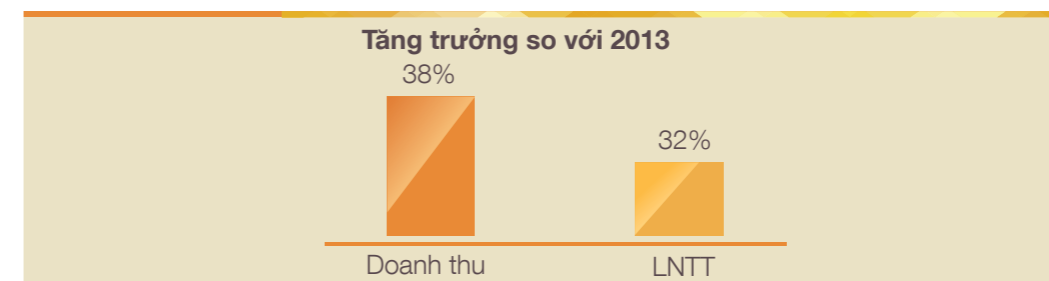


DỊCH VỤ KHOAN

Doanh thu dịch vụ khoan đạt 12.436 tỷ đồng doanh thu và 1.936 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế trong năm 2014, tăng trưởng 38% về doanh thu và 32% lợi nhuận so với kết quả năm 2013.



Các giàn khoan sở hữu trong năm 2014 được vận hành an toàn, hiệu quả với hiệu suất hoạt động bình quân trên 98%. Đặc biệt, tất cả các giàn khoan đều đạt được zero LTI (không có bất kỳ tai nạn gây mất thời gian lao động). Hiệp hội các nhà thầu khoan quốc tế (IDAC) đã cấp chứng nhận thành tích giàn khoan PV DRILLING I đạt 7 năm liên tiếp Zero LTI, giàn khoan PV DRILLING II và III đạt 5 năm liên tiếp Zero LTI và giàn khoan nửa nổi nửa chìm PV DRILLING V (TAD) đạt 2 năm liên tiếp Zero LTI. Đây là niềm tự hào của Ban lãnh đạo PV Drilling và toàn thể CBCNV - đặc biệt là đội ngũ các chuyên gia, kỹ sư và công nhân khoan ngày đêm lao động hết mình trên những giàn khoan ngoài biển khơi của vùng trời Tổ quốc.



Năm 2014 cũng là năm thị trường khoan dầu khí có nhiều thuận lợi hơn so với các năm trước, khi các nhà thầu đều tích cực mở rộng các chiến dịch khoan. Có thời điểm PV Drilling vận hành cùng một lúc 12 giàn khoan bao gồm cả giàn khoan sở hữu và các giàn khoan thuê thêm từ các nhà thầu khoan nước ngoài. Mạng giàn khoan thuê này đóng góp lớn vào sự tăng trưởng doanh thu cho dịch vụ khoan năm 2014 thể hiện qua số liệu doanh thu giàn khoan thuê tăng đến 80% so với cùng kỳ năm trước và tỷ trọng doanh thu giàn khoan thuê chiếm trên 50% trong tổng doanh thu khoan (năm 2013: 43%). Với việc tăng sử dụng các giàn khoan đi thuê, nối kết các chiến dịch khoan nhỏ lẻ của khách hàng thành một chương trình dài hạn, PV Drilling đã tăng cường được vị thế, uy tín của nhà thầu khoan tiên phong tại thị trường Việt Nam, dù lợi nhuận từ các giàn khoan đi thuê không cao.

Song song với yếu tố thị trường khoan sôi động, giá cho thuê giàn khoan cũng đã tăng bình quân 8% so với năm 2013, góp phần tăng doanh thu và gia tăng lợi nhuận trực tiếp cho mảng dịch vụ khoan.

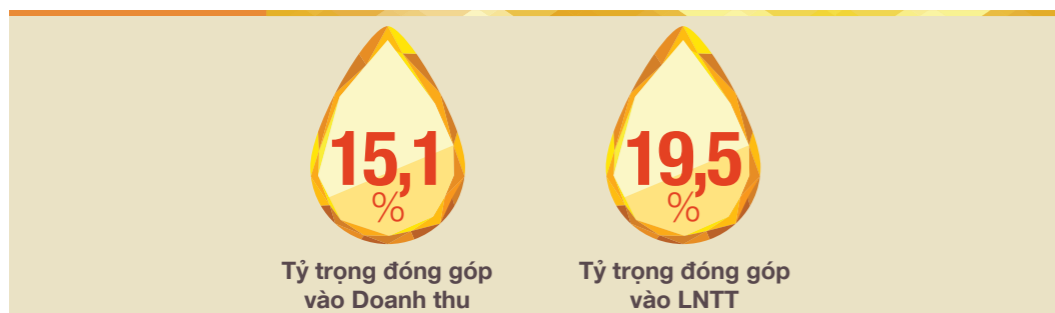
PV Drilling đã thực hiện công tác bảo trì UWILD cho giàn PV DRILLING II và PV DRILLING V trong năm 2014 thành công, với tổng thời gian khoảng 15 ngày cho mỗi giàn khoan.

Cuối tháng 2 năm 2015, PV Drilling đã chào đón thêm 1 giàn khoan tự nâng thế hệ mới – PV DRILLING VI, gia nhập đội ngũ biển hiện đại của Tổng Công ty. Việc tham gia của giàn khoan mới góp phần tăng năng lực cạnh tranh, thúc đẩy mở rộng thị phần khoan và bên cạnh đó, phát triển các dịch vụ kỹ thuật giếng khoan và các dịch vụ liên quan đến khoan khác.

“Tại PV Drilling, chất lượng dịch vụ luôn là yếu tố tiên quyết giúp Tổng Công ty đứng vững trên thị trường cạnh tranh hiện nay. Theo đó, dịch vụ được cam kết cung cấp cho khách hàng với giá cả cạnh tranh, chất lượng vượt trội; đồng thời bảo đảm tuân thủ chặt chẽ những chuẩn mực quốc tế về an toàn và môi trường.”

Phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 (tiếp theo)

DỊCH VỤ KỸ THUẬT GIẾNG KHOAN



Trong những năm qua PV Drilling đào sâu nghiên cứu kỹ thuật và am hiểu từng nhu cầu khách hàng, cung cấp dịch vụ trọn gói nhằm hỗ trợ khách hàng giảm thiểu thời gian và chi phí, tạo sự kết nối chặt chẽ, tin cậy với khách hàng ở từng dự án khác nhau. Đây chính là điểm mạnh đã mang về thành công cho PV Drilling và khách hàng ở các chiến dịch khoan dầu khí trong nhiều năm qua.

Với diễn biến tích cực từ thị trường khoan thông qua số lượng giếng khoan và nhu cầu giàn khoan tự nâng tăng vọt, các dịch vụ kỹ thuật giếng khoan được khai thác tối đa, góp phần dẫn đến sự tăng trưởng mạnh về doanh thu và lợi nhuận so với 2013 (50% và 71% tương ứng). Ngoài sự hoạt động ổn định của các dịch vụ chính như dịch vụ kéo thả ống chống, đo karota khí, đo địa vật lý giếng khoan khai thác, kiểm soát áp suất trong khi khoan, cho thuê thiết bị, kỹ thuật đầu giếng... Năm 2014 cũng chứng kiến sự triển khai và đưa vào sử dụng thành công các dịch vụ mới như thiết bị bán tự động kéo thả ống chống (CRTi), lọc dung dịch hoàn thiện giếng (Filtration), chế tạo cơ khí kỹ thuật cao (HTM). Đặc biệt, nhờ chuỗi cung ứng liên kết chặt chẽ từ dịch vụ khoan đến các dịch vụ liên quan đến khoan, năm 2014 PV Drilling đã hoàn thành hiệu quả hợp đồng cung cấp dịch vụ kỹ thuật giếng khoan trọn gói (bundled services) cho ENI tại block 105 và block 120 và đã đạt được thành công vượt bậc.

PV Drilling không ngừng cải thiện chất lượng và phát triển các dịch vụ để tiến tới xây dựng thành công một mô hình chuỗi cung ứng dịch vụ khép kín. Việc nghiên cứu và phát triển các dịch vụ mới luôn được quan tâm và đầu tư đúng mực. Một trong những trọng tâm năm 2014 đó là nghiên cứu chế tạo các thiết bị thủy lực tại Việt Nam, tăng cường nội lực, nâng cao tỷ trọng nội địa hóa.



Với lo ngại “dừng lại là tụt hậu”, PV Drilling tiếp tục đầu tư vào những sáng kiến khoa học, cải tiến và nâng cao hiệu suất hoạt động cho các dịch vụ. Chẳng hạn, đưa vào sử dụng phần mềm quản lý bảo dưỡng thiết bị cho 02 dịch vụ đo karota khí và đo địa vật lý giếng khoan

khai thác, từ đó đã thay đổi tư duy từ sửa chữa bị động sang bảo trì chủ động, hạn chế sự cố trong vận hành thiết bị. Áp dụng quản lý dự phòng vật tư, thiết bị thay thế tối thiểu để chủ động trong hoạt động mua sắm thiết bị, vật tư thay thế, tiết kiệm chi phí tồn kho, đồng thời đảm bảo đủ thiết bị vật tư cho hoạt động sản xuất an toàn và hiệu quả.

Ngoài ra, PV Drilling chú trọng công tác xây dựng mạng lưới đại lý, tăng cường tiếp xúc với khách hàng ở các nước trong khu vực như Thailand, Myanmar, Malaysia... để chuẩn bị cho các bước tiếp theo trong tương lai khi thị trường cung cấp dịch vụ trong nước có dấu hiệu bão hòa.

DỊCH VỤ CUNG ỨNG NHÂN LỰC



Năm 2014 tiếp tục đánh dấu sự tăng trưởng của dịch vụ cung ứng nhân lực. Cùng với sự sôi động của thị trường khoan dầu khí, dịch vụ này đã cung ứng nhân sự cho 16 giàn khoan trong năm 2014 (năm 2013: 14 giàn), mang lại 2.078 tỷ đồng doanh thu và 210 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế trong năm 2014. So với cùng kỳ năm trước, doanh thu tăng 20% và lợi nhuận tăng 10%.



Luôn đáp ứng sự tin cậy của khách hàng về chất lượng dịch vụ cung cấp chuyên gia, PV Drilling đã tiếp tục có được một lượng lớn các hợp đồng cung cấp chuyên gia trong năm 2014. Ngoài việc duy trì hợp đồng với các khách hàng lớn như Premier Oil, Cửu Long, Thăng Long, VSP, Lam Sơn, Hoàng Long và Hoàn Vũ... PV Drilling không ngừng tìm kiếm và ký kết hợp đồng mới với khách hàng TNK, PVEP Overseas.

Đội ngũ nhân lực khoan của PV Drilling ngày càng chứng minh năng lực và sự trưởng thành của mình. Đa số các chức danh trên giàn khoan đã được PV Drilling đáp ứng và cung cấp. Vì hiểu rõ việc sở hữu nguồn nhân lực chất lượng cao là nắm giữ lợi thế cạnh tranh lâu dài nên công tác đào tạo, phát triển nhân lực đã được đầu tư cả về chiều sâu và chiều rộng, với nhiều loại hình đào tạo đa dạng từ đào tạo cơ bản, nâng cao đến chuyên sâu. Hầu hết các nhân sự trực tiếp thực hiện công việc trên những giàn khoan đều phải trải qua và hoàn thành các chứng chỉ đào tạo bắt buộc về an toàn và chuyên môn nghiệp vụ theo tiêu chuẩn chức danh công việc.

DỊCH VỤ CUNG ỨNG VẬT TƯ THIẾT BỊ

Dịch vụ cung ứng vật tư thiết bị đạt 1.733 tỷ đồng doanh thu và 62 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế năm 2014, tăng tương ứng 53% về doanh thu và 55% lợi nhuận so với cùng kỳ năm trước.



Phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 (tiếp theo)



Một số thành tựu trong năm 2014 có thể kể đến như cung cấp ống conductor cho 100% thị trường Việt Nam, cung cấp ống cho Biển Đông, cung cấp pipeline cho PV Gas, cung ứng vật tư thiết bị đúng tiến độ cho dự án Tê giác trắng, Sư tử trắng, Sư tử vàng,... Tỷ suất sinh lời của các hợp đồng cung cấp vật tư thiết bị vẫn được duy trì tốt như cùng kỳ năm trước.

DỊCH VỤ CƠ KHÍ SỬA CHỮA

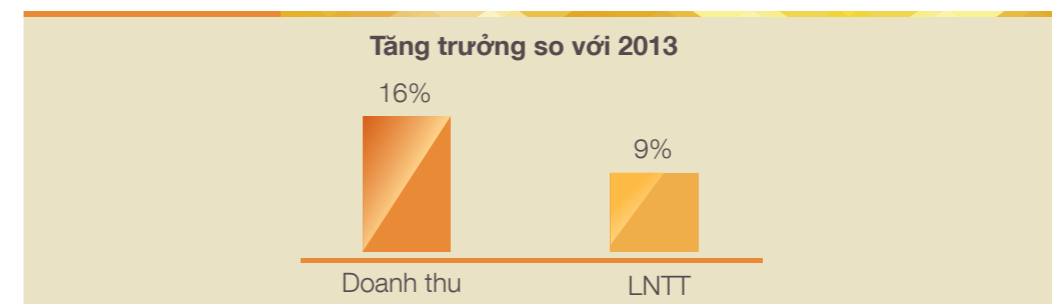
Các dịch vụ cơ khí sửa chữa đóng vai trò quan trọng trong chuỗi dịch vụ cung ứng của PV Drilling. Năm 2014, Xưởng cơ khí tại PVD Offshore đã thực hiện thành công dịch vụ bảo trì UWILD cho hai giàn khoan sở hữu PV DRILLING II và PV DRILLING V của PV Drilling. Đây là thành quả đạt được sau nhiều năm tập trung đầu tư máy móc thiết bị công nghệ cao, đào tạo đội ngũ kỹ sư, công nhân kỹ thuật lành nghề. PV Drilling hôm nay tự tin có thể tự thực hiện các công việc khó, công việc đòi hỏi sự chuyên nghiệp và chuyên sâu về kỹ thuật.

Doanh thu dịch vụ cơ khí sửa chữa đạt 520 tỷ đồng doanh thu, tăng trưởng 56% so với cùng kỳ năm trước. Tương tự như các mảng dịch vụ khác, nhờ vào yếu tố số lượng giàn khoan tăng so với kế hoạch dẫn đến nhu cầu sửa chữa, kiểm định các giàn khoan nhiều hơn dự kiến. Mảng thiết kế chế tạo cũng có những thành công nhất định trong năm 2014, điển hình hoàn thành chế tạo các dự án nổi bật, đó là hệ thống gia nhiệt dầu thô (Waste heat recovery Unit) cho VSP, hệ thống xử lý nước cho Cửu Long và chế tạo ống công nghệ (flowlines) cho Cửu Long & Lam Sơn. PV Drilling tự hào được các khách hàng NOV và Halliburton đánh giá là một trong những nhà sản xuất có chất lượng tốt nhất trong khu vực.



Mặc dù doanh thu tăng 56% so với 2013, lợi nhuận trước thuế chỉ tăng 10%. Yếu tố chi phí tăng là một trong những nguyên nhân dẫn đến tỷ lệ tăng trưởng lợi nhuận thấp hơn doanh thu. Ngoài chi phí khấu hao tăng tương ứng với tăng đầu tư máy móc thiết bị, chi phí đào tạo tăng do tăng cường các khóa đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu công việc ngày càng cao. Bên cạnh đó, mảng chế tạo cơ khí kỹ thuật cao (HTM) mới đưa vào vận hành từ cuối năm 2013 vẫn còn non trẻ, chưa mang lại nhiều lợi nhuận.

DỊCH VỤ ỨNG CỨU SỰ CỐ DẦU TRÀN



Mặc dù chiếm tỷ trọng nhỏ (dưới 1%) trong đóng góp về doanh thu và lợi nhuận cho toàn Tổng Công ty, năm 2014 dịch vụ ứng cứu sự cố tràn dầu vẫn rất nỗ lực đạt 86 tỷ đồng doanh thu và 29 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, tăng tương ứng 16% và 9% so với kết quả năm 2013. Như đã được nhìn nhận từ các năm trước, mảng dịch vụ này đối mặt với sự cạnh tranh ngày càng mạnh mẽ từ bên ngoài. Các nhà thầu dầu khí có xu hướng tiết kiệm chi phí, giảm nhu cầu liên quan đến dịch vụ ứng cứu, dịch vụ có tính chất stand-by.

Sự tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận của năm 2014, một phần thành công đến từ việc duy trì cung cấp dịch vụ ứng cứu trên sông và trên biển cho các khách hàng truyền thống, mặt khác đến từ công tác trực vớt tàu Heaug A bị chìm ngoài khơi biển Vũng tàu.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN TRONG NĂM

Những thành công vượt bậc trong 13 năm qua đã gắn liền với các quyết định đầu tư mang tính chiến lược và thể hiện sự kiên định trong quá trình phát triển của PV Drilling. Ngay sau khi thực hiện cổ phần hóa năm 2006, được sự chấp thuận và hỗ trợ của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, PV Drilling đã liên tục đầu tư và sở hữu 3 giàn khoan biển, 1 giàn khoan đất liền, 1 giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (TAD) và rất nhiều máy móc, thiết bị kỹ thuật hiện đại phục vụ cho ngành khoan dầu khí, nâng tổng tài sản của PV Drilling lên trên 23 ngàn tỷ đồng vào cuối năm 2014 so với con số 2 ngàn tỷ đồng tại thời điểm cuối năm 2006. Năm 2014 tiếp tục là một năm PV Drilling thực hiện thành công các dự án đầu tư với tổng giá trị thực hiện đạt 82% kế hoạch đề ra.

Năm 2014, PV Drilling cùng với liên doanh PVD Overseas tiếp tục thực hiện góp vốn đầu tư và triển khai việc giám sát thực hiện hợp đồng đóng mới giàn khoan PV DRILLING VI tại Keppel Fels, đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng công trình. Giàn khoan PV DRILLING VI đã hoàn thành đầu tư vào cuối tháng 2/2015, đánh dấu sự ra đời của giàn khoan sở hữu thứ 6 của PV Drilling.

Tại Nghị quyết số 2396/NQ-DKVN ngày 31/10/2014, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã chấp thuận chủ trương "Thành lập Liên doanh tại Malaysia để đầu tư và vận hành giàn khoan tự nâng đa năng có đặc tính kỹ thuật cao 400ft" của PV Drilling với phần vốn góp từ PV Drilling dự kiến khoảng 56 triệu USD. PV Drilling hiện đang triển khai việc thành lập liên doanh với đối tác tại Malaysia để nghiên cứu thị trường, đẩy mạnh công tác marketing ra khu vực Đông Nam Á. Việc đầu tư sẽ được Ban lãnh đạo PV Drilling cân nhắc ở thời điểm thích hợp, đáp ứng điều kiện thị trường và giá trị đầu tư hợp lý để đảm bảo hiệu quả của dự án lâu dài và giúp PV Drilling tiếp tục phát triển bền vững trong tương lai.

Bên cạnh các dự án lớn nêu trên, trong năm 2014, PV Drilling tiếp tục theo dõi tình hình triển khai thực hiện và quyết toán các dự án đầu tư máy móc thiết bị bổ sung cho các giàn khoan sở hữu và cho các dịch vụ kỹ thuật giếng khoan như: bộ thiết bị BOP, bộ thiết bị khoan dẫn động, bộ cần khoan, thiết bị thử áp lực, hệ thống cáp điều khiển và cáp nguồn dự phòng cho giàn PV DRILLING V, hệ thống treo cáp tời đo Karota khai thác...

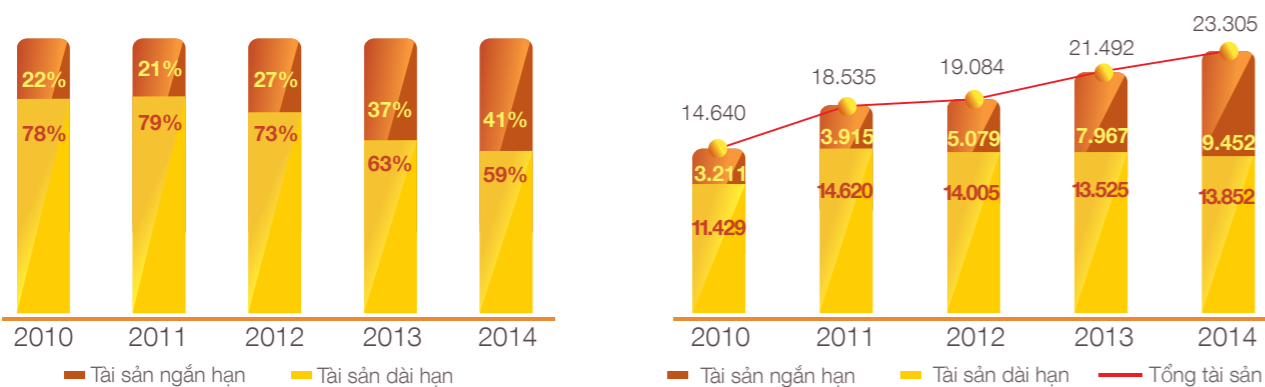
Phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 (tiếp theo)

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

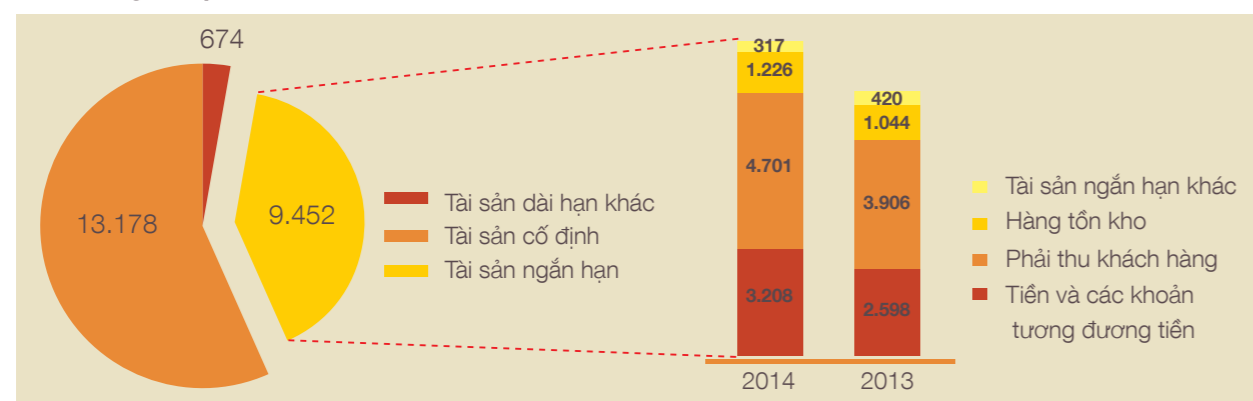
Tính ổn định của tài sản cũng như nguồn vốn không những đảm bảo sự cân bằng trong ngắn hạn mà còn duy trì được sự cân bằng về dài hạn cũng như khả năng phát triển bền vững trong tương lai. Nguyên tắc truyền thống của cân bằng tài chính là các tài sản cố định phải được tài trợ bởi các nguồn vốn dài hạn luôn được áp dụng tại PV Drilling thông qua sự lựa chọn cấu trúc vốn chủ sở hữu và vốn vay hiệu quả. Theo đó, các giải pháp huy động vốn từ bên trong như phát hành cổ phiếu riêng lẻ, chia cổ tức bằng cổ phiếu cũng như huy động vốn từ bên ngoài thông qua các hợp đồng vay tín dụng đã mang lại hiệu quả cũng như sự an toàn trong cấu trúc tài chính của PV Drilling. Tỷ lệ Nợ/Vốn chủ sở hữu giảm liên tục qua các năm, tỷ trọng Nợ và Vốn chủ sở hữu trong tổng Nguồn vốn đạt mức cân bằng 50%:50% vào cuối năm 2014 thể hiện sự gia tăng về nội lực nhưng vẫn đạt được lợi ích từ việc sử dụng các nguồn lực tài chính bên ngoài một cách an toàn.

Cấu trúc vốn

Chỉ tiêu	Đơn vị	2014	2013	2012	2011	2010
Tổng Tài Sản	tỷ đồng	23.305	21.492	19.084	18.535	14.640
Tài sản ngắn hạn	tỷ đồng	9.452	7.967	5.079	3.915	3.211
Tài sản dài hạn	tỷ đồng	13.852	13.525	14.005	14.620	11.429
Nợ phải trả	tỷ đồng	11.592	11.625	12.066	12.314	9.397
Nợ ngắn hạn	tỷ đồng	7.145	6.765	5.691	5.087	3.992
Nợ dài hạn	tỷ đồng	4.447	4.860	6.376	7.227	5.405
Vốn chủ sở hữu bao gồm lợi ích cổ đông thiểu số	tỷ đồng	11.713	9.868	7.017	6.222	5.243



Tài sản ngắn hạn



Tài sản ngắn hạn cuối năm 2014 của PV Drilling là 9.452 tỷ đồng, tăng 1.485 tỷ đồng, tương đương 18,6% so với năm 2013. Hoạt động sản xuất kinh doanh sôi nổi trong năm 2014 với doanh thu tăng khoảng 40% so với năm trước đã thúc đẩy mạnh mẽ các giao dịch ngắn hạn làm cho lượng tiền và các khoản phải thu/phải trả khách hàng thời điểm cuối năm 2014 tăng so với cùng kỳ năm trước. Riêng tiền và tương đương tiền tăng trên 23% và các khoản phải thu khách hàng tăng trên 20% so với cuối năm 2013 tương ứng với việc tăng các khoản phải trả nhà cung cấp như đã nêu tại phần nợ ngắn hạn.

Luôn đồng hành với sự tăng trưởng tốt trong hoạt động sản xuất kinh doanh qua các năm là sự nỗ lực thay đổi phù hợp trong công tác quản lý tài chính. Bên cạnh các quy chế, quy định về quản lý tài chính hiệu quả của Tổng Công ty cần tuân thủ nghiêm túc, tất cả các đơn vị thành viên đã cùng nhau xây dựng và thực hiện rất tốt các biện pháp quản lý công nợ phải thu/phải trả để đáp ứng được quy mô giao dịch ngày càng mở rộng. Mặc dù số dư phải thu khách hàng cuối năm 2014 tăng 795 tỷ đồng so với năm 2013 nhưng kỳ thu tiền bình quân giảm đáng kể từ 68 ngày xuống còn 63 ngày và tỷ lệ các khoản phải thu quá hạn chỉ khoảng 2%, không tăng so với năm trước.

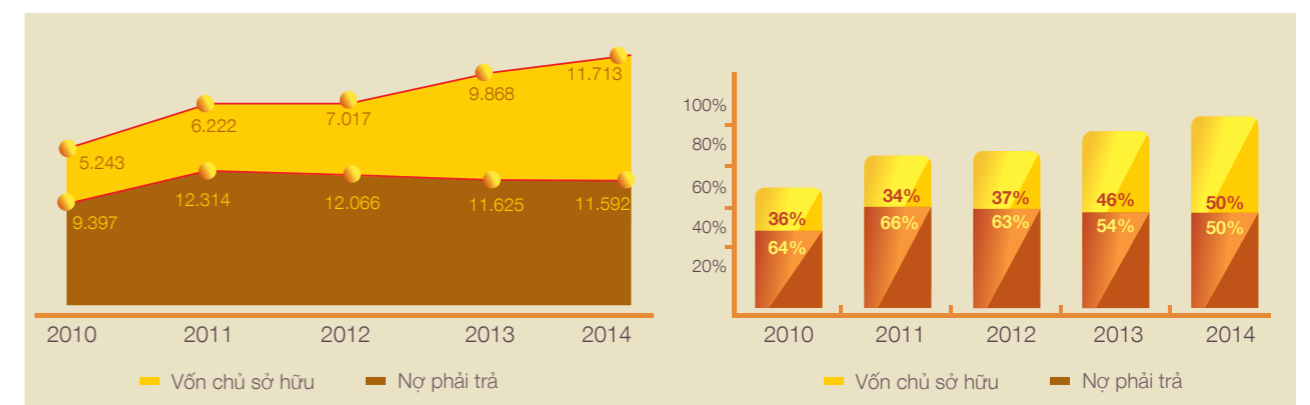
Cuối năm 2014, PV Drilling đã thực hiện rà soát và đánh giá lại giá trị của tất cả các danh mục vật tư, phụ tùng tồn kho đảm bảo cho hoạt động liên tục của các giàn khoan sở hữu khi có hư hỏng cần thay thế và đã ghi nhận 56 tỷ đồng dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho một số vật tư chậm luân chuyển, suy giảm về chất lượng. Đây là việc làm cần thiết nhằm phản ánh đúng giá trị thực tế của tài sản trên sổ sách, cung cấp thông tin kịp thời cho nhà quản lý và có các biện pháp ứng xử hiệu quả với các danh mục này.

Tài sản dài hạn

Tài sản dài hạn cuối năm 2014 của PV Drilling là 13.852 tỷ đồng, trong đó tài sản cố định chiếm 95%, chủ yếu là 5 giàn khoan sở hữu đang cung cấp cho thị trường khoan trong và ngoài nước và các máy móc thiết bị cho dịch vụ khoan; ngoài ra, giá trị đầu tư dở dang trên 1.400 tỷ đồng của giàn khoan tự nâng PV DRILLING VI cũng góp phần tăng giá trị tài sản cố định trong năm. Riêng việc đưa giàn khoan PV DRILLING VI vào hoạt động trong đầu tháng 3/2015 theo đúng tiến độ, tổng tài sản của PV Drilling cuối năm 2015 sẽ tăng thêm khoảng 3.200 tỷ đồng.

NGUỒN VỐN

Cùng với sự lớn mạnh của tài sản thì nguồn vốn của PV Drilling cũng đã tăng trưởng mạnh qua các năm. Với sự dịch chuyển cơ cấu Nợ phải trả và Vốn chủ sở hữu trong tổng Nguồn vốn từ tỷ lệ 64%:36% trong năm 2010 sang tỷ lệ 50%:50% trong năm 2014 cho thấy sự phát triển hợp lý và ổn định của PV Drilling trong suốt giai đoạn vừa qua.





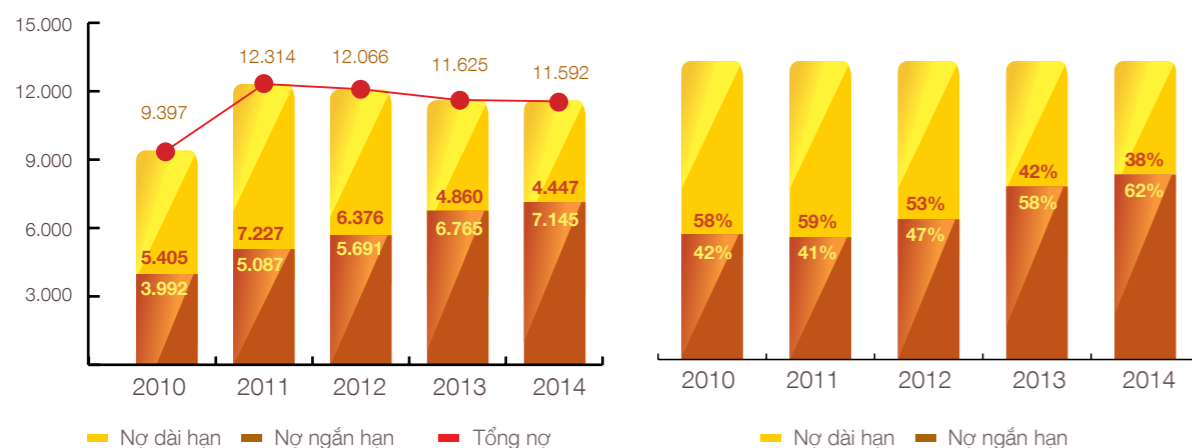
Phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 (tiếp theo)

Nợ phải trả

Tổng Nợ phải trả của PV Drilling tính đến thời điểm 31/12/2014 là 11.592 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng khoảng 50% trong tổng nguồn vốn trong đó nợ vay ngắn hạn và dài hạn là 4.252 tỷ đồng. Chỉ số nợ vay trên vốn chủ sở hữu đạt 0,37 lần, thể hiện khả năng huy động vốn vay tăng thêm của PV Drilling cho các dự án đầu tư trong tương lai vẫn còn dư địa và đây là nguồn lực rẻ nhất trong giai đoạn hiện nay khi các ngân hàng trong nước và nước ngoài cần tăng dư nợ tín dụng.

Dự kiến đầu năm 2015 PV Drilling sẽ hoàn tất việc giải ngân khoản vay 158.7 triệu USD đầu tư giàn khoan PV DRILLING VI từ hợp đồng vay hợp vốn với các ngân hàng TMCP Ngoại thương (VCB), ngân hàng Xuất nhập khẩu (EXIMBANK) và ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SEABANK). Năm 2015, chỉ số nợ vay trên vốn chủ sở hữu dự kiến sẽ ở mức 0,48 lần.

Khoản phải trả người bán tại 31/12/2014 là 2.872 tỷ đồng tăng khoảng 34% so với năm 2013 chủ yếu là công nợ phải trả cho các đối tác nước ngoài cung cấp các giàn khoan mà PV Drilling thuê để đáp ứng nhu cầu thị trường khoan. So với năm 2013, khoản phải trả khách hàng tăng cao tương ứng với khoản phải thu cũng gia tăng. PV Drilling đảm bảo công tác quản lý các khoản nợ luôn được giám sát chặt chẽ, hạn chế tối đa các rủi ro và duy trì các chỉ tiêu thanh toán luôn ở mức tốt nhất.



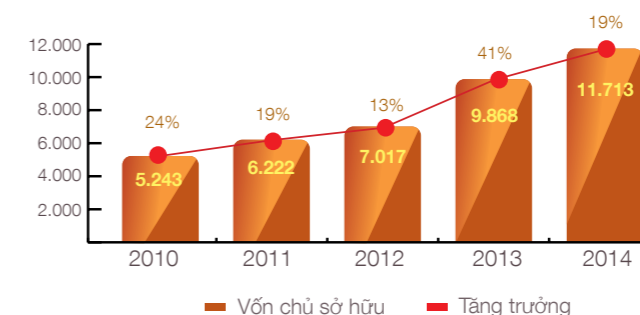
Nguồn vốn chủ sở hữu

Tại ngày 31/12/2014, nguồn vốn chủ sở hữu của PV Drilling bao gồm lợi ích của cổ đông thiểu số đạt 11.713 tỷ đồng, tăng 1.845 tỷ đồng tương đương 19% so với cuối năm 2013, chủ yếu do đóng góp từ lợi nhuận chưa phân phối của cổ đông và thực hiện việc chia cổ tức. Cụ thể, vốn điều lệ của PV Drilling cuối năm 2014 là 3.031 tỷ đồng, tăng 10% tương ứng với tỷ lệ trả cổ tức bằng cổ phiếu 10% trên vốn điều lệ của năm 2013. Vốn điều lệ chiếm 26% tổng nguồn vốn chủ sở hữu cho thấy sức mạnh tài chính của PV Drilling được tích lũy qua các năm, đảm bảo nguồn sinh lời cho các cổ đông và hỗ trợ cho Tổng Công ty vượt qua các rủi ro, thử thách trong hoạt động kinh doanh.

Thặng dư vốn cổ phần đến cuối năm 2014 đạt 2.434 tỷ đồng, trong đó thặng dư từ việc sáp nhập PVD Invest vào PV Drilling được thể hiện trên sổ sách kế toán, không phải dòng tiền thực có. Bên cạnh đó, để phục vụ việc đầu tư giàn khoan PV DRILLING VI, PV Drilling đã phát hành

riêng lẻ 38 triệu cổ phiếu trong năm 2013 và thu được khoản thặng dư 1.064 tỷ đồng. Theo quy định, nguồn thặng dư này chỉ được sử dụng để bổ sung vào vốn điều lệ sau 3 năm kể từ khi dự án được hoàn thành và đưa vào khai thác, sử dụng.

Tỷ trọng nguồn vốn chủ sở hữu trong cơ cấu vốn PV Drilling cuối năm 2014 đạt 50%, tăng 4% so với năm 2013, việc thay đổi tỷ trọng các khoản mục nguồn vốn nghiêng về sự gia tăng tỷ trọng của vốn chủ sở hữu thông qua việc gia tăng lợi nhuận giữ lại cho thấy hiệu quả trong đầu tư của PV Drilling. Điều này cũng giúp PV Drilling kiểm soát được các rủi ro, vượt qua được những khó khăn trong giai đoạn kinh tế có nhiều bất ổn và ngày càng chuyên nghiệp hơn trong thị trường khoan trong nước cũng như trong khu vực.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	ĐVT	2014	2013	2012	2011
Tổng giá trị tài sản	tỷ đồng	23.305	21.492	19.084	18.535
Doanh thu	tỷ đồng	20.884	14.867	11.929	9.211
Thuế và các khoản phải nộp	tỷ đồng	(638)	(298)	(250)	(157)
Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	3.178	2.291	1.697	1.229
Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	2.419	1.883	1.322	1.067

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn (hiện hành)	lần	1,32	1,18	0,89	0,90
TSLĐ/ Nợ ngắn hạn	lần	0,32	0,18	-0,11	-0,23
Hệ số thanh toán nhanh	lần	1,15	1,02	0,75	0,57
TSLĐ - Hàng tồn kho	tỷ đồng	1.082	159	(1.400)	(2.175)
Nợ ngắn hạn	tỷ đồng	7.145	6.765	5.691	5.087

2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Hệ số nợ/ Tổng tài sản	lần	0,50	0,54	0,63	0,66
Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	lần	1,01	1,18	1,73	1,99

3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho	lần	14,77	12,59	10,33	10,63
Hàng tồn kho	tỷ đồng	1.135	916	895	673
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	lần	0,90	0,69	0,63	0,50

4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Hệ số lợi nhuận sau thuế/ doanh thu	%	11,6%	12,7%	11,1%	11,6%
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	13,5%	14,1%	12,8%	12,7%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	22,7%	22,4%	20,0%	18,7%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	%	10,8%	9,3%	7,0%	6,4%



Phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 (tiếp theo)

Năm 2014 được đánh giá là một năm thành công vượt bậc của PV Drilling với doanh thu đạt 20.884 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 2.419 tỷ đồng, tương ứng tăng 40% và 28% so với năm 2013. Năm 2014 cũng chứng kiến một năm tài chính vững mạnh với tổng tài sản trên 1 tỷ USD, các chỉ số tài chính ngày càng vững mạnh thể hiện được sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Từ giai đoạn cuối quý 4 năm 2014, trước những diễn biến phức tạp của giá dầu, tầm quan trọng công tác quản trị doanh nghiệp được Ban lãnh đạo đặt lên hàng đầu. Các dự án đầu tư được phân tích dự đoán một cách cụ thể và kiểm soát chặt chẽ thông qua các phân tích chỉ số tài chính nhằm đảm bảo khả năng sinh lời của dự án, gia tăng tối đa giá trị thặng dư cho các cổ đông nhưng vẫn đảm bảo các tiêu chuẩn về rủi ro, về tỷ lệ vốn vay, tỷ lệ nợ ngắn hạn, dài hạn, cũng như đảm bảo tính thanh khoản của dòng tiền trong doanh nghiệp.

Hệ số thanh toán ngắn hạn:

Chỉ số thanh toán ngắn hạn năm 2014 là 1,32 lần, cải thiện so với năm 2013. Trong năm 2014, ngoài các giàn khoan sở hữu, PV Drilling còn thuê một số lượng lớn giàn khoan của các đối tác cung cấp cho thị trường, dẫn đến áp lực từ các khoản phải thu và khoản phải trả là rất lớn. Tuy nhiên, khả năng thanh toán của PV Drilling vẫn được đảm bảo thông qua các hoạt động xuyên suốt của bộ phận ngân quỹ. Dòng tiền giữa các đơn vị được điều phối và duy trì hiệu quả, nguồn vốn lưu động được kiểm soát chặt chẽ.

Tài sản lưu động/ Nợ ngắn hạn:

Chỉ số tài sản lưu động/ nợ ngắn hạn của năm 2014 đạt 0,32 lần, cải thiện so với 0,18 lần của năm 2013. Ngoài việc kiểm soát nguồn vốn lưu động chặt chẽ và hiệu quả giữa các đơn vị và trong mỗi dự án thì năm 2014 ghi nhận sự giảm sút đáng kể của các khoản nợ ngắn hạn, chủ yếu là các khoản vay nợ giàn khoan giảm khi PV Drilling hoàn tất trả nợ cho giàn PV DRILLING I.

Hệ số thanh toán nhanh:

Sự hoạt động hiệu quả của mô hình quản lý hàng tồn kho Economic Order Quantity Model tiếp tục phát huy vai trò tích cực mang lại cho PV Drilling giá trị cao. Mặc dù phải vận hành và quản lý số lượng giàn khoan đáng kể cũng như sự gia tăng của các dịch vụ kỹ thuật giếng khoan và các dịch vụ liên quan, hàng tồn kho của PV Drilling vẫn được quản lý một cách hiệu quả. Trong khi doanh thu tăng trưởng mạnh mẽ thì lượng hàng tồn kho chỉ tăng 17%. Chủ yếu hàng tồn kho được chuẩn bị cho các hợp đồng thương mại giá trị nhằm đảm bảo giao hàng đúng thời hạn cho khách hàng vào đầu năm sau. Hệ số thanh toán nhanh đạt 1,15 lần, cải thiện so với năm 2013 (1,02 lần).

Tài sản lưu động - Hàng tồn kho:

Tài sản lưu động (loại trừ hàng tồn kho) của năm 2014 đạt 1.082 tỷ đồng, cao hơn 923 tỷ đồng so với thời điểm cuối năm trước (159 tỷ đồng). Tài sản ngắn hạn cuối năm 2014 là 9.452 tỷ, tăng 1.485 tỷ chủ yếu do khoản tiền thu từ phát hành thêm 40 triệu cổ phần trong Q3/2013 cho mục đích đầu tư thêm giàn khoan và máy móc thiết bị và sự gia tăng các khoản phải thu khách hàng do thị trường khoan sôi động. Trong khi đó nợ ngắn hạn và hàng tồn kho được kiểm soát chặt chẽ thay đổi không đáng kể so với năm 2013.

Các chỉ số tài chính của PV Drilling ngày càng được cải thiện, nhằm gia tăng sức mạnh tài chính, tiến đến phát triển bền vững.



Nợ ngắn hạn:

Với việc thanh toán xong các khoản nợ vay của giàn PV DRILLING I cũng như đã hoàn tất thanh toán giàn PV DRILLING 11 trước đó, các khoản nợ ngắn hạn của PV Drilling đã giảm thiểu đáng kể. Năm 2014 các khoản nợ ngắn hạn phải trả là 7.145 tỷ đồng, tăng 380 tỷ đồng, chủ yếu đến từ các khoản nợ thanh toán cho người bán. Theo kế hoạch, các khoản nợ vay của giàn PV DRILLING III sẽ được hoàn tất trong năm 2015.

Hệ số nợ/ Tổng tài sản & Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu:

Năm 2014, chỉ số nợ trên tổng tài sản giảm từ 0,04 lần còn 0,5 lần so với năm 2013, hệ số nợ trên VCSH cũng được cải thiện đáng kể, giảm 0,17 lần so với năm 2013. Kết quả trên nhờ vào cấu trúc vốn đầu tư an toàn 70/30 (70% vốn vay và 30% VCSH) đảm bảo được kế hoạch trả nợ vay. Các khoản vay dài hạn của PV Drilling đều bằng đồng USD với lãi suất thả nổi Libor + biên khoảng 3.5%. Tùy vào thời điểm, các công cụ phái sinh được sử dụng nhằm hạn chế rủi ro về mặt lãi suất và nâng cao tính thanh khoản cho dòng tiền của PV Drilling.

Hàng tồn kho:

Chỉ tiêu hàng tồn kho bình quân tính đến 31/12/2014 là 1.135 tỷ đồng, tăng 24% so với năm 2013. Con số này cao hơn rất nhiều so với mức tăng của năm 2013 so với năm 2012. Tuy nhiên hoạt động quản trị hàng tồn kho lại được cải thiện ngày càng tốt hơn thông qua chỉ số vòng quay hàng tồn kho tăng lên 14,8 lần so với con số 12,6 lần trong năm 2013.

Doanh thu thuần/ Tổng Tài sản:

Năm 2014 được đánh giá là năm thành công của PV Drilling với doanh thu đạt 20.884 tỷ đồng, tăng 40% so với năm 2013. Mặc dù tổng tài sản tăng khoảng 1.812 tỷ đồng nhưng với sự gia tăng mạnh mẽ của doanh thu làm cho chỉ số vòng quay tài sản trong năm của PV Drilling đạt 0,9 lần, tăng 30% so với năm 2013.

Hệ số lợi nhuận hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần và Hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu:

Năm 2014, hệ số lợi nhuận hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần giảm 0,6% và hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu giảm 1,1% so với năm 2013, phần lớn do sự tăng trưởng vượt bậc về doanh thu mảng giàn khoan thuê, trung bình gần 6 giàn so với 3 giàn trong năm 2013. Tuy nhiên, do tỷ suất lợi nhuận của các giàn khoan thuê thấp nên hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu của năm 2014 giảm so với năm 2013.

ROE & ROA:

Trong năm 2014, PV Drilling đã vận hành an toàn, hiệu quả, cung cấp cho thị trường 9 đến 10 giàn khoan, bao gồm 4 giàn khoan sở hữu và trung bình 5-6 giàn khoan thuê. Cùng với sự sôi động của thị trường khoan, các dịch vụ như: kỹ thuật giếng khoan, dịch vụ cung ứng nhân lực, dịch vụ thương mại cũng tăng trưởng mạnh, thúc đẩy doanh thu và lợi nhuận tăng lần lượt 40% và 28% so với kết quả năm 2013. Nhờ đó các chỉ số ROA và ROE tiếp tục được duy trì ở mức cao. So với năm 2013, chỉ số ROA tăng 1,5% và đạt 10.8% năm 2014, bên cạnh đó chỉ số ROE vẫn được duy trì trên 22%.

HƯỚNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN VÀ CỐNG HIẾN CHO CỘNG ĐỒNG NHỮNG ĐIỀU TỐT ĐẸP MỘT CÁCH LÂU DÀI

Công tác an sinh xã hội tại PV Drilling

Tại PV Drilling, mọi hoạt động tổ chức, đoàn thể hướng đến cộng đồng luôn gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng chiến lược phát triển trên 3 phương diện: kinh doanh, xã hội và môi trường. Chúng tôi hiểu rằng nếu chỉ hướng tới các mục tiêu kinh doanh ngắn hạn mà quên đi mục tiêu phát triển bền vững thì chắc chắn thành công ấy cũng chỉ là nhất thời, chỉ là ngắn hạn. Bên cạnh đó, như đã chia sẻ ở trên, một trong những mục tiêu quan trọng của Tổng Công ty là “phát triển toàn diện và cống hiến cho cộng đồng những điều tốt đẹp một cách lâu dài”, chúng tôi mong muốn những hoạt động thiết thực của mình sẽ góp phần đồng hành cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, các đơn vị trong ngành, các doanh nghiệp trong nước để thúc đẩy xã hội ngày càng phát triển, cộng đồng ngày càng văn minh.

Theo đó, nhiều năm qua ngay từ những ngày đầu thành lập, Ban lãnh đạo và CBCNV PV Drilling luôn quan tâm xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách An sinh xã hội, xem đây vừa là trách nhiệm, vừa là động lực để phát triển bền vững, thể hiện ý nghĩa nhân văn sâu sắc của Tổng Công ty đối với những hoàn cảnh khó khăn, bất hạnh. Xã hội phải ổn định, công bằng thì doanh nghiệp mới đảm bảo phát triển bền vững và thúc đẩy đất nước phát triển, từ đó nâng cao lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp nói riêng và quốc gia nói chung trên thị trường quốc tế. Nhận thức rõ điều này, những năm vừa qua Tổng Công ty đã thực hiện các chính sách an sinh xã hội một cách bài bản, hiệu quả và có kế hoạch rõ ràng, thực hiện đúng đối tượng, đúng mục tiêu.



Phối cảnh làng trẻ em SOS Thái Bình

Trong năm 2014, Tổng Công ty đã giải ngân trên 41 tỷ đồng cho các hoạt động từ thiện, đền ơn đáp nghĩa, cụ thể:

- Xây dựng nhà Đại đoàn kết tại các tỉnh Lai Châu, Quảng Trị, Quảng Bình;
- Xây dựng Nhà lưu trú cho học sinh tiểu học tại xã Lũng Chinh, Mèo Vạc, Hà Giang;
- Xây dựng trường mầm non Xã Nam Thành, Yên Thành, Nghệ An; trường tiểu học B thị trấn Xuân Trường, Nam Định;
- Xây dựng làng trẻ em Việt Nam SOS;
- Trao học bổng cho các cháu trường Tiểu học số 1 Bảo Ninh, Quảng Bình;
- Ủng hộ Cục Kiểm ngư và Cảnh sát biển Việt Nam theo chương trình “Chung tay vì biển đảo quê hương”; ủng hộ chương trình “Nghĩa tình Hoàng Sa - Trường Sa”; tặng quà cho ngư dân và tổ chức Đêm hội trung thu các cháu thiếu nhi Huyện đảo Lý Sơn; trao học bổng cho cháu bé có mẹ người Việt bị đắm phà tại Sewol, Hàn Quốc; ủng hộ kinh phí xây dựng tuyến nước sạch lên mộ Đại tướng Võ Nguyên Giáp cùng rất nhiều hoạt động từ thiện – đền ơn đáp nghĩa khác.

Năm 2015, Tổng Công ty PV Drilling cam kết sẽ tiếp tục thực hiện và thực hiện nhiều hơn nữa các công tác an sinh xã hội, để hoạt động này tiếp tục là một nét đẹp truyền thống của PV Drilling, góp phần vào sự nghiệp phát triển bền vững của Tổng Công ty ./.



Công tác An sinh Xã hội là một nét đẹp truyền thống của PV Drilling.

Giải thưởng và thành tựu

TRONG SUỐT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN, PV DRILLING ĐÃ VINH DỰ NHẬN ĐƯỢC NHIỀU GIẢI THƯỞNG DANH GIÁ TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC DO CÁC TỔ CHỨC UY TÍN BÌNH CHỌN. MỘT SỐ CÁC DANH HIỆU VÀ GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP CỦA TỔNG CÔNG TY NHƯ DƯỚI ĐÂY:

2010

- Giải xuất sắc Báo cáo thường niên
- Cúp vàng cho “Thương hiệu Chứng khoán uy tín”
- Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt
- Hiệp hội các nhà thầu khoan quốc tế (IADC) chứng nhận thành tích vận hành liên tục, an toàn không xảy ra sự cố gây mất thời gian lao động (Zero Lost Time Incidents – Zero LTI) cho các giàn khoan PV DRILLING I, II và III kể từ ngày hoạt động

2011

- Huân chương Lao động Hạng Nhất do Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam trao tặng
- Giải đặc biệt Báo cáo thường niên
- Hiệp hội IADC chứng nhận thành tích Zero LTI cho các giàn khoan PV DRILLING I, II và III liên tục kể từ ngày hoạt động

2012

- Nhà thầu khoan Dầu khí tốt nhất khu vực Châu Á do World Finance trao tặng
- Ứng dụng công nghệ cao cho “Dự án Ứng dụng Công nghệ Giàn khoan nước sâu tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (TAD)” do Bộ Khoa học Công nghệ chứng nhận
- Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất (hạng 3)
- Bằng khen của UBCKNN ghi nhận nỗ lực minh bạch nhiều năm của các doanh nghiệp niêm yết
- Hiệp hội IADC chứng nhận thành tích Zero LTI cho các giàn khoan PV DRILLING I, II và III liên tục kể từ ngày hoạt động

2013

- Giải thưởng “Doanh nghiệp được ngưỡng mộ nhất trong khối ASEAN” về thành tích Doanh nghiệp quy mô lớn có sự tăng trưởng vượt bậc (Most Admired ASEAN Enterprise for the Category of Growth - Large Company) do Hội đồng tư vấn Kinh doanh ASEAN (ASEAN BAC) trao tặng
- Lần thứ 2 được vinh dự nhận Giải thưởng “Nhà thầu khoan Dầu khí tốt nhất khu vực Châu Á năm 2013” do World Finance trao tặng
- Giải thưởng Thương hiệu uy tín 2013 do Viện Doanh nghiệp Việt Nam trao tặng



- Báo cáo thường niên 2013:
 - Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất (hạng 3)
 - Giải thưởng Báo cáo phát triển bền vững có độ tin cậy cao nhất do UBCKNN trao tặng
 - Giải cao nhất và duy nhất trong lĩnh vực năng lượng quốc tế (LACP)
 - Giải Bạc cho BCTN có sự tiến bộ nhất trên toàn thế giới (LACP)
 - Giải Vàng cho BCTN trong lĩnh vực Dịch vụ sản xuất Dầu khí thuộc khu vực không sử dụng tiếng Anh (ARC)
 - Giải khuyến khích cho phần nội dung về Số liệu tài chính (ARC)
- Hiệp hội IADC chứng nhận thành tích Zero LTI cho các giàn khoan PV DRILLING I, II và III và TAD liên tục kể từ ngày hoạt động

2014

- Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất
- Top 50 Công ty Niêm yết Tốt nhất Việt Nam do Tạp chí Forbes trao tặng
- Giải thưởng Thương hiệu uy tín 2014 do Viện Doanh nghiệp Việt Nam trao tặng
- Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam, Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (hạng 61) và Top 1.000 doanh nghiệp nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (hạng 43) do Vietnam Report trao tặng
- Hiệp hội IADC chứng nhận thành tích Zero LTI cho:
 - Giàn PV DRILLING I: 7 năm liên tục
 - Giàn PV DRILLING II: 5 năm liên tục
 - Giàn PV DRILLING III: 5 năm liên tục
 - Giàn PV DRILLING V (TAD): 2 năm liên tục



CHUYÊN NGHIỆP

Chuyên nghiệp trong tất cả các hoạt động và dịch vụ cung cấp nhằm hướng đến mục tiêu phát triển bền vững của PV Drilling.

Chuyên nghiệp trong đội ngũ nhân sự - nhân lực khoan

Để thành công và khẳng định thương hiệu “PV Drilling – Người tiên phong của ngành khoan dầu khí Việt Nam” trong suốt những năm qua, một trong những yếu tố tạo nên thành công của PV Drilling không thể không nói đến “**Sự chuyên nghiệp**”. Ngày nay, ở bất cứ môi trường kinh doanh nào cũng đòi hỏi phải có sự chuyên nghiệp. Có nơi sự chuyên nghiệp là hình ảnh văn phòng làm việc hiện đại, sự gọn gàng trong trang phục và sự lịch lãm của nhân viên, nơi khác lại là những yêu cầu về chứng chỉ, bằng cấp cao cho từng vị trí công việc để đảm bảo chất lượng công việc của doanh nghiệp. Vậy ở PV Drilling “sự chuyên nghiệp” là gì và quan trọng hơn sự chuyên nghiệp đó đã mang lại những giá trị tích cực gì cho PV Drilling ?



PV Drilling chuyên nghiệp – sự hoạch định của Tổng Công ty.

Một công ty chuyên nghiệp phải có những định hướng cho tính chuyên nghiệp, tạo lập những chính sách để nuôi dưỡng và phát triển tính chuyên nghiệp, cũng như giữ gìn sự chuyên nghiệp.

Ngay từ khi PV Drilling được hình thành hơn 13 năm về trước (26/11/2001), những nhà lãnh đạo cao cấp của PV Drilling đã tâm huyết về việc tạo dựng một công ty dịch vụ khoan dầu khí với chất lượng cao trong đó tính chuyên nghiệp phải được đặt lên hàng đầu. Đó cũng là yếu tố định hướng sự phát triển bền vững của PV Drilling từ khi thành lập đến nay. Ngay sau khi thành lập, Tổng Công ty đã tiến hành xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001, và lãnh đạo Tổng Công ty xác định rằng xây dựng hệ thống Quản lý Chất lượng (QMS) không phải chỉ để

đạt chứng nhận (certified) mà để đảm bảo các khâu trong quá trình cung cấp dịch vụ của PV Drilling được kiểm soát ngay từ đầu, đảm bảo chất lượng dịch vụ như đã cam kết với khách hàng.

Và để thực hiện sự chuyên nghiệp, Tổng Công ty đã xây dựng các chính sách, quy trình về đào tạo và phát triển nhân sự, các quy trình thiết lập mục tiêu công việc, đánh giá hiệu quả công việc, các chính sách lương thưởng, phúc lợi phù hợp để tạo động lực làm việc và cống hiến từ cấp lãnh đạo cho đến nhân viên. Mỗi cá nhân là cán bộ quản lý của PV Drilling đều phải nhớ 3 việc đơn giản nhưng rất quan trọng: Tư duy để truyền cảm hứng (Think to inspire), Hành động để đạt

kết quả công việc (Act to deliver) và Luôn tạo ra sự gắn kết (Influence to engage) cho tập thể của mình. Người lãnh đạo cao nhất của từng đơn vị hay bộ phận tại PV Drilling phải đảm bảo việc cung cấp các nguồn lực để thực thi các chính sách và quy trình đã ban hành, nếu vướng mắc phải tìm giải pháp chứ không phải đi tìm sự biện minh, giải thích.

Và quan trọng hơn, PV Drilling có “Bộ Quy tắc Ứng xử” để đảm bảo các quyết định và hành động nhất quán với các giá trị của PV Drilling, Bộ quy tắc ứng xử này sẽ được công bố rộng rãi trong năm 2015 (xem thêm Báo cáo Phát triển Bền vững của PV Drilling).

PV Drilling đã mạnh dạn ứng dụng các hệ thống quản trị chuyên nghiệp cùng các công cụ quản trị chuyên nghiệp để tạo hạ tầng tốt cho nhân viên và dịch vụ của mình được phát triển một cách chuyên nghiệp. Nhiều đối tác nước ngoài đã ngạc nhiên thú vị khi

biết rằng PV Drilling đã sử dụng hiệu quả ERP Oracle phân hệ quản trị tài chính, nhân sự, Maximo cho quản lý vật tư bảo dưỡng, SimpleSoft cho công tác đào tạo và nhiều phần mềm quản lý khác từ nhiều năm qua.

PV Drilling chuyên nghiệp vai trò của mỗi nhân viên

Để vận hành hệ thống quản trị Tổng Công ty và cung cấp dịch vụ một cách chuyên nghiệp, mỗi cá nhân làm việc tại PV Drilling phải đáp ứng trước hết là yêu cầu năng lực chuyên môn của từng vị trí công việc. PV Drilling hoạt động trong lĩnh vực khoan dầu khí, sử dụng công nghệ cao trong hoạt động, cho nên nhân viên kỹ thuật của PV Drilling phải đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn quốc tế của các tổ chức trong ngành như IADC, IWCF, OPITO, ABS... Ngoài các yêu cầu chuyên môn mang tính bắt buộc của các tổ chức quốc tế, PV Drilling còn chủ động trang bị thêm những kiến thức chuyên môn khác để đảm bảo năng lực chuyên môn ở mức cao nhất cho nguồn nhân lực của mình. Vì vậy, hiệu quả hoạt động các giàn khoan của PV Drilling luôn duy trì ở mức cao hơn trung bình của khu vực và đối tác.

Là công ty Việt Nam, nhưng nhân viên của PV Drilling đến từ nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ khác nhau. Ngay từ đầu vào là khâu tuyển dụng, mỗi ứng viên phải trải qua và đáp ứng các yêu cầu tuyển dụng chuyên nghiệp của PV Drilling. Từ khi còn là một công ty 100% vốn nhà nước cho đến khi trở thành một công ty đại chúng, ở PV Drilling không có bất kỳ trường hợp nào không bố trí được công việc phù hợp hay phải “giải quyết chế độ”. Khi được tuyển dụng vào PV Drilling, ngoài các yêu cầu năng lực cơ bản cán bộ, nhân viên PV Drilling còn phải thực hiện các khóa đào tạo chuyên môn theo ma trận đào tạo (training matrix) trong từng công việc, các yêu cầu năng lực theo tiêu chuẩn của từng chức danh, cấp quản lý từ nhóm trở lên còn phải đáp ứng được yêu cầu về năng lực quản lý theo “mô hình năng lực lãnh đạo – PVD Leadership competency model”. Hằng năm, PV Drilling đầu tư một nguồn kinh phí rất lớn cho công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng các yêu cầu về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật, quản lý và lãnh đạo.

Là công ty chuyên ngành dịch vụ kỹ thuật, mỗi nhân viên của PV Drilling thể hiện tính chuyên nghiệp bằng

Mỗi cán bộ công nhân viên khi khoác trên người tấm áo “PV Drilling” đều là Đại sứ thương hiệu của Tổng Công ty. Vì thế trong mọi hoàn cảnh, mọi hoạt động CBCNV Tổng Công ty cần thể hiện sự chuyên nghiệp để tính chuyên nghiệp ấy trở thành sức mạnh nội tại, góp phần gia tăng năng lực cạnh tranh của Tổng Công ty.



Chuyên nghiệp trong đội ngũ nhân sự - nhân lực khoan (tiếp theo)

sự chính trực trong công việc, trong quá trình cung cấp dịch vụ, chịu trách nhiệm thực thi công việc được giao và trách nhiệm giải trình với kết quả thực hiện công việc của mình.

Mỗi nhân viên tại PV Drilling đều phải trải qua những khóa huấn luyện các kỹ năng để có thể ứng xử chuyên nghiệp trong công việc hằng ngày của mình: cách giao tiếp, thể hiện ý thức an toàn trong công việc, cách chia sẻ ý tưởng, bảo vệ quan điểm, lắng nghe cấp dưới, tôn trọng đồng nghiệp... là những kỹ năng mềm mà mỗi nhân viên của PV Drilling thường xuyên được trao đổi qua các hội thảo, và thực hành hằng ngày trong công việc, từ vị trí tiếp tân cho đến lãnh đạo cấp cao, từ một nhân viên khối văn phòng cho đến một kỹ sư tác nghiệp trên khoan trường.

Nhưng yếu tố quan trọng hơn, mỗi nhân viên của PV Drilling đều phải không ngừng tự học hỏi bằng nhiều cách thức khác nhau để đáp ứng yêu cầu về chuyên môn và rèn luyện các kỹ năng cho chính công việc của mình, vì không có trường lớp hay chương trình đào tạo nào có thể thiết kế và đáp ứng nhu cầu riêng biệt của từng người, từng vị trí. Điều này là cần thiết cho kế hoạch phát triển cá nhân tại Tổng Công ty để người quản lý trực tiếp có thể theo dõi, hỗ trợ quá trình phát triển nghề nghiệp cũng như sự chuyên nghiệp nhân viên của mình trong đội ngũ.

Ở PV Drilling có một nguyên tắc đơn giản nhưng rất hiệu quả: **“làm việc gì thì phải biết chắc và nắm rõ việc mình làm”**.

Những điều này đã giúp cho PV Drilling có được môi trường thân thiện và gắn kết nhân viên, tạo động lực để mỗi cá nhân đóng góp nhiều hơn. Với môi trường chuyên nghiệp, PV Drilling đã thu hút được nhiều ứng



Vinh danh các Giám đốc đơn vị có thành tích xuất sắc năm 2014

Năm 2015 PV Drilling sẽ công bố “Bộ Quy tắc Ứng xử” áp dụng rộng rãi trong toàn Tổng Công ty, nhằm hệ thống hóa và thống nhất hành vi ứng xử cũng như tăng cường, củng cố các giá trị của PV Drilling.

viên tài năng từ bên ngoài gia nhập, góp phần phong phú thêm nguồn nhân lực chất lượng cao. Trong năm qua, dù số lượng vị trí tuyển dụng không nhiều nhưng PV Drilling vẫn được bình chọn là một trong những thương hiệu tuyển dụng được ưa thích hàng đầu theo bình chọn của trang tuyển dụng Vietnamworks (có thể tìm hiểu thêm tại Clip **“Working at PV Drilling”** trên trang website của PV Drilling).

Chuyên nghiệp trong cung cấp dịch vụ của PV Drilling

Với cam kết và sứ mệnh luôn đem lại dịch vụ chất lượng và giá trị gia tăng cho khách hàng, trong quá trình cung cấp dịch vụ, PV Drilling đã hiện thực hóa những cam kết đó và trở thành đối tác cung cấp dịch vụ uy tín hàng đầu tại thị trường Việt Nam, cũng như đạt được nhiều danh hiệu ở tầm khu vực.

Để giữ vững uy tín thương hiệu, ngoài việc trang bị tốt kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, mỗi nhân viên của PV Drilling luôn thấm nhuần tinh thần của người cung cấp dịch vụ, luôn hướng đến khách hàng (customer orientation). Mỗi bộ phận dịch vụ, mỗi nhân viên PV Drilling luôn nỗ lực mang đến cho khách hàng chất lượng dịch vụ tốt nhất có thể, không kể giá trị của hợp đồng dịch vụ là lớn hay nhỏ. Khả năng quản lý sự phức hợp (managing complexity) trong công việc là yêu cầu bắt buộc đối với từng cá nhân, từng bộ phận dịch vụ của PV Drilling.

Nhờ quá trình tận tâm, tận tụy và hiệu quả cao trong cung cấp dịch vụ, PV Drilling đã được khách hàng tin tưởng giao những hợp đồng dịch vụ trọn gói (bundled services) cho những chiến dịch khoan lớn trong những năm vừa qua.



Đại sứ thương hiệu chuyên nghiệp PV Drilling

Không những thể hiện sự chuyên nghiệp trong công việc với khách hàng, mỗi nhân viên PV Drilling được yêu cầu phải thể hiện vai trò như một đại sứ thương hiệu chuyên nghiệp của PV Drilling trong quá trình làm việc tương tác với cơ quan hữu quan, đối tác, nhà đầu tư, với cộng đồng và xã hội theo quy tắc ứng xử của PV Drilling. Trong vai trò là đơn vị đóng góp nhiều cho xã hội, hình ảnh PV Drilling phải thể hiện sự văn minh hiện đại, trong các sự kiện do Tổng Công ty tổ chức, các chương trình an sinh xã hội thực hiện cùng cộng đồng và cơ quan hữu quan, những hình ảnh hoạt động của nhân viên PV Drilling đều phải thể hiện phù hợp và chuyên nghiệp.

Tính chuyên nghiệp đã, đang và sẽ tiếp tục là một sức mạnh nội tại, một lợi thế cạnh tranh rõ rệt của PV Drilling trong quá trình phát triển trở thành một nhà cung cấp dịch vụ khoan và liên quan đến khoan dầu khí uy tín và chất lượng mang tầm quốc tế./.



Kế hoạch đào tạo nhân sự

Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực có năng lực, tận tâm, cam kết gắn bó là một trong những chiến lược trọng tâm của PV Drilling. Tổng Công ty luôn chú trọng đầu tư cho kế hoạch đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là công tác quy hoạch và phát triển đội ngũ kế thừa.

Từ nhiều năm qua, PV Drilling đã và đang đầu tư hàng chục tỷ đồng để đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên gia, kỹ sư, công nhân kỹ thuật, lực lượng được xem là lao động nòng cốt của Tổng Công ty. Các chương trình đào tạo và phát triển năng lực vì thế cũng rất đa dạng từ chuyên môn kỹ thuật khoan và dịch vụ khoan dầu khí, An toàn - Chất lượng - Môi trường, ngoại ngữ, kỹ năng mềm, đào tạo năng lực quản trị và kỹ năng quản lý, lãnh đạo. PV Drilling luôn tự hào được các đối tác đánh giá là một đơn vị nổi bật trong ngành có nguồn nhân lực chuyên nghiệp và chất lượng cao, với tư duy luôn hướng tới khách hàng.

Năm 2014, hoạt động đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của PV Drilling dựa trên 3 trọng tâm chính:

Ứng dụng mô hình tạo sự đột phá 70 : 20 : 10 trong công tác đào tạo:

PV Drilling đã bước đầu chuyển mô hình đào tạo truyền thống thành mô hình tạo sự đột phá 70:20:10. Mô hình này do Lambardo & Eichiger công bố từ năm 1996, hiện đang trở thành xu hướng đào tạo được nhiều tổ chức tiên tiến trên thế giới và trong khu vực áp dụng, cụ thể là: 70% năng lực tích lũy được từ trải nghiệm thực tế công việc; 20% năng lực học hỏi được từ những người xung quanh; 10% năng lực có được từ các khóa học chính thống.

Theo đó, Tổng Công ty đã tạo ra môi trường để cán bộ nhân viên học tập và phát triển thông qua các hình thức cụ thể như:

70% từ học và phát triển thông qua trải nghiệm, bao gồm:

- Áp dụng các kiến thức đã học vào công việc thực tế;
- Thực hiện việc tự học và tự phát triển bản thân;

- Thử nghiệm cách tiếp cận mới cho một vấn đề cũ;
- Hoán đổi, luân chuyển vai trò/công việc;
- Tham gia vào các dự án và làm việc nhóm, trải nghiệm với các nhiệm vụ khó, thách thức;
- Tăng cường ra quyết định, tương tác với các quản lý cấp trên (báo cáo, thuyết trình, cuộc họp);
- Hoạt động cộng đồng và tình nguyện.

20% từ học và phát triển thông qua người khác, bao gồm:

- Quan sát, tìm lời khuyên, hỏi ý kiến và nghe các ý tưởng và chia sẻ kinh nghiệm của đồng nghiệp, cấp trên, cấp dưới;
- Huấn luyện, kèm cặp từ cấp quản lý;
- Các đánh giá và thông tin phản hồi từ khách hàng.

10% từ học và phát triển thông qua các khóa học, bao gồm:

- Các khóa học tập trung;
- Các khóa học trực tuyến.

PV Drilling triển khai mô hình 70:20:10 theo 3 bước, áp dụng theo thứ tự từ thấp đến cao. Bắt đầu bằng việc học viên nhận kiến thức nền tảng từ các khóa học (theo mô hình đào tạo truyền thống đã có bề dày thành công tại Tổng Công ty những năm qua). Tiếp theo đó, học viên sẽ được phát triển và hoàn thiện các kiến thức đã học thông qua chia sẻ kinh nghiệm thực



70 : 20 : 10

Mô hình đào tạo nhân sự mang tính đột phá cao tại PV Drilling.

tiễn và kiến thức chuyên sâu từ những người xung quanh, (đặc biệt là cấp quản lý trực tiếp). Cuối cùng là áp dụng các kiến thức, kỹ năng này vào thực tế công việc, cũng như tự rút ra kinh nghiệm cho bản thân. Mô hình 70:20:10 đã và đang đạt được những thành công nhất định tại PV Drilling, tạo nền tảng cho việc xây dựng PV Drilling thành một "learning organization" – một tổ chức có văn hóa không ngừng học hỏi.

Hệ thống đào tạo dựa vào năng lực (Competency – Based Training):

PV Drilling xây dựng các mô hình năng lực chuyên môn làm cơ sở để xác định các ma trận đào tạo chuyên môn kỹ thuật cho từng khối chức danh trong các lĩnh vực dịch vụ của Tổng Công ty. Hệ thống ma trận đào tạo cho các chức danh làm việc trên giàn khoan, khối dịch vụ kéo thả ống chống, khối dịch vụ Mud Logging, Well Testing, Kiểm định viên, sỹ quan an toàn... đã và đang là định hướng để đào tạo, đánh giá, phát triển nghề nghiệp cho các CBCNV trong các lĩnh vực này.

Tổng Công ty đang tiếp tục phát triển các mô hình năng lực chuyên môn cho các khối kỹ thuật và chuyên môn nghiệp vụ khác trong toàn Tổng Công ty để tiến tới chuẩn hóa các chương trình đào tạo theo chuyên môn và đẩy mạnh hình thức học tập trực tuyến.

Chú trọng đào tạo năng lực lãnh đạo cho đội ngũ quản lý:

Xem đội ngũ quản lý là những hình mẫu thúc đẩy, tạo ra sự đột phá và dẫn dắt sự thay đổi trong chiến lược phát triển của PV Drilling, Tổng Công ty luôn đặt ưu tiên cao cho việc đào tạo và phát triển năng lực lãnh đạo của đội ngũ quản lý và đội ngũ kế cận. Mô hình năng lực lãnh đạo PV Drilling đã được xây dựng và áp dụng tại Tổng Công ty từ năm 2012. Cho đến nay, lộ trình phát triển năng lực lãnh đạo đã và đang được triển khai một cách hệ thống để trang bị cho đội ngũ quản lý nhận thức thống nhất và năng lực nền tảng của những nhà lãnh đạo chuyên nghiệp. Kết hợp với Kế hoạch phát triển cá nhân (IDP) từ năm 2014, mỗi cán bộ quản lý đã có thêm công cụ đặc lực để hoạch định và thực thi kế hoạch phát triển năng lực bản thân cũng như phát triển đội ngũ kế cận.

Phát triển đội ngũ kế thừa:

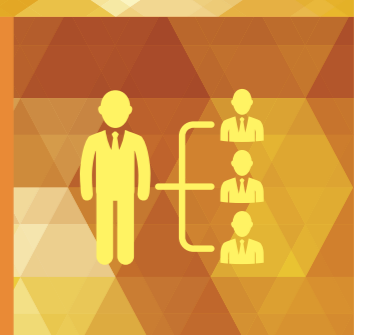
PV Drilling nhận thức rất rõ ràng tầm quan trọng và sự khó khăn của việc tìm kiếm nhân tài cho tổ chức. Việc thay thế nhân viên hiện tại bằng nhân viên có trình độ tương đương từ bên ngoài có thể tốn kém hơn rất nhiều so với việc gìn giữ và phát triển những người hiện tại. Do đó, Tổng Công ty chú trọng việc lập Kế hoạch xây dựng đội ngũ kế thừa nhằm cung cấp đủ nhân tài cho tổ chức và củng cố sức mạnh dự trữ bên trong. Đây cũng là cách Tổng Công ty tạo đòn bẩy cho các cá nhân xuất sắc trong tổ chức phát triển tối đa tiềm năng của họ.

Tổng Công ty đã và đang áp dụng mô hình Xây dựng phát triển đội ngũ kế thừa hiệu quả được Giáo sư, Tiến sĩ William, Rothwell đào tạo và tư vấn cho đội ngũ lãnh đạo cấp cao và cán bộ nhân sự của PV Drilling./.

Việc triển khai xây dựng thành công các chương trình đào tạo nhân sự sẽ giúp Tổng Công ty giảm thiểu các rủi ro "chảy máu chất xám", tối ưu hóa chi phí nhân sự, đặc biệt trong những thời điểm thị trường khoan trở nên sôi động.

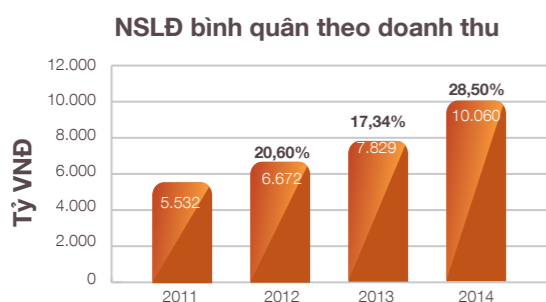
Chương trình đào tạo "tại chỗ" (On Job Training):

Hỗ trợ đào tạo đội ngũ nhân lực có kiến thức và kỹ năng toàn diện, có sự phát triển nhanh nhất qua các nấc thang công việc, giảm thiểu tình trạng nhân sự bị hỏng kiến thức hoặc thiếu một số kỹ năng nhất định.

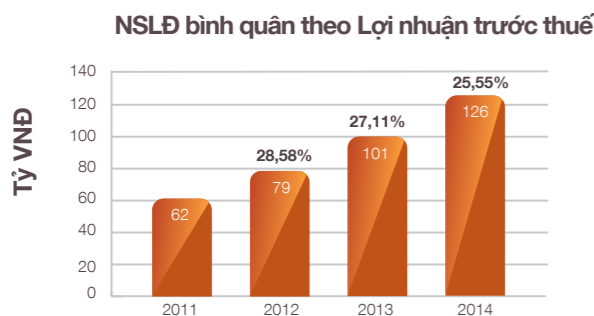


Năng suất lao động

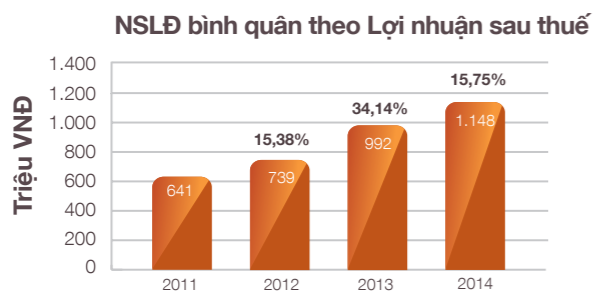
Trải qua hơn 13 năm xây dựng và phát triển, PV Drilling đã trở thành nhà thầu khoan uy tín không chỉ tại thị trường Việt Nam mà đã vươn tầm ra khu vực và thế giới. Để đạt được thành công như ngày hôm nay, yếu tố con người và gắn liền với nó là năng suất lao động luôn được Ban lãnh đạo Tổng Công ty hết sức quan tâm, xem đó là yếu tố then chốt trong việc phát triển Tổng Công ty. Bên cạnh đó, việc tăng NSLD còn để đảm bảo có thể cạnh tranh với các công ty dầu khí nước ngoài. Thống kê qua những năm gần đây, PV Drilling là một công ty có tốc độ tăng năng suất lao động khá cao, trên cả 3 góc độ:



Đối với chỉ tiêu năng suất lao động theo doanh thu, trong 4 năm trở lại đây tốc độ tăng năng suất lao động đều đạt trên 17%.



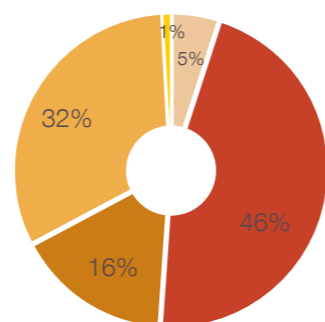
Đối với chỉ tiêu Năng suất lao động theo LNNTT, tỷ lệ tăng của 4 năm gần đây đều đạt trên 25%.



Đối với chỉ tiêu Năng suất lao động tính theo LNNT, tốc độ tăng luôn đạt trên 15%.

Tại PV Drilling, vấn đề năng suất lao động được quan tâm trên 4 khía cạnh:

1. Trình độ chuyên môn của người lao động:



Biểu đồ thống kê trình độ chuyên môn (Toàn bộ Tổng Công ty tại thời điểm 31/12/2014)

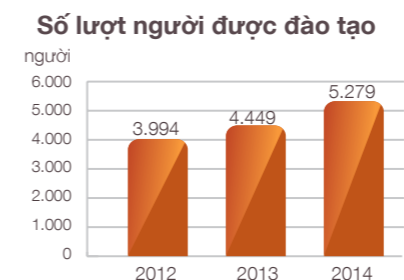
- Trình độ chuyên môn trên Đại học (98 người)
- Trình độ chuyên môn Đại học và tương đương (1.000 người)
- Trình độ chuyên môn Cao đẳng Trung cấp (342 người)
- Trình độ chuyên môn trên CNCK (695 người)
- Trình độ chuyên môn LDPT (22 người)

Stt	Chỉ tiêu	Năm		
		2012	2013	2014
1	Số lượt người được đào tạo	3.994	4.449	5.279
3	Bình quân lượt đào tạo/người	2,23	2,34	2,55

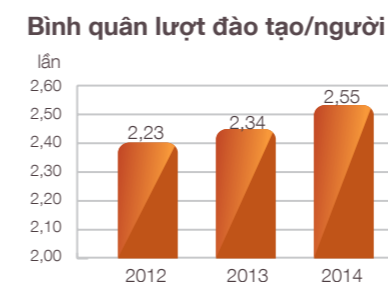
Với sự phát triển nhanh chóng của khoa học công nghệ, đặc biệt trong lĩnh vực khoan dầu khí, đòi hỏi người lao động tại PVD Drilling phải liên tục học hỏi để nắm bắt và làm chủ công nghệ cao. Ngay từ ngày đầu thành lập, hầu hết các vị trí chuyên môn kỹ thuật cao phải thuê chuyên gia nước ngoài. Đến nay lao động người Việt Nam tại PV Drilling đã dần làm chủ và thay thế được lực lượng này, qua đó tối ưu hóa chi phí nhân sự. Bên cạnh đó, công tác tuyển dụng lao động cũng hết sức chú trọng đến việc tìm kiếm các ứng viên có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, có khả năng học hỏi phát triển để tuyển dụng về làm việc tại Tổng Công ty. Các khóa đào tạo nâng cao kiến thức chuyên môn và các kỹ năng nghiệp vụ do các chuyên gia uy tín trong khu vực và trên thế giới giảng dạy thường xuyên được tổ chức. Trung bình hàng năm mỗi lao động tại PV Drilling được tham gia đào tạo trên 2 lần để nâng cao nghiệp vụ và kỹ năng.

Với đội ngũ lao động có trình độ chuyên môn cao đã giúp PV Drilling luôn là một đơn vị có năng suất lao động cao trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Số lượt lao động được đào tạo trong 3 năm: 2012, 2013, 2014.



Bình quân số lượt được đào tạo/người của 3 năm 2012, 2013, 2014.



2. Ứng dụng công nghệ và sáng kiến cải tiến hiệu quả lao động:

Năm 2007, PV Drilling là đơn vị đầu tiên trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam triển khai áp dụng ERP Oracle. Đây là phần mềm quản trị tiên tiến nhất ngay cả tại thời điểm hiện tại. Ngoài ra, công tác điều hành giàn khoan liên quan đến các máy móc công nghệ cao tại các xưởng cơ khí trên bờ đều được Tổng Công ty áp dụng các phần mềm tiên tiến nhất. Tổng Công ty cũng đã tự xây dựng các phần mềm phục vụ một số lĩnh vực hoạt động, đặc biệt là phần mềm Maximo áp dụng trong việc quản lý và điều hành hoạt động giàn khoan.

Năm 2012, Tổng Công ty đã đưa vào sử dụng giàn TAD. Đây là giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm đầu tiên ở Việt Nam, được Bộ Khoa học Công nghệ công nhận là giàn khoan ứng dụng công nghệ cao, mở ra một hướng phát triển mới trong lĩnh vực khoan nước sâu.

Năm 2011, Tổng Công ty đã thành lập Hội đồng Khoa học Công nghệ, phát động CBCNV nghiên cứu sáng kiến cải tiến kỹ thuật. Hàng năm Hội đồng KHCN đều tổng kết và tổ chức tôn vinh các cá nhân, tập thể có những nghiên cứu khoa học có ứng dụng mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Số liệu các đề tài, công trình nghiên cứu được công nhận, tôn vinh trong 2 năm gần đây:

	Số lượng đề tài và sáng kiến	2013	2014
1	Sáng kiến cải tiến	1	6
2	Đề tài khoa học	2	7

3. Trình độ quản lý:

PV Drilling là môi trường mở và năng động, thu hút đội ngũ nhân sự chuyên môn cao và nhiều kinh nghiệm từ các công ty đa quốc gia về tham gia và trở thành lực lượng cán bộ chủ chốt có năng lực và nhiệt huyết cống hiến cho sự phát triển của PV Drilling.

Hiện nay, đội ngũ cán bộ quản lý của PV Drilling ở mọi cấp độ đều là những người có trình độ chuyên môn, khả năng quản lý cao và thường xuyên được đào tạo nâng cao khả năng chuyên môn, quản lý và lãnh đạo.

4. Chế độ đãi ngộ:

Một trong những yếu tố góp phần làm tăng năng suất lao động là sự ổn định của nguồn nhân lực tại PV Drilling. Để làm được điều đó, công tác chế độ chính sách đối với người lao động luôn được Tổng Công ty quan tâm nhằm cải thiện đời sống và thu hút lao động có trình độ chuyên môn cao.

Tổng Công ty đã xây dựng Quy trình đánh giá hiệu quả công việc cá nhân, trong đó các cá nhân thiết lập mục tiêu và nhận thưởng dựa trên đánh giá của Tổng Công ty về việc hoàn các mục tiêu nói trên theo từng giai đoạn, từng năm.

Ngoài lương, thưởng, trợ cấp chi trả trực tiếp cho người lao động, các chế độ bảo hiểm khác đều được Tổng Công ty quan tâm và mua cho người lao động, cụ thể:

- Các khoản bảo hiểm bắt buộc: Tổng Công ty thực hiện đầy đủ theo quy định Nhà nước và được mua với mức khá cao;
- Bảo hiểm tai nạn, sinh mạng và sức khỏe cho người lao động và người thân.
- Bảo hiểm giữ gìn tài năng "PVD Talent Retention" dành cho đội ngũ cán bộ chủ chốt, lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao;
- Bảo hiểm hưu trí tự nguyện cho tất cả CBCNV toàn Tổng Công ty./.

Chuyên nghiệp trong quản lý An toàn - Sức khỏe - Môi trường - Chất lượng

Sau 13 năm xây dựng và phát triển, PV Drilling đã hoàn thiện hệ thống quản lý tích hợp về An toàn - Sức khỏe - Môi trường và Chất lượng (HSEQ) trong tất cả các khâu của hoạt động sản xuất, kinh doanh theo các tiêu chuẩn Quốc tế OHSAS 18001, ISO 14001 và ISO 9001 một cách thống nhất từ Tổng Công ty đến các phòng ban, đơn vị trực thuộc.

Bên cạnh đó, hệ thống quản lý HSEQ của PV Drilling ngày càng chuyên nghiệp hóa với những nội dung sau:

1. Liên tục cải tiến hệ thống quản lý HSEQ từ Tổng Công ty tới các đơn vị thành viên

Từ phía Tổng Công ty, Ban An toàn - Chất lượng chịu trách nhiệm thiết lập, ban hành và trực tiếp kiểm tra giám sát việc thực hiện và tuân thủ các chính sách, quy trình của hệ thống HSEQ cũng như tham mưu cho Ban lãnh đạo trong việc giám sát và định hướng phát triển hệ thống góp phần vào sự phát triển bền vững của Tổng Công ty. Tại các đơn vị trực thuộc, phòng An toàn - Chất lượng trực tiếp triển khai những yêu cầu của hệ thống quản lý từ Tổng Công ty cũng như tư vấn, hỗ trợ các phòng, bộ phận sản xuất trong việc thực hiện, kiểm tra giám sát việc tuân thủ và kịp thời phản ánh những vấn đề cần bổ sung, điều chỉnh nhằm đảm bảo hiệu lực và hiệu quả của hệ thống.

Trong năm 2014, PV Drilling vẫn duy trì công tác triển khai hội thảo HSEQ hàng quý với từng chủ đề riêng biệt. Mạng lưới các cán bộ quản lý HSEQ của PV Drilling đã tự phân tích nhu cầu, lập kế hoạch và thực hiện thành công nhiều hội thảo chuyên đề như quy trình kỹ thuật PVD HSE Ops; cải tiến hệ thống HSEQ; giới thiệu các hệ thống quản lý mới; chia sẻ kinh nghiệm quản lý An toàn - Sức Khỏe - Môi trường với các nhà thầu... Tiếp nối những thành công này, dự kiến trong năm 2015 PV Drilling và các nhà thầu PVEP, JVPC, Vietsovpetro, Biển Đông POC... sẽ tổ chức các buổi thảo luận nhằm tăng cường công tác chuyên môn, phối hợp và nâng cao tính hiệu quả của hệ thống quản lý HSEQ cho từng đơn vị.

Cũng từ việc liên tục cải tiến hệ thống quản lý, những tiêu chuẩn riêng mang màu sắc PV Drilling dần được

hình thành và hoàn thiện. Dự kiến trong các năm tiếp theo, những tiêu chuẩn này sẽ được ban hành và áp dụng rộng rãi cho tất cả các đơn vị thành viên.

2. Tìm kiếm đề tài khoa học và ứng dụng công nghệ cao trong SXKD

Từ định hướng chiến lược của Tổng Công ty, các đơn vị đã liên tục tìm kiếm áp dụng kỹ thuật và thiết bị tiên tiến nhất vào sản xuất kinh doanh. Điểm nổi bật của việc áp dụng những công nghệ đó là tính vượt trội về an toàn và độ tin cậy của thiết bị. Điển hình như PVD Well Services đã ứng dụng hệ thống cho phép điều khiển từ xa toàn bộ quá trình kéo thả ống chống từ khâu tiếp cần ống, vận ống và thả cột cần ống vào trong giếng khoan. Điều này có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc loại trừ và giảm thiểu tai nạn ở các khu vực trên tháp khoan.

Bên cạnh các dịch vụ ngoài giàn khoan, các đơn vị trên bờ cũng sử dụng các máy móc công cụ công nghệ cao như các máy CNC, những phần mềm thiết kế 3D... để thiết kế và chế tạo các linh kiện, chi tiết cho khách hàng. Việc áp dụng công nghệ cao đã giúp cho người lao động được làm việc trong môi trường an toàn hơn, sản phẩm đạt chất lượng cao hơn đồng thời nâng cao hình ảnh chuyên nghiệp của các đơn vị.

3. Chủ động tự đào tạo để tư vấn về HSEQ cho các đơn vị

Thông qua việc tuyển dụng các cán bộ có kinh nghiệm từ bên ngoài, Ban An toàn - Chất lượng Tổng Công ty cũng tổ chức các khóa đào tạo nội bộ để tự xây dựng đội ngũ cán bộ HSEQ có năng lực tư vấn cho các đơn vị trong công tác An toàn - Sức Khỏe - Môi trường.

Năm 2014 cũng đánh dấu một bước phát triển mạnh mẽ trong công tác đào tạo khi Tổng Công ty PV Drilling chủ động triển khai và liên kết tổ chức các khóa học về An toàn - Sức Khỏe - Môi trường trực tuyến nhằm đem lại sự thuận tiện nhất cho các CBCNV công tác trên giàn khoan và hạn chế việc di chuyển sang nước ngoài đào tạo. Các khóa học điển hình như JSA, PTW, IMIST... đã được các học viên trong và ngoài

PV Drilling đánh giá tích cực trong việc áp dụng vào công tác sản xuất thực tế.

Bên cạnh việc sử dụng các dịch vụ tư vấn về đo đạc thông số môi trường từ các nhà thầu có chức năng, đầu năm 2014 Tổng Công ty PV Drilling đã trang bị bộ thiết bị đo kiểm các thông số môi trường lao động nhằm tăng cường công tác kiểm tra nội bộ các chỉ số về môi trường lao động được đánh giá có khả năng gây ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động như tiếng ồn, bụi, hàm lượng CO₂, CO và các chất độc khác. Với việc trang bị bộ dụng cụ kiểm tra này, Tổng Công ty PV Drilling sẽ chủ động kiểm tra điều kiện làm việc tại các xưởng sản xuất vào thời điểm các đơn vị có hoạt động bận rộn nhất. Kết quả này tuy không có giá trị pháp lý nhưng là một trong những chỉ số đánh giá hoạt động hệ thống quản lý HSEQ tại các đơn vị thành viên. Mặt khác, từ kết quả giám sát đó, các cán bộ đã được đào tạo của PV Drilling sẵn sàng tư vấn trực tiếp cho các đơn vị trong việc cải tiến hệ thống quản lý và xử lý môi trường khi cần thiết.

PV Drilling đã hoàn thiện Hệ thống quản lý tích hợp về An toàn - Sức khỏe - Môi trường và Chất lượng (HSEQ) trong tất cả các khâu của hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.



4. Liên tục phát huy ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác HSEQ

Xác định được tầm quan trọng và lợi ích của việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong hoạt động sản xuất kinh doanh, PV Drilling đã triển khai ứng dụng CNTT trong nhiều công tác, trong đó đặc biệt chú trọng công tác HSEQ. Các ứng dụng, phần mềm CNTT đã từng bước được triển khai xây dựng và áp dụng trong công tác quản lý An toàn - Sức khỏe - Môi trường tại các đơn vị.

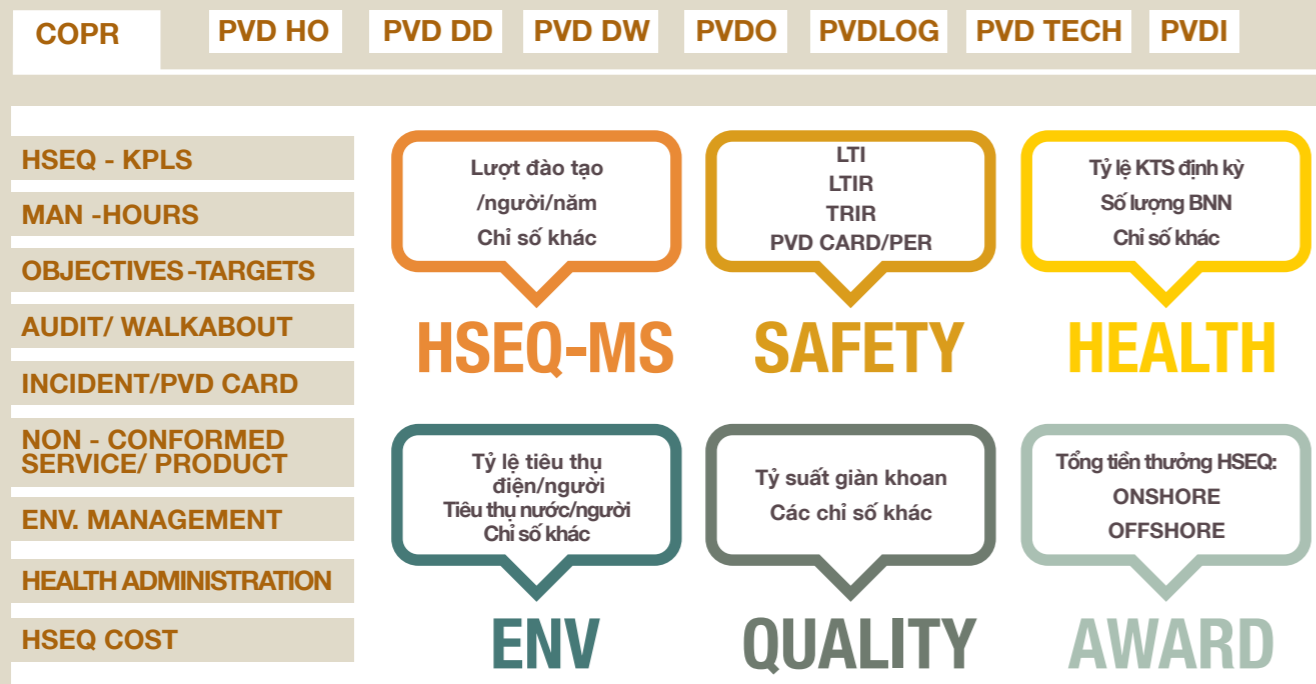
Đối với các giàn khoan, các hoạt động quan trọng như đánh giá rủi ro, điều tra tai nạn sự cố, quản lý thể an toàn... đều đã được ứng dụng CNTT. Đặc biệt là phần mềm quản lý JSA (Job Safety Analysis) là hệ thống phần mềm sử dụng để xây dựng, lưu trữ, tra cứu tìm kiếm JSA và phân công công việc dựa trên các JSA đã được ban hành theo yêu cầu nghiệp vụ quản lý an toàn lao động đang áp dụng tại Tổng Công ty PVDrilling.

Trong hoạt động đào tạo HSE: công tác đào tạo an toàn được quản lý một cách khoa học bằng các quy trình. Ma trận đào tạo HSEQ được xây dựng và áp dụng phần mềm Simple - Soft để quản lý, theo dõi quá trình đào tạo đối với từng cá nhân làm việc trên giàn và thông báo trước 3 tháng khi chứng chỉ đào tạo cần cập nhật mới. Căn cứ trên thông báo này, các bộ phận liên quan sẽ thu xếp và bố trí các khóa đào tạo để đảm bảo các chứng chỉ, chứng nhận luôn đúng hạn định và nhân sự được củng cố kiến thức đầy đủ.

Chuyên nghiệp trong quản lý An toàn - Sức khỏe - Môi trường - Chất lượng (tiếp theo)

Các hoạt động khác: Trong công tác chăm sóc sức khỏe người lao động, phần mềm quản lý y tế đã được xây dựng để hỗ trợ CBCNV theo dõi các thông tin, chỉ số sức khỏe của mình. Bên cạnh đó, để quản lý hệ thống dữ liệu đồ sộ về HSEQ, PV Drilling đã xây dựng cổng thông tin nội bộ HSEQ Database. Đây là nơi lưu trữ và chia sẻ các thông tin, dữ liệu, các quy trình về HSEQ trong toàn PV Drilling cũng như các kết quả kiểm tra giám sát. Hệ thống này dần trở thành một kênh không thể thiếu đối với tất cả các cán bộ quản lý HSEQ của các đơn vị.

Hướng phát triển mới trong công nghệ thông tin nhằm triển khai ứng dụng CNTT trong quản lý hoạt động HSEQ một cách tổng thể và đồng bộ, bắt đầu từ năm 2014, PV Drilling đã và đang triển khai dự án tin học hóa toàn bộ Hệ thống quản lý HSEQ gọi tắt là PV Drilling's HSEQ-MS Portal và dự kiến sẽ hoàn thành vào năm 2016. Đây là giải pháp phần mềm quản lý các hoạt động HSEQ sẽ được áp dụng xuyên suốt trong toàn Tổng Công ty, bao gồm Văn phòng Tổng Công ty và các đơn vị thành viên.



Giao diện PV Drilling's HSEQ MS Portal

PV Drilling's HSEQ-MS Portal bao gồm 3 module chính sau:

Module ACTIVITIES

Bao gồm nhiều sub-module, được phát triển cho từng hoạt động thuộc hệ thống quản lý An toàn - Sức khỏe - Môi trường - Chất lượng, nhằm kiểm soát sự phù hợp và sự tuân thủ của hoạt động đó theo các yêu cầu đã được xác định trước;

Module PERFORMANCE

Hiển thị các chỉ số hoạt động của hệ thống HSEQ, kết quả đánh giá hệ thống quản lý HSEQ tại thời điểm truy cập. Các chỉ số này là kết quả của một loạt những quy trình có liên quan để tính toán và cập nhật vào hệ thống;

Module PROFILE

Bao gồm 3 module có chức năng hỗ trợ cho hoạt động của hệ thống như: Reports - xuất các báo cáo tổng hợp theo từng yêu cầu và chuyên đề; Document Control - kiểm soát tài liệu hệ thống quản lý HSEQ và HSEQ; Archives - thư viện chia sẻ tài liệu HSEQ./.



Ngoài hệ thống thông tin bản tin nội bộ "HSEQ Database", PV Drilling còn ban hành bản tin nội bộ "HSEQ Newsletter" hàng quý, được các nhà thầu và các đơn vị trong ngành đánh giá rất cao, đồng thời sử dụng làm cơ sở để tham khảo, áp dụng cho đơn vị mình.



CHẤT LƯỢNG

Tại PV Drilling, yếu tố “Chất lượng” luôn được quan tâm, chú trọng hàng đầu và đó cũng chính là Sứ mệnh của chúng tôi.



PV DRILLING – TỔNG THẦU CUNG ỨNG GIẢI PHÁP, DỊCH VỤ DẦU KHÍ

Thăm dò và khai thác dầu khí bao gồm các hoạt động liên quan đến tìm kiếm, khai thác và thu hồi dầu thô, khí tự nhiên. Các hoạt động này chủ yếu xoay quanh việc xác định vị trí, độ sâu, thiết kế, thi công, quản lý vận hành các giếng khoan; nhằm mục đích mang lại lợi nhuận tối đa đồng thời vẫn đảm bảo các quy tắc an toàn, cũng như giảm thiểu tối đa các tác động đến môi trường. Những công ty hoạt động trong lĩnh vực này được gọi chung là các công ty dầu khí độc lập (IOCs). Các công ty lớn trên đều được niêm yết và giao dịch trên thị trường chứng khoán quốc tế, thường sở hữu và tiên phong ứng dụng các công nghệ khoan khai thác tiên tiến nhất. Bên cạnh đó là các công ty dầu khí quốc gia dưới sự sở hữu và quản lý của chính phủ. Hầu hết các nguồn dự trữ dầu mỏ trên thế giới được sở hữu bởi các công ty dầu khí quốc gia này.

Hoạt động song song trong lĩnh vực này là một chuỗi các nhà thầu không trực tiếp thi công khoan giếng

nhưng lại cung cấp các dịch vụ đặc thù chuyên biệt, thiết yếu để hoàn thiện, thăm định và duy trì một giếng khoan dầu khí hoặc giếng bơm ép. Lĩnh vực này bao gồm các công ty với nhiều quy mô khác nhau, từ những công ty nhỏ chuyên sâu về các giải pháp công nghệ cao đáp ứng các yêu cầu riêng biệt của giếng khoan, cho đến các tập đoàn đa quốc gia nơi cung cấp các dịch vụ trọn gói. Các công ty này không trực tiếp sản xuất dầu khí và cũng không sở hữu các nguồn dự trữ dầu khí. Tuy nhiên, các công ty này lại đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong sự phát triển và duy trì hiệu quả hoạt động của các công ty dầu khí (OSCs). Thông thường sẽ phải cần đến khoảng từ 25-30 công ty cung cấp dịch vụ, đảm nhận các công việc liên quan đến cơ khí, kĩ thuật cũng như phân tích dữ liệu để đảm bảo việc thi công và hoàn thiện một giếng khoan diễn ra xuyên suốt, hiệu quả.

PV Drilling là một Tổng Công ty chuyên cung cấp các dịch vụ tiên tiến cho công tác thi công khoan và giếng khoan dầu khí từ năm 2002, tiên phong trong việc đầu tư vào lĩnh vực công nghệ cao đối với dịch vụ khoan dầu khí kể cả trên biển lẫn đất liền. Trải qua hơn một thập kỷ hình thành & phát triển, PV Drilling đã từng bước trở thành nhà thầu khoan và cung cấp dịch vụ khoan uy tín hàng đầu trong nước và kể cả khu vực, với chất lượng dịch vụ cao cùng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, giàu kinh nghiệm, đáp ứng tất cả các nhu cầu của khách hàng. PV Drilling và các công ty thành viên luôn tự hào cung cấp các dịch vụ khoan và giếng khoan bao gồm:

- 1** **DỊCH VỤ KHOAN**
Các giàn khoan biển, giàn khoan đất liền và dịch vụ sửa giếng;
- 2** **DỊCH VỤ HỖ TRỢ KHOAN**
Cung cấp thiết bị và dịch vụ kéo thả ống chống, bơm trám xi măng và khoan định hướng;

- 3** **DỊCH VỤ SỬA GIẾNG**
Thông qua các thiết bị electric wireline & slickline, các thiết bị sửa giếng thủy lực;
- 4** **DỊCH VỤ ĐÁNH GIÁ THĂM ĐỊNH GIẾNG**
Đo karota trong khi khoan, đánh giá trữ lượng vỉa và lưu lượng khai thác;
- 5** **DỊCH VỤ THỬ VỈA**
Cung cấp dịch vụ, thiết bị kiểm soát giếng bao gồm: test tree, thiết bị thử vỉa bề mặt gồm nổi hơi, bình tách, các thiết bị đo áp suất, lưu lượng...
- 6** **DỊCH VỤ HOÀN THIỆN GIẾNG VÀ TĂNG SẢN LƯỢNG KHAI THÁC**
Tubing, packer, bơm khí gaslift, bơm điện chìm...
- 7** Các dự án thiết kế, đóng mới/cải tạo, lắp đặt hoàn thiện trên các công trình biển;
- 8** Xưởng cơ khí đa chức năng cung cấp dịch vụ kiểm định, sửa chữa, quản lý cần ống;
- 9** Dịch vụ cung ứng nhân lực, đào tạo an toàn biển và cấp chứng chỉ theo tiêu chuẩn quốc tế.

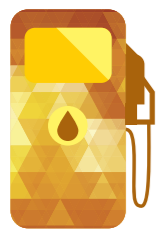
Dịch vụ khoan với 04 giàn khoan tự nâng thế hệ mới, 01 giàn tiếp trợ bán tiềm thủy và 01 giàn khoan đất liền điều khiển VFD, cùng với thế mạnh là đội ngũ nhân lực quản lý vận hành chuyên nghiệp, giàu kinh nghiệm là giá trị kinh doanh cốt lõi của PV Drilling. Sử dụng các công cụ quản lý tiên tiến, ưu việt được tích hợp vào hệ thống quản lý chung như ERP, Oracle,

Maximo CMMS, Simple Soft... đã góp phần đảm bảo công việc quản lý vận hành thông suốt, hiệu quả đồng thời tránh lãng phí trong sản xuất. Trong nhiều năm liền, PV Drilling luôn đạt tiêu chuẩn về an toàn (Zero LTI) trong hoạt động sản xuất kinh doanh, từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ kỹ thuật chuyên nghiệp và mở rộng các loại hình dịch vụ kỹ thuật mới để tham gia vào hầu hết các dự án tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí. PV Drilling luôn tự hào mang đến cho khách hàng các giải pháp công nghệ khoan tiên tiến nhất với giá thành cạnh tranh.

Các công ty thành viên của PV Drilling là những công ty 100% vốn sở hữu hoặc liên doanh, liên kết với đối tác, cung cấp các dịch vụ chuyên biệt, tự chung tạo nên một chuỗi cung ứng tổng thể dịch vụ khoan và kỹ thuật khoan hoàn chỉnh. Bên cạnh đó, PV Drilling luôn chủ động trong việc tìm kiếm cơ hội hợp tác liên doanh với các công ty đa quốc gia, uy tín trong mảng cung cấp dịch vụ dầu khí như Baker Hughes, Marubeni Itochu, Oil States Industries, Expro, BJ Services... Các đối tác chiến lược này đã góp phần đa dạng hóa phạm vi hoạt động của PV Drilling, tạo ra các cơ hội tiếp cận với các công nghệ kỹ thuật tiên tiến nhất, đồng thời mang đến những kinh nghiệm quý báu giúp cho PV Drilling nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ và kinh doanh hiệu quả, từng bước phát triển ra thị trường thế giới.

Trong những năm gần đây, PV Drilling đã và đang mở rộng quy mô công ty với 2.157 nhân viên, 06 công ty thành viên, 07 công ty liên doanh và 02 công ty cổ phần. Tất cả đều góp phần tạo nên một nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của PV Drilling trong tương lai trong việc cung cấp dịch vụ chuyên biệt hoặc giải pháp tổng thể cho kỹ thuật khoan theo yêu cầu của khách hàng./.

Chất lượng dịch vụ theo đánh giá của khách hàng



CHUYÊN NGHIỆP & CHẤT LƯỢNG

"Thể hiện qua sự đánh giá cao của khách hàng trong các dịch vụ PV Drilling cung cấp."

Trong những năm qua, PV Drilling luôn nỗ lực trong việc vận hành đội ngũ giàn khoan và cung cấp các dịch vụ khoan với chất lượng và hiệu suất cao nhất, nhằm đem lại những giá trị gia tăng đáp ứng cao nhu cầu của khách hàng. Lấy khách hàng là trọng tâm trong hoạt động sản xuất kinh doanh, PV Drilling luôn thực hiện việc tìm hiểu nhu cầu thực tế của khách hàng và sử dụng những tiêu chí của khách hàng làm tiêu chuẩn phấn đấu và không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ. PV Drilling đã tích cực thu thập phản hồi của khách hàng sau mỗi hợp đồng cung cấp dịch vụ, lắng nghe những đóng góp quý báu từ những bộ phận giám sát trực tiếp của phía khách hàng đối với quá trình triển khai dịch vụ, qua đó phát hiện những bất cập để kịp thời khắc phục và hạn chế đến mức thấp nhất những thiệt hại cho khách hàng.

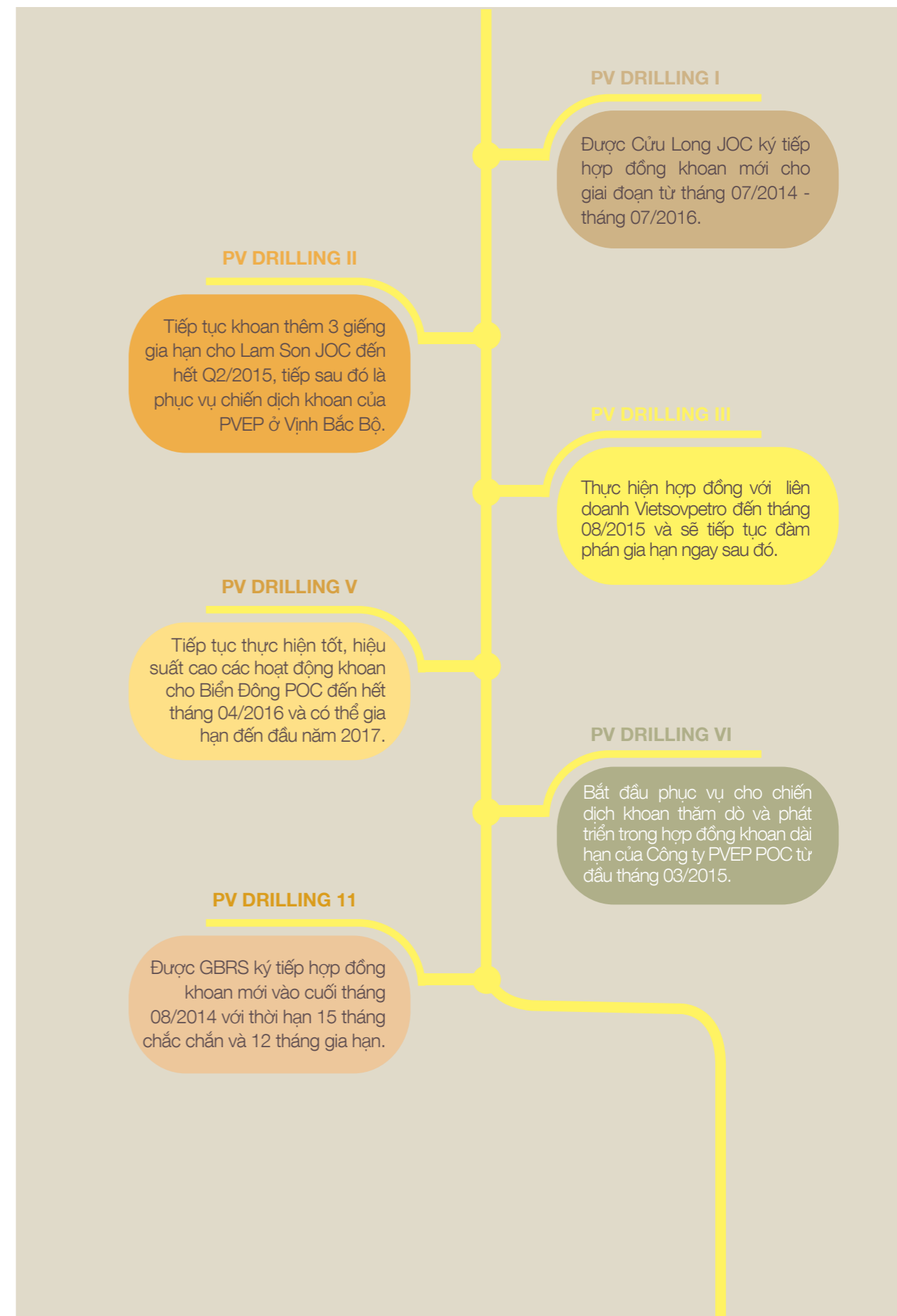
Trong năm 2014, PV Drilling đã hoàn thành nhiều chiến dịch khoan cho khách hàng như Cửu Long JOC, Lam Sơn JOC, Vietsovpetro, GBRS (Algeria) và 100% các giàn khoan do PV Drilling sở hữu đều được khách hàng tin tưởng đánh giá cao về mặt hiệu suất vận hành và vấn đề An toàn - Sức khỏe - Môi trường (HSE), nhờ đó, đội ngũ giàn khoan này đều đã được gia hạn hợp đồng. Cụ thể như giàn PV DRILLING I được Cửu Long JOC ký tiếp hợp đồng khoan mới cho giai đoạn từ 07/2014 - 07/2016, giàn khoan PV DRILLING II tiếp tục khoan thêm 3 giếng gia hạn cho Lam Sơn JOC đến hết Q2/2015, tiếp sau đó là phục vụ chiến dịch khoan của PVEP ở Vịnh Bắc Bộ; giàn khoan PV DRILLING III cũng tiếp tục gia hạn hợp đồng với Liên doanh Vietsovpetro tới tháng 08/2015 và sẽ tiếp tục đàm phán gia hạn ngay sau đó. Giàn PV DRILLING V tiếp tục thực hiện tốt, hiệu suất cao các hoạt động khoan cho Biển Đông POC. Tại Algeria, giàn khoan PV DRILLING 11 được GBRS ký tiếp hợp đồng khoan mới vào cuối tháng 08/2014 với thời hạn 15

tháng chắc chắn và 12 tháng gia hạn. Đặc biệt, tất cả các giàn khoan biển trong năm qua đều tiếp tục được Hiệp hội các nhà thầu khoan quốc tế (IADC) chứng nhận vận hành không xảy ra tai nạn gây mất thời gian lao động (Zero LTI). Đây là một trong những chỉ số quan trọng nhất mà khách hàng của PV Drilling luôn quan tâm và đánh giá cao khi sử dụng dịch vụ của PV Drilling.

Bên cạnh đó, đối với các dịch vụ giếng khoan kỹ thuật cao của PV Drilling, sự tin tưởng và ủng hộ của khách hàng được thể hiện ở tốc độ tăng trưởng ấn tượng của các dịch vụ này trong năm 2014, tiêu biểu như các dịch vụ Mudlogging tăng trưởng 57%, MPD tăng 91%. Kết quả này đã thể hiện được những nỗ lực trong việc cải tiến chất lượng cung cấp dịch vụ, tinh gọn quy trình xử lý và giảm giá thành dịch vụ của PV Drilling trong suốt những năm qua. Sự ủng hộ, tin tưởng của khách hàng vào dịch vụ của PV Drilling cung cấp chính là một trong những lợi thế cạnh tranh của PV Drilling trong bối cảnh thị trường dịch vụ đang có sự cạnh tranh gay gắt khi các công ty dịch vụ lớn trên thế giới ngày càng tập trung hơn vào thị trường Việt Nam và khu vực Đông Nam Á.

Trong năm 2014, PV Drilling đã áp dụng chương trình đánh giá độc lập của Energy Point Research nhằm đo lường chỉ số mức độ hài lòng của khách hàng đối với dịch vụ do PV Drilling cung cấp. Với điểm xếp hạng trung bình đạt được là 7,75/10 (so sánh với các công ty cùng lĩnh vực hoạt động), đây là kết quả rất đáng khích lệ cho thấy mức độ tương đối tốt theo cách nhìn của khách hàng, đặc biệt ở khía cạnh chất lượng công việc, hiệu suất hoạt động, mức độ an toàn và môi trường.

Một cách tổng quan, "**Chuyên nghiệp và Chất Lượng**" chính là đánh giá và công nhận thường xuyên của khách hàng đối với các dịch vụ của PV Drilling trong thời gian qua./.



Quản lý vận hành an toàn giàn khoan

Với tầm nhìn chiến lược đưa hoạt động cốt lõi là cung cấp và vận hành giàn khoan dầu khí ra thị trường quốc tế, PV Drilling đã luôn chú trọng đặt các mục tiêu về hiệu suất hoạt động các giàn khoan biển trên 98% và không để xảy ra tai nạn gây mất thời gian lao động (LTI=0) bằng cách thiết lập, kiểm soát và phát triển hợp lý các nguồn lực nhằm đảm bảo an toàn cho con người, tài sản và bảo vệ môi trường.



Hệ Thống Quản lý An toàn, Sức khỏe, Môi trường & Chất lượng (HSEQ)

Công tác HSEQ luôn là mối quan tâm hàng đầu của Ban lãnh đạo

PV Drilling. Trước khi bắt đầu các hoạt động sản xuất, Ban lãnh đạo PV Drilling đã xác định phải xây dựng hệ thống HSEQ để đảm bảo tính an toàn hiệu quả cho quá trình hoạt động này. Với định hướng trên, hệ thống HSEQ đã được xây dựng và được kiểm tra định kỳ hàng năm để hoàn thiện và phù hợp với điều kiện hiện tại. Trong suốt quá trình vận hành, hệ thống HSEQ cho công tác vận hành giàn chính là bộ khung cho doanh nghiệp, giúp định hướng việc nâng cao hiệu suất an toàn, hiệu quả lao động, tuân theo luật pháp hiện hành cho cả hoạt động trong bờ lẫn ngoài khơi. Hệ thống HSEQ của PV Drilling gồm nhiều lĩnh vực chức năng

thiết yếu từ tiêu chuẩn, quy trình, hướng dẫn, luật định, quy tắc cho kiểm soát rủi ro về an toàn, chất lượng và môi trường. Các lĩnh vực này được áp dụng từ chính sách công ty, quản trị, phát triển và đào tạo nhân sự, thương mại... đến các quy trình ngoài khơi như: khoan và kiểm soát giếng, bảo trì, bảo dưỡng, hướng dẫn an toàn, hàng hải, ứng phó sự cố và tình huống khẩn cấp... Các tài liệu này được trao đổi và phổ biến đến tất cả nhân viên, mọi người đều có thể dễ dàng truy cập vào kho dữ liệu điện tử tham khảo và tìm kiếm sự hướng dẫn. Mục tiêu của PV Drilling là tiến đến phát triển hệ thống quản lý hiệu quả và rõ ràng, trong đó, vai trò của mỗi cá nhân và tập thể, mối

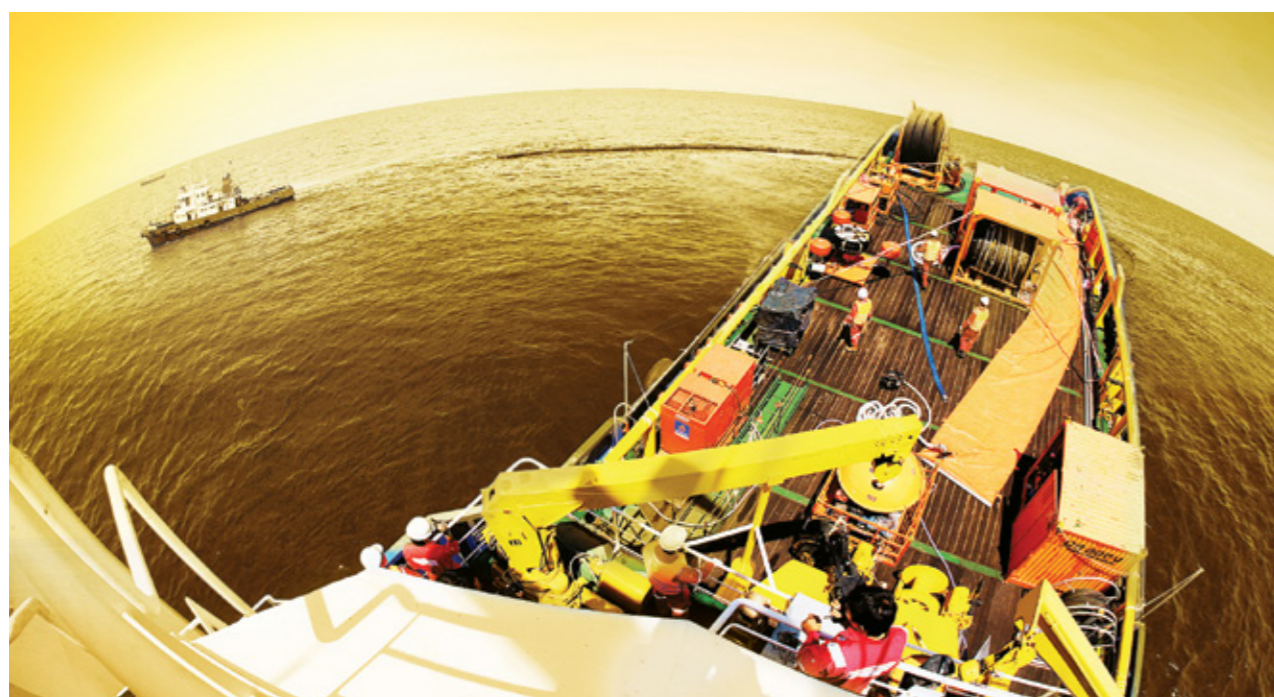
quan hệ giữa các chức danh trong hệ thống được định nghĩa rõ ràng. Bên cạnh đó, Hệ thống HSEQ được bảo đảm vận hành với các cam kết mạnh mẽ từ Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và sự chuyên nghiệp trong quản lý cũng là các nhân tố thiết yếu giúp duy trì hệ thống quản lý HSEQ một cách bền vững mang đến giá trị cao trong chất lượng dịch vụ và đảm bảo an toàn cho con người cũng như môi trường.

Hệ thống quản lý HSEQ của PV Drilling cho hoạt động khoan là một hệ thống tích hợp tương thích và tuân thủ các yêu cầu của OHSAS 18001:2007, về các tiêu chuẩn hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe lao động, ISO 9001:2008 về các tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất

lượng và ISO 14001:2008 về các tiêu chuẩn hệ thống quản lý môi trường. Các hệ thống này được xem xét định kỳ và được tổ chức Det Norske Veritas (DNV) cấp giấy chứng nhận.

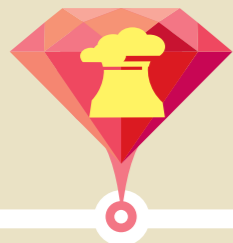
Trên thế giới, ngành công nghiệp khoan và khai thác dầu khí trải dài khắp nơi, là ngành công nghiệp phải đối mặt với môi trường làm việc khác nhau, với mức độ nguy hiểm thuộc hàng cao nhất, các công ty phải tuân thủ nghiêm khắc các quy định các nước sở tại và quy trình hoạt động khoan và khai thác. Các nhà thầu khoan và các công ty dầu đều nhận thấy lợi ích của việc công nhận và chia sẻ các phương thức nhất quán, hài hòa trong việc đưa ra các cam kết về quản lý an toàn. "IADC HSE Case" – là

một trong các yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn được soạn ra bởi chính chủ sở hữu/công ty trực tiếp vận hành, tham khảo trên các tiêu chí của "Hiệp hội các nhà thầu khoan quốc tế - IADC", bổ sung cho phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành ở nước sở tại và quốc tế để áp dụng trên các giàn khoan do PV Drilling đang quản lý. PV Drilling tự hào là nhà thầu khoan Việt Nam đầu tiên xây dựng Safety Case áp dụng cho toàn bộ hoạt động các giàn khoan của Tổng Công ty. Phần áp dụng cho khoan nước sâu đã đi vào ứng dụng từ năm 2012 và sau đó Safety Case đã được xây dựng áp dụng lần lượt cho các giàn khoan tự nâng trong năm 2013.



Hệ thống HSEQ cho công tác vận hành giàn khoan chính là bộ khung cho doanh nghiệp, giúp định hướng việc nâng cao hiệu suất an toàn và hiệu quả lao động.

Quản lý vận hành an toàn giàn khoan (tiếp theo)

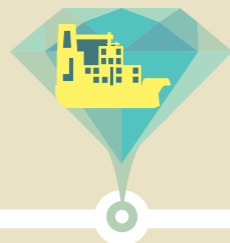


Hệ thống HSEQ cho các giàn khoan biển được rà soát và cập nhật hàng năm, căn cứ trên sự thay đổi chung của ngành công nghiệp dầu khí thế giới cũng như các thay đổi của ngành dầu khí bản địa. PV Drilling luôn cập nhật và đưa vào sử dụng các thiết bị an toàn mới với tính năng bảo vệ con người cao hơn. Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo luôn khuyến khích người lao động đưa ra các sáng kiến kỹ thuật áp dụng trong hoạt động sản xuất cũng như trong công tác an toàn. Các công trình nghiên cứu vận dụng kỹ thuật công nghệ trong công tác quản lý an toàn đã triển khai thành công với 2 dự án: tin học hóa hệ thống quản lý dữ liệu và hệ thống quản lý JSA. Các hệ thống này giúp người lao động dễ dàng truy cập các tài liệu HSEQ khi cần thiết, riêng hệ thống quản lý JSA được xem là bước đột phá cao khi có thể kiểm soát nghiêm ngặt các bước an toàn cho từng công việc.



Cam kết bảo vệ môi trường

Cùng với việc nâng cao chất lượng dịch vụ và đảm bảo an toàn cho con người, công tác bảo vệ môi trường luôn được Tổng Công ty quan tâm, hướng đến xu hướng phát triển bền vững. Việc áp dụng tiêu chuẩn ISO 14001 là một cam kết rõ nhất cho công tác này. Tất cả các thiết bị bảo vệ môi trường trên các giàn khoan của PV Drilling được trang bị theo đúng các tiêu chuẩn quốc tế.



Các chỉ số xả thải và đo môi trường được thực hiện định kỳ với sự giám sát của cơ quan chức năng về các chỉ số xả thải cho phép, thực hiện tốt việc quản lý chất thải độc hại, định kỳ theo dõi và kiểm soát các yếu tố có thể gây ra tác động môi trường.

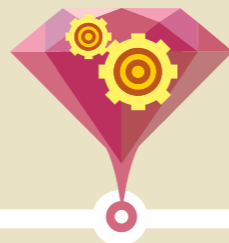
Công tác quản lý vận hành an toàn các giàn khoan đã đạt được thành công nhất định, có thể nói đó là sự kết hợp của các yếu tố: an toàn tài sản, an toàn con người, bảo vệ môi trường mà PV Drilling đã và đang hướng đến.



Quản lý tài sản

Ngày nay doanh nghiệp hoạt động trong môi trường pháp lý ngày càng chặt chẽ, môi trường kinh doanh ngày càng có nhiều cạnh tranh dẫn đến các rủi ro liên quan đến tài sản càng nhiều. Do vậy kiểm soát và quản lý tài sản thông qua quản trị rủi ro và cơ hội nhằm tạo giá trị cân bằng giữa chi phí, rủi ro và hiệu quả sử dụng tài sản là yếu tố quan trọng đối với mọi doanh nghiệp.

Khái niệm quản lý tài sản hiện nay được mở rộng hơn không chỉ đối với các tài sản hữu hình mà còn tính đến cả các tài sản có giá trị vô hình như thương hiệu, uy tín của doanh nghiệp, vị thế của doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh.



Lợi ích mang lại từ việc quản lý tài sản hiệu quả không chỉ đem lại các giá trị tài chính của doanh nghiệp mà còn hỗ trợ đưa ra các quyết định đúng đắn cho việc ra quyết định đầu tư, giảm các tổn thất tài chính, cải tiến hệ thống quản lý an toàn, giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường và xã hội. Bên cạnh đó các dịch vụ cũng được cải tiến dẫn đến kết quả đầu ra đáp ứng được hoặc vượt mong đợi của khách hàng và các bên quan tâm.

Tài sản hữu hình gắn liền với dịch vụ cốt lõi của PV Drilling là các giàn khoan, bao gồm các giàn khoan biển và giàn khoan đất liền cùng các thiết bị đi cùng với giàn. Năm 2007, PV Drilling đã ứng dụng phần mềm CMMS Maximo trong công tác quản lý tài sản, mua sắm và quản lý kho. Các chương trình bảo dưỡng định kỳ được lên kế hoạch, lập trình thông qua các module trong hệ thống Maximo, vốn được nghiên cứu và xây dựng dựa trên các đề xuất từ nhà sản xuất thiết bị gốc (OEM) và kinh nghiệm vận hành thực tế.

PV Drilling đã nghiên cứu và áp dụng "**Bảo dưỡng dựa trên độ tin cậy tập trung**" RCM (Reliability Centered Maintenance) cho phép tiếp cận tốt hơn về khái niệm bảo dưỡng phòng ngừa (Preventive Maintenance). Chương trình RCM sử dụng chính các thông số thiết bị vận hành giàn để đáp ứng mục tiêu quản lý tốt tài sản, an toàn, tăng tuổi thọ thiết bị đồng thời đảm bảo thiết bị hoạt động hiệu quả hơn, tiết



kiệm chi phí. Mục tiêu của RCM là xác định điểm giới hạn, rủi ro của hệ thống từ đó xác định cách thức, kỹ thuật để hạn chế các rủi ro này, và các tác động của rủi ro khi xảy ra, nếu có.

Luôn đi đầu trong việc áp dụng các kỹ thuật mới và phương thức quản lý hiện đại, tiêu chuẩn ISO 55001 đã được Ban lãnh đạo PV Drilling lựa chọn và xây dựng lộ trình áp dụng cho việc quản lý tài sản trong năm 2015 cho các tài sản hữu hình là các giàn khoan đất liền và giàn khoan biển. Chương trình được sự tư vấn của công ty Ausenco Rylson và Viện tiêu chuẩn Anh (BSI).

Việc áp dụng thành công tiêu chuẩn ISO 55001 sẽ đem lại các lợi ích thiết thực, biến các mục tiêu chiến lược của PVD Drilling thành các quyết định, kế hoạch và hoạt động liên quan đến tài sản, cải tiến hiệu suất và hiệu quả các dịch vụ, nâng cao uy tín và cải tiến tính bền vững của doanh nghiệp qua đó đem lại các giá trị gia tăng cho khách hàng.



Đào tạo và Phát triển nguồn nhân lực khoan

Một trong những triết lý kinh doanh quan trọng hàng đầu của PV Drilling là phát triển nguồn nhân lực và xem con người là tài sản quan trọng nhất, là trọng tâm trong các chiến lược phát triển của Tổng Công ty. Xuất phát từ triết lý này, ngay từ những ngày đầu



thành lập cho đến khi lần lượt đưa các giàn khoan vào hoạt động, công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực luôn được ưu tiên phát triển song song với các hoạt động phát triển sản xuất kinh doanh. Là đơn vị hoạt động trong môi trường kinh doanh có tính quốc tế hóa cao, mục đích phát triển nguồn nhân lực của Tổng Công ty ngoài việc phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh đạt kết quả cao, còn phục vụ cho công cuộc xây dựng và phát triển hệ thống quản trị, nhằm một mặt cung cấp dịch vụ tiêu chuẩn quốc tế, mặt khác tạo tiền đề cho phát triển bền vững và nâng cao lợi thế cạnh tranh của PV Drilling trong tương lai.

Để công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực được thực hiện một cách có hệ thống và hiệu quả, cho đến đầu năm 2014, PV Drilling đã hoàn thành và đưa vào ứng dụng Hệ thống phát triển nguồn nhân lực giàn khoan, bước đầu đạt kết quả rất tốt. Đây là một hệ thống đào tạo phát triển nguồn nhân lực tiên tiến, được xây dựng bằng sự kết hợp giữa các chương trình đào tạo phổ biến như Chương trình phát triển nhân lực kế cận (Succession Planning), Chương trình đào tạo On-the-Job (CBT), Chương trình đánh giá hiệu quả công việc (Performance Appraisal) thành một hệ thống tổng thể. Mục đích của hệ thống này là nhằm liên tục đào tạo và phát triển nguồn nhân lực giàn



khoan, tạo ra nguồn nhân lực có năng lực một cách có hệ thống ở bất kỳ khu vực, quốc gia nào mà giàn khoan hoạt động, góp phần tạo sự ổn định trong hoạt động của các giàn khoan, giảm thiểu các sự cố, rủi ro có liên quan đến yếu tố con người, theo đó góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng sức cạnh tranh của PV Drilling trên thị trường.

Ngoài công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực giàn khoan, năm 2014, PV Drilling cũng đã bắt đầu triển khai xây dựng và hiện đang hoàn thiện chương trình đào tạo và phát triển nguồn nhân lực quản lý và điều hành giàn khoan. Chương trình đào tạo này được thiết kế nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo nguồn nhân lực quản lý và vận hành giàn khoan, hệ thống hóa từ các chức danh thấp đến các chức danh cao. Việc ứng dụng chương trình đào tạo này sẽ khắc phục được các khoảng trống về năng lực thường thấy ở đội ngũ nhân sự, đồng thời giúp nhân sự định hướng được quá trình phát triển của bản thân trước các đòi hỏi của công việc. Cùng với sự tăng lên về số lượng giàn khoan cũng như nhu cầu mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, đây sẽ tiếp tục là trọng tâm ưu tiên phát triển của Tổng Công ty trong năm 2015 cũng như các năm tới./.



Kiểm soát chất lượng tại các đơn vị

Tại Xí nghiệp Điều hành khoan:

Với dịch vụ chính là cung cấp và vận hành các giàn khoan biển, giàn khoan đất liền PV Drilling xác định rõ tầm nhìn và sứ mệnh của mình đối với dịch vụ cốt lõi của doanh nghiệp.

Hoạt động kiểm soát chất lượng tại Xí nghiệp Điều hành Khoan (XNĐHK) vận hành trong khuôn khổ Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 được tổ chức DNV chứng nhận và định kỳ được đánh giá nhằm đảm bảo sự tuân thủ các yêu cầu của tiêu chuẩn.

XNĐHK hướng tới hệ thống quản lý chất lượng toàn diện nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ cao nhất cho khách hàng, chính sách chất lượng được truyền đạt và thấu hiểu không chỉ ở các đơn vị sản xuất cung cấp dịch vụ trực tiếp tại các giàn khoan biển và đất liền mà còn có tính thống nhất trong toàn Xí nghiệp.

Với mục tiêu quản lý chất lượng dịch vụ gắn liền với sứ mệnh của mình, XNĐHK đặt ưu tiên hàng đầu là đáp ứng cao các yêu cầu của khách hàng trong công tác cung cấp dịch vụ giàn khoan. Mỗi giàn khoan với từng chiến dịch khoan cụ thể luôn được thiết lập các chỉ số đo lường KPI làm thước đo cho việc đánh giá chất lượng cung cấp dịch vụ. Việc thăm dò ý kiến khách hàng được tiến hành định kỳ nhằm đánh giá mức độ hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ từ đó đưa ra các điều chỉnh kịp thời đáp ứng các mong đợi ngày càng cao của khách hàng.

Để đảm bảo chất lượng hàng hóa là vật tư, thiết bị đầu vào phục vụ cho hoạt động giàn khoan, ngay từ những ngày đầu XNĐHK đã nghiên cứu và áp dụng thành công hệ thống quản trị hàng tồn kho với chương trình Maximo nhằm tối ưu hóa nguồn lực, đảm bảo đầy đủ vật tư thiết bị phục vụ cho giàn khoan thông qua việc thiết lập chế độ Min-max đối với từng loại vật tư, thiết bị.

Các thông số về thiết bị, vật tư được chuẩn hóa trong hệ thống giúp việc đặt hàng luôn chính xác. Định kỳ hàng năm các nhà cung cấp được đánh

giá lại dựa trên những tiêu chí cụ thể về chất lượng nhằm duy trì danh sách nhà cung cấp đáng tin cậy. Các thông tin về công nghệ, xu hướng của thị trường vật tư thiết bị cho ngành khoan được cập nhật kịp thời.

Nhiệm vụ quan trọng được ưu tiên hàng đầu khi tiến hành mỗi chiến dịch khoan là phải xác định chính xác các yêu cầu của khách hàng đối với dịch vụ cung cấp giàn khoan nói chung và cụ thể cho từng cụm thiết bị vật tư nói riêng. Công tác này được kiểm soát chặt chẽ trong từng quá trình cung cấp dịch vụ.

Bộ phận kiểm soát và đảm bảo chất lượng (QA/QC) thu thập các thông tin cần thiết nhằm đo lường phân tích các dữ liệu và đưa ra kế hoạch cụ thể nhằm đảm bảo chất lượng hàng hóa, thiết bị vật tư luôn trong tình trạng tốt, đáp ứng các yêu cầu vận hành trước khi vận chuyển ra giàn. Các hoạt động kiểm tra (inspection), đánh giá (audit) được tiến hành thường xuyên theo kế hoạch và có sự chứng kiến của khách hàng.

Việc phát triển con người nhằm đảm bảo nguồn lực luôn sẵn sàng để vận hành hệ thống quản lý chất lượng cũng được quan tâm kịp thời qua các hình thức đào tạo nội bộ, đào tạo bên ngoài. Kiểm soát viên về chất lượng (QA/QC) có đủ kiến thức cần thiết để tiến hành giám sát, kiểm tra khi cần thiết.

Cải tiến chất lượng dịch vụ luôn được tập thể Ban lãnh đạo XNĐHK xác định là hoạt động sống còn cho việc cam kết cung cấp dịch vụ với chất lượng ngày càng cao tới khách hàng. Các hoạt động cải tiến, các sáng chế, các đề tài nghiên cứu khoa học được khuyến khích và được ưu tiên sử dụng Quỹ Khoa học Công nghệ để phát triển.

Những nguồn lực và động lực cần thiết trên là cơ sở để XNĐHK cam kết về chất lượng dịch vụ của mình và là cơ sở để khẳng định vị thế của PV Drilling trên thị trường khoan trong nước và khu vực.

Tại PVD Offshore:

1. Quản lý chất lượng Dịch vụ Cung ứng Nhân lực khoan

Để đảm bảo chất lượng Dịch vụ Cung ứng Nhân lực khoan, Công ty đã áp dụng các biện pháp:

- Qua nhu cầu của khách hàng, Công ty đã xây dựng hệ thống quy trình đào tạo, phát triển nhân lực và các tiêu chuẩn của từng chức danh cung cấp. Lộ trình đào tạo và phát triển nhân sự luôn được theo dõi và đánh giá định kỳ nhằm đảm bảo nhân sự đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của khách hàng trước khi chuyển giao;
- Qua việc phản hồi bằng văn bản của khách hàng, các báo cáo định kỳ từ các giàn khoan và các cuộc họp định kỳ với khách hàng. Đối với nhân sự chưa đạt được kỳ vọng của khách hàng, Công ty lập tức tổ chức các buổi họp rút kinh nghiệm, triển khai các biện pháp khắc phục và tái đánh giá kết quả thực hiện. Định kỳ, Công ty gửi các phiếu khảo sát năng lực công tác (Performance Appraisal) của từng nhân sự mà mình cung cấp đến khách hàng, qua đó thu thập được những thông tin quan trọng về tình trạng chất lượng dịch vụ Công ty đang cung cấp, từ đó có thể kịp thời điều chỉnh, cải tiến.
- Qua tổ chức thăm dò và đánh giá sự hài lòng của các khách hàng mà Công ty cung cấp dịch vụ và kịp thời điều chỉnh khi có những chỉ số, yếu tố chưa đạt kỳ vọng.

2. Quản lý chất lượng Dịch vụ Kiểm định, Sửa chữa, Bảo dưỡng và Chế tạo các thiết bị dầu khí

Công việc quản lý, giám sát chất lượng tại Xưởng cơ khí được diễn ra liên tục trong tất cả các hoạt động, cụ thể như sau:

- Giám sát toàn bộ quá trình sản xuất (kiểm định, tiện, hàn....) dựa trên các yêu cầu

của các quy trình, các tiêu chuẩn kỹ thuật mà Công ty đang áp dụng hoặc các yêu cầu của khách hàng. Hàng ngày, Tổ QA/QC thực hiện công tác kiểm tra bốc mẫu tối thiểu 10% sản phẩm hoàn thiện nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm và lưu lại bằng chứng thực hiện. Công tác này đã giúp Công ty hạn chế tối đa việc bỏ sót, chuyển giao các sản phẩm lỗi, kém chất lượng cho khách hàng. Sản phẩm lỗi sẽ được Phòng Kỹ thuật An toàn Chất lượng tiến hành điều tra nguyên nhân rút ra bài học kinh nghiệm thực tiễn để tránh lặp lại sai sót. Các báo cáo hoàn thành công việc còn lại chưa được giám sát, kiểm tra trực tiếp của Tổ QA/QC đều phải được thu về Tổ để kiểm tra và đảm bảo tính chính xác trước khi chuyển giao qua các công đoạn tiếp theo. Nhờ quá trình giám sát và kiểm tra chặt chẽ này mà nhiều năm qua, Công ty luôn được các khách hàng, các tổ chức đánh giá chứng nhận như DNV, API, các Licensor ghi nhận và đánh giá cao.

- Công tác kiểm tra vật tư, nguyên liệu đầu vào cũng được giám sát một cách chặt chẽ nhằm đảm bảo đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về kỹ thuật và chất lượng phục vụ sản xuất.
- Đối với công tác bảo trì bảo dưỡng máy móc thiết bị Công ty áp dụng các phần mềm quản lý máy móc, trang thiết bị tiên





Kiểm soát chất lượng tại các đơn vị (tiếp theo)

tiến nhất đã giúp hạn chế tối đa các lỗi sơ suất thời hạn bảo dưỡng và hiệu chuẩn định kỳ, chủ động trong khâu bảo dưỡng, hiệu chuẩn qua đó đảm bảo tính chính xác, đồng đều của từng sản phẩm mà Công ty cung cấp.

- Đặc thù của ngành công nghiệp nặng với yêu cầu sử dụng hàm lượng công nghệ cao, các tiêu chuẩn áp dụng để sản xuất vì vậy luôn được cập nhật và nâng cấp. Việc cập nhật các tiêu chuẩn, tài liệu mới có liên quan đến chất lượng dịch vụ vào hệ thống các quy trình, hướng dẫn, chỉ dẫn của Công ty cũng là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm đảm bảo duy trì và cải tiến chất lượng. Đội ngũ giám sát chất lượng của Công ty thường xuyên cập nhật lộ trình xây dựng các tiêu chuẩn mà Công ty đang áp dụng, qua đó kịp thời chủ động điều chỉnh các quy trình sao cho phù hợp với xu thế của ngành, của các khách hàng, đặc biệt là các công ty dầu khí nước ngoài với các yêu cầu hết sức khắt khe về quy trình, tiêu chuẩn áp dụng.

3. Quản lý chất lượng Dịch vụ Ứng cứu Sự cố Tràn dầu:

Dịch vụ Ứng cứu Sự cố Tràn dầu là dịch vụ truyền thống PVD Offshore đã cung cấp trong nhiều năm qua. Trải qua nhiều năm xây dựng và phát triển hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001, chất lượng dịch vụ của Công ty luôn được khách hàng trong và ngoài nước nhìn nhận và đánh giá cao. Một trong những yếu tố then chốt làm nên thành công của dịch vụ này là công tác quản lý và giám sát chất lượng được triển khai đến tận người sử dụng. Công tác kiểm soát chất lượng cụ thể như sau:

- Theo dõi chất lượng dịch vụ ứng cứu sự cố tràn dầu thông qua các phản hồi bằng văn bản của khách hàng, các báo cáo định kỳ từ các giàn khoan hoặc từ các cuộc họp định kỳ với khách hàng;

- Định kỳ tổ chức thăm dò và đánh giá sự hài lòng của các khách hàng và kịp thời điều chỉnh khi có những chỉ số, yếu tố chưa đạt được sự mong đợi của khách hàng;
- Thu thập ý kiến đánh giá của khách hàng qua từng chuyến trực ứng cứu. Các ý kiến đánh giá của khách hàng đều được thu thập và thống kê đầy đủ qua đó có thể điều chỉnh và thiết lập mục tiêu cải tiến để nâng cấp chất lượng dịch vụ của Công ty;
- Thực hiện nghiêm túc theo quy trình bảo trì bảo dưỡng của Công ty, các trang thiết bị ứng cứu sự cố tràn dầu luôn được duy trì trạng thái sẵn sàng, hồ sơ bảo trì, bảo dưỡng cho từng máy móc, thiết bị luôn được lưu trữ và sẵn sàng truy xuất khi cần. Thực tế cho thấy Công ty đã triển khai ứng cứu thành công nhiều sự cố tràn dầu, hóa chất cho khách hàng nhưng chưa từng để xảy ra sự cố về hỏng hóc máy móc, trang thiết bị ứng cứu sự cố.



Tại PV Drilling, chất lượng dịch vụ luôn được kiểm soát chặt chẽ và thực hiện đồng bộ trong tất cả các khâu của chuỗi dịch vụ cung ứng.

Tại Vietubes:

Vietubes tự xây dựng thành công và nhận chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng quốc tế ISO 9000 từ năm 1997, tự hào là một trong mười công ty đầu tiên tại Việt Nam đạt chứng chỉ này và duy trì hiệu quả trong những năm vừa qua. Mọi hoạt động của Công ty đều tuân thủ các quy trình chuẩn (SOP) của Vietubes và đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn quốc tế. Tất cả các nguyên vật liệu đầu vào đều được kiểm soát nguồn gốc với tiêu chuẩn nghiêm ngặt và sản phẩm gia công đều được kiểm soát theo đúng quy trình trong suốt quá trình sản xuất và được bộ phận QA kiểm soát lần cuối cùng trước khi xuất cho khách hàng... Trong gần 20 năm qua, mỗi năm Vietubes gia công, chế tạo phụ kiện và sửa chữa từ 10.000 - 20.000 tấn sản phẩm cho khách hàng, các sản phẩm của Vietubes luôn được đảm bảo về chất lượng, độ an toàn được các khách hàng tin cậy cao.



Tại PVD Logging:

PVD Logging luôn xem việc kiểm soát chất lượng dịch vụ là yếu tố sống còn trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty quản lý chất lượng từ đầu vào là con người và thiết bị cho đến đầu ra thông qua công tác đánh giá chất lượng dịch vụ của khách hàng theo định kỳ hàng tháng. Ngoài ra, chất lượng cung ứng vật tư, thiết bị và các dịch vụ của các nhà cung cấp cũng là mối quan tâm hàng đầu của Công ty.

- Sử dụng phần mềm quản lý bảo dưỡng thiết bị cho 2 dịch vụ đo karota khí, kéo thả thiết bị và đo karota khai thác; thay đổi tư duy từ sửa chữa bị động sang bảo trì chủ động phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ. Đây là yếu tố quan trọng hạn chế sự cố trong vận hành, đảm bảo hoạt động ổn định, an toàn và hiệu quả;
- Áp dụng chương trình quản lý dự phòng vật tư, thiết bị thay thế tối thiểu (Optimise Spare System); chủ động trong hoạt động mua sắm thiết bị, vật tư thay thế, tiết kiệm chi phí hàng tồn kho, đồng thời đảm bảo đủ thiết bị vật tư cho hoạt động sản xuất an toàn, giảm thiểu thời gian chờ khi có sự cố hư hỏng cần thay thế;
- Duy trì đánh giá nội bộ 2 lần trong năm một cách nghiêm túc, đảm bảo các phòng ban hoạt động theo đúng quy trình quy chuẩn theo tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 9001;
- Đào tạo nội bộ theo hướng in-house và on-job do các cán bộ có bề dày kinh nghiệm từ 10 - 20 năm trong ngành thực hiện. Quá trình đào tạo được theo dõi, ghi nhận trong hệ thống phát triển kiến thức, kỹ năng của các kỹ sư hoạt động trên các giàn khoan biển, đảm bảo các nhân sự hoạt động trên giàn đủ sức đáp ứng các yêu cầu khắt khe nhất của khách hàng.
- Thiết lập mối quan hệ cơ hữu với nhà cung cấp có uy tín trong và ngoài nước để chủ động trong công tác cung ứng vật tư và

Kiểm soát chất lượng tại các đơn vị (tiếp theo)

Tại PVD Deepwater:

bảo dưỡng các thiết bị, các trạm hoạt động dịch vụ. Hàng năm Công ty tiến hành đánh giá các nhà cung cấp theo nhiều tiêu chí, trong đó chất lượng là một trong những tiêu chí quyết định việc duy trì mối quan hệ với các nhà cung cấp.

Tổng kết các kết quả khách hàng đánh giá chất lượng dịch vụ của Công ty trong năm 2014, Công ty đạt được 98,6% ở hạng tốt và xuất sắc, tiêu biểu có dịch vụ cung cấp chuyên gia địa chất đạt 100% ở thứ hạng tốt và xuất sắc.



Dịch vụ khoan nước sâu là một lĩnh vực mới, đầy thử thách đối với PVD Deepwater vì giàn khoan TAD áp dụng những kỹ thuật cao, phức tạp, đòi hỏi năng lực vận hành tốt. Địa điểm giàn khoan PV DRILLING V thực hiện chiến dịch khoan là mỏ khí & condensate Hải Thạch, Mộc Tinh thuộc bồn trũng Nam Côn Sơn có giá trị rất quan trọng đối với an ninh quốc phòng, an ninh năng lượng của Việt Nam, nhưng đồng thời cũng là vùng mỏ ở mực nước sâu nhất, các giếng có áp suất cao, nhiệt độ cao khiến điều kiện thực hiện dịch vụ khoan vô cùng khó khăn, khắc nghiệt.

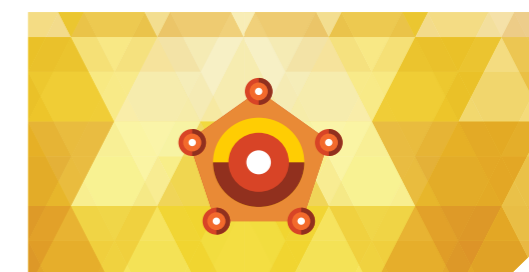
Chính vì thế, hoạt động kiểm soát chất lượng dịch vụ càng trở nên khó khăn hơn và được Ban lãnh đạo Công ty PVD Deepwater tập trung triển khai thực hiện một cách nghiêm túc bằng nhiều biện pháp hữu hiệu để thực hiện mục tiêu đề ra, cụ thể:

- Ứng dụng chương trình quản trị rủi ro doanh nghiệp (ERM - Enterprise Risk Management) để nhanh chóng phân loại, xác định rủi ro cũng như đưa ra các giải pháp ngăn ngừa, xử lý khi có tình huống ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Từ năm 2012-2013, PVD Deepwater cùng Xí nghiệp Điều hành Khoan và Ban An toàn Chất lượng Tổng Công ty đã tiến hành xây dựng hệ thống các quy trình quản lý & đánh giá rủi ro theo tiêu chuẩn quốc tế nhằm phục vụ việc hướng dẫn thực hiện, kiểm soát chặt chẽ công việc trên giàn cũng như quản lý hoạt động cấp phòng ban và đưa vào áp dụng. Công ty đã ban hành những quy định, quy chế quản lý chất lượng dịch vụ nhằm đưa việc kiểm soát dịch vụ thành những tiêu chuẩn, cụ thể hóa các tiêu chí kiểm soát. Hoạt động này đã giúp công tác kiểm soát chất lượng tại Công ty trở thành nề nếp, thói quen trong toàn bộ Công ty;

- Nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ phù hợp với yêu cầu khách hàng, đối tác trong và ngoài nước, cũng như những cam kết với Bộ Khoa học Công nghệ; Ban lãnh đạo Công ty cùng toàn thể CBCNV đã tập trung sức lực, trí tuệ để xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Hệ thống quản lý tích hợp ISO 9001:2008 - ISO 14001:2004 - OHSAS 18001:2007. Kết quả, Hệ thống quản lý chất lượng tích hợp của PVD Deepwater đã được cấp chứng nhận phù hợp với tiêu chuẩn Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 vào ngày 07/06/2013, với Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2004 và Hệ thống quản lý An toàn sức khỏe nghề nghiệp OHSAS 18001:2007 vào ngày 29/05/2014 bởi Tổ chức thẩm định và chứng nhận Nauy (DnV). Việc áp dụng hệ thống tích hợp này đã làm cho hoạt động kiểm soát chất lượng dịch vụ thực sự được tiêu chuẩn hóa trong toàn Công ty, kiểm soát toàn bộ quá trình sản xuất, vận hành của Công ty như: chất lượng nguồn nhân lực, chất lượng đầu vào, quá trình hình thành dịch vụ cũng như kiểm soát chất lượng dịch vụ bàn giao cho khách hàng, quá trình đánh giá và cải tiến hệ thống...
- Công ty tổ chức đào tạo tới toàn bộ cán bộ, công nhân viên nhận thức được tầm quan trọng cũng như lợi ích của việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng vào công việc, từ đó nâng cao tinh thần tự giác, tuân thủ quy trình, quy định. Hàng năm, mục tiêu chất lượng luôn được đưa ra là một trong những mục tiêu hàng đầu của Công ty bên cạnh mục tiêu sản xuất kinh doanh, và để thực hiện mục tiêu đó, Công ty đã áp dụng nhiều biện pháp quản lý tiên tiến như phần mềm Maximo cho việc bảo dưỡng bảo trì, phần mềm Simplesoft cho việc quản lý đào tạo... cũng như chính sách đánh giá nội bộ, kiểm tra định kỳ cơ sở hàng năm;

- Bên cạnh các công tác chăm sóc khách hàng thông qua các hoạt động Team building, workshop để hiểu rõ hơn những yêu cầu của khách hàng về mặt chất lượng trong từng giai đoạn của chiến dịch khoan, PVD Deepwater còn chủ động áp dụng chính sách lấy ý kiến phản hồi từ khách hàng nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ luôn đáp ứng yêu cầu. Trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng khoan, những nhận xét, đánh giá cao về công tác an toàn, vận hành giàn từ khách hàng là Công ty điều hành dầu khí Biển Đông POC chính là thước đo chất lượng dịch vụ chuẩn xác nhất.

Có thể khẳng định, nhờ việc định hướng xây dựng và quản lý hệ thống chất lượng một cách hiệu quả, PVD Deepwater đã nâng cao năng lực vận hành, kinh nghiệm tổ chức, xác định được các nguy cơ tiềm ẩn và nhanh chóng có các giải pháp khắc phục, phòng ngừa hiệu quả để đảm bảo chất lượng dịch vụ và trở thành đối tác đáng tin cậy của khách hàng.



Dịch vụ khoan nước sâu đòi hỏi kỹ thuật cao, phức tạp lại được thực hiện tại vị trí có ý nghĩa quan trọng đối với an ninh quốc phòng, an ninh năng lượng, chính vì thế công tác kiểm soát chất lượng tại đây càng phải được thực hiện chặt chẽ để đảm bảo dịch vụ đạt hiệu quả cao nhất.



Phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật

Tại PVD Offshore:

Dịch vụ mới

PVD Offshore đã thành công trong việc phát triển một số dịch vụ mới như:

- Dịch vụ leo dây công nghiệp (Rope Access);
- Dịch vụ kiểm định dưới nước UWILD (Underwater Inspection In Lieu Of Dry-docking);
- Dịch vụ chế tạo mặt bích và thiết bị đầu giếng (Flanges & Well-head Components Fabrication);
- Dịch vụ chế tạo Sling các loại (Sling Fabrication).

Dự án đầu tư và sáng kiến kỹ thuật từ Quỹ Phát triển Khoa học Công nghệ

Hưởng ứng phong trào thi đua sáng tạo - đổi mới - làm chủ công nghệ để phát triển bền vững, CBCNV và người lao động trong toàn Công ty đã không ngừng phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động, hiệu quả kinh tế trong các hoạt động quản lý và sản xuất kinh doanh trực tiếp. Cụ thể trong năm 2014 vừa qua, được sự hỗ trợ và cho phép sử dụng nguồn Quỹ Phát triển Khoa học Công nghệ từ Tổng Công ty, Đơn vị đã và đang áp dụng các sáng kiến, cải tiến kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh nhằm đưa những thiết bị, công nghệ phù hợp vào quá trình sản xuất, mang lại hiệu quả cao nhất trong hoạt động sản xuất kinh doanh chung của đơn vị.

Một số dự án đầu tư đáng chú ý:

- Máy tiện tự động CNC (CNC Lathe Machine);
- Bộ thiết bị thử áp lực, kiểm tra và hiệu chuẩn an toàn (Containerized Valve Testing Unit);
- Hệ thống kiểm tra khuyết tật cần khoan và ống chống dầu khí đa chức năng bằng điện từ trường (Stationary Multi-Function EMI Inspection System);
- Hệ thống máy tháo vặn ren quay tròn liên tục khớp nối thiết bị khoan khai thác dầu khí (Continuous Rotary Torque Machine);

- Máy mài thiết bị khoan dầu khí tự động CNC (CNC Grinding Machine for Drilling Tools).

Một số sáng kiến, đổi mới kỹ thuật được cấp Tổng Công ty công nhận như:

- Cải tiến buồng hàn và kính chắn hồ quang;
- Cơ cấu tự động nạp cần ống;
- Phần mềm quản trị nhân sự - điều ca - tiền lương;

Công tác phát triển dịch vụ ra nước ngoài

Dưới sự chỉ đạo của Tổng Công ty, Đơn vị đã và đang tích cực tiếp cận các thị trường trong khu vực như Brunei, Myanmar... cũng như làm việc với các khách hàng và đối tác để tìm hiểu các thông tin liên quan hỗ trợ cho việc phát triển dịch vụ của PVD Offshore tại thị trường nước ngoài. Hiện nay, Công ty đang phối hợp với các Ban Tổng Công ty xúc tiến các thủ tục đầu tư liên quan để có thể sớm cung cấp một số mảng dịch vụ Xưởng Cơ khí tại thị trường Myanmar.

Tại PVD Logging:

Nghiên cứu sáng tạo và đổi mới luôn là mối quan tâm của Công ty trong mục tiêu hướng đến sự phát triển bền vững và khả năng cạnh tranh ngang hàng với các công ty đa quốc gia trong tương lai không xa. Dưới tầm nhìn chiến lược của người đứng đầu và sự quyết tâm của Ban lãnh đạo Công ty, nhiều năm liền Công ty đã đưa ra thị trường những sản phẩm từ công tác ứng dụng, nghiên cứu, sáng tạo và cải tiến khoa học kỹ thuật, được các khách hàng đánh giá cao.

- Trong năm 2014, bộ bẫy khí có dung tích không đổi kết hợp với thiết bị cảm ứng tỉ trọng dung dịch độ nhạy cao tiếp tục được cải tiến theo hướng thuận lợi hơn cho công tác bảo trì bảo dưỡng và tăng thời gian hoạt động không cần bảo dưỡng. Thiết bị này giúp hệ thống phân tích khí của dịch vụ đo karota khí cung cấp các dữ liệu có chất lượng cao hơn, kể cả trong những điều kiện khó khăn hơn so với hệ thống cũ trước khi cải tiến;

- Một điểm nhấn khác của hoạt động nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật ở PVD Logging trong năm 2014 là việc triển khai dự án xây dựng hệ thống phần mềm thu nhận và xử lý dữ liệu cho dịch vụ đo karota khí. Giai đoạn đầu, nhóm thực hiện dự án đang hoàn thiện các module mô phỏng hoạt động của giàn khoan trong hoạt động khoan dầu khí và hệ thống đo karota khí. Dự kiến hệ thống sẽ hoàn thành vào cuối năm 2015, đưa ra thị trường trong năm 2016. Sự thành công của dự án là tiền đề để phát triển những dịch vụ cộng thêm khác đi kèm với dịch vụ đo karota khí chuẩn;
- Ngoài ra, Công ty cũng đã hoàn thiện hệ thống quản lý bảo dưỡng định kỳ các thiết bị máy móc, thay đổi phương thức từ sửa chữa đột xuất sang bảo dưỡng có kế hoạch, thực hiện tốt công tác bảo dưỡng định kỳ, bảo dưỡng phòng ngừa;
- Bên cạnh đó, phần mềm quản lý vật tư thiết bị dự phòng tối ưu cũng được xây dựng trong năm, hướng đến mục tiêu chủ động trong hoạt động mua sắm thiết bị, vật tư thay thế, tiết kiệm chi phí hàng tồn kho, đồng thời đảm bảo đủ thiết bị vật tư cho hoạt động sản xuất an toàn.

Những dự án thành công từ các hoạt động nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật của Công ty là sự kết hợp hoàn hảo giữa lực lượng kỹ sư trẻ có trình độ, nhiệt huyết, bền bỉ với lực lượng chuyên viên tâm huyết, dày dặn kinh nghiệm đã làm việc cho các công ty đa quốc gia dưới sự hỗ trợ và khuyến khích cả về tinh thần lẫn vật chất không có giới hạn của Ban lãnh đạo Công ty PVD Logging.

Tại PVD Well Services:

Trong hoạt động khoan dầu khí, việc tìm kiếm các giải pháp kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu suất thi công khoan và tiết kiệm chi phí luôn được các công ty dịch vụ chú trọng và xem là một trong những yếu tố sống còn để nâng cao khả năng cạnh tranh so với các đối thủ trên thị trường. Trong thời gian gần đây PVD Well Services đã nghiên cứu và triển khai ứng dụng thành

công bộ thiết bị CRTi (Casing Running Tool, internal grip) trong lĩnh vực kéo thả ống chống, mở ra cơ hội mới cho Công ty trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm thoả mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

CRTi là bộ thiết bị kéo thả ống chống tự động thế hệ mới. Đặc điểm của loại thiết bị này là độ tin cậy cao, thời gian thực hiện nhanh, tiết kiệm chi phí và an toàn hơn so với các thiết bị kéo thả ống chống truyền thống. Hiện nay có rất nhiều hãng chế tạo và giới thiệu loại thiết bị này trên thị trường, thiết bị CRTi mà PVD Well Services lựa chọn là thiết bị của hãng Volant. Thiết bị này có một số đặc điểm nổi trội so với các thiết bị cùng loại trên thị trường như: cấu tạo đơn giản, gọn nhẹ, vận hành bằng cơ khí nên ít hỏng hóc. Để thực hiện công việc kéo thả ống chống, thay vì cần phải có 3 người phối hợp cùng nhau trong phương pháp truyền thống: Tong Operator để vận ống, Torque Turn Operator để theo dõi mô men vận ống và Stabber để lắc ống thì bộ thiết bị CRTi chỉ cần một người ngồi trong phòng kíp trường để điều khiển. Thiết bị CRTi có thể thực hiện toàn bộ các công đoạn như: gấp ống, căn thẳng ống, vận ống, bơm rửa tuần hoàn, kéo lên thả xuống (tác dụng lực nhấn vào cột ống chống khi cột ống bị kẹt)/.



Nghiên cứu, sáng tạo và cải tiến để ngày càng hoàn thiện hơn, hướng đến sự phát triển bền vững chính là mục tiêu của PV Drilling.

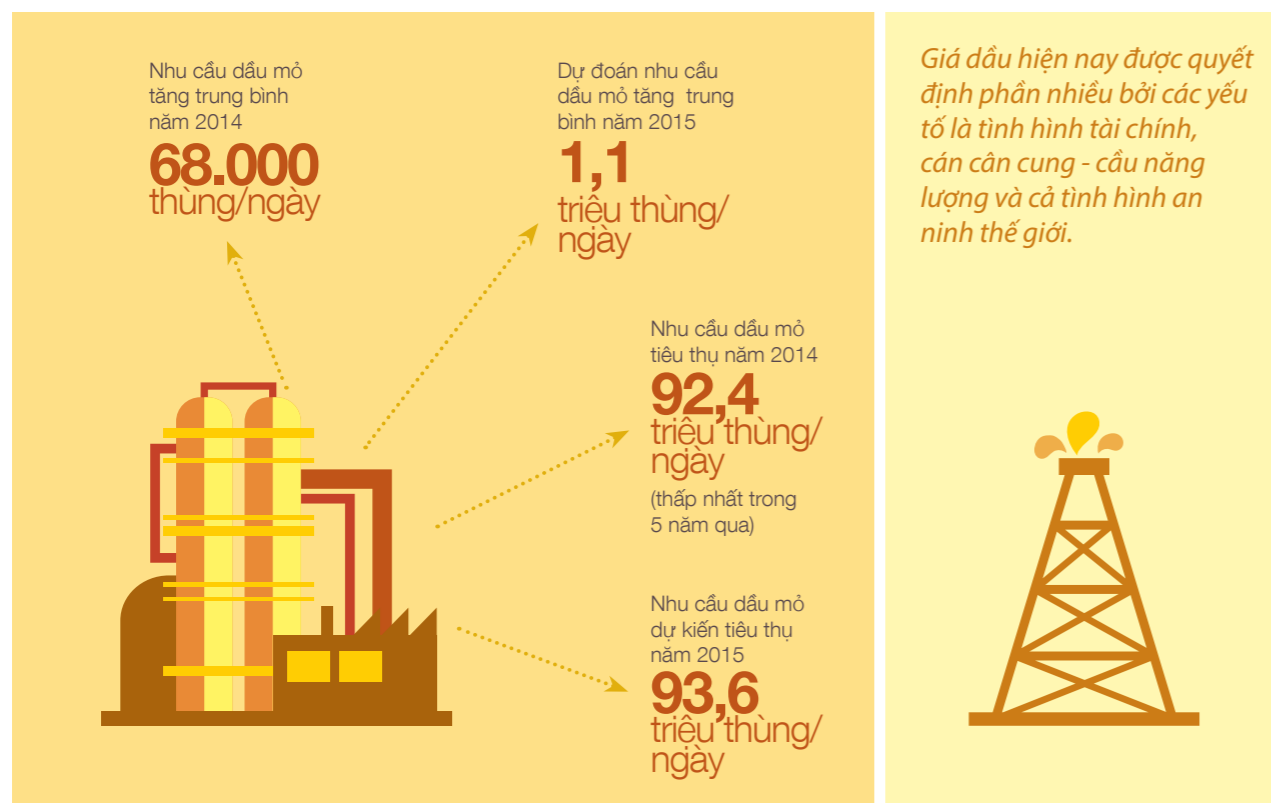


VỮNG VÀNG TRONG THỬ THÁCH

Năm 2015 đang đến với nhiều thách thức cho ngành công nghiệp dầu khí, PV Drilling hiểu rằng chúng tôi phải nỗ lực nhiều hơn nữa để vững vàng trong thử thách này.

Thị trường dầu khí thế giới năm 2014 và triển vọng năm 2015

Cuối năm 2014, đầu 2015, giá dầu thô WTI đã giảm hơn 50%, từ mức 112 USD/thùng vào đầu tháng 7/2014 xuống dưới 50 USD/thùng vào đầu tháng 1/2015, mức giảm nhiều nhất kể từ đại khủng hoảng năm 2008.



Trong năm 2014, nhu cầu dầu mỏ chỉ tăng trung bình 68.000 thùng/ngày, ở mức thấp trong 5 năm qua, đạt 92,4 triệu thùng/ngày. Tuy nhiên, lượng tiêu thụ dầu giảm ở Trung Quốc cũng như tại châu Âu và các nước thành viên tại châu Á và Châu Đại Dương của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) sẽ được bù lại bằng lượng tiêu thụ tăng ở các nền kinh tế khác ngoài khối OECD và Mỹ, do vậy nhu cầu dầu thế giới sẽ tăng 1,1 triệu thùng/ngày và đạt 93,6 triệu thùng trong năm 2015 nhờ những cải thiện trong tình hình kinh tế vĩ mô.

Giá dầu hiện nay được quyết định phần nhiều do tình hình tài chính, nhu cầu, nguồn cung và tình hình an ninh thế giới. Một trong những nguyên nhân tác động giá dầu thời gian qua là sự mất cân bằng cán cân cung-cầu. Nhu cầu dầu hiện ở mức thấp, do các hoạt động kinh tế yếu kém, cùng với việc gia tăng hiệu suất và xu hướng chuyển dịch từ dầu mỏ sang các nhiên liệu khác và các nguồn năng lượng khác như mặt trời, năng lượng gió. Nhu cầu dầu mỏ tại khu vực Bắc Mỹ, châu Âu, Nhật Bản, Trung Quốc đang suy giảm do tăng trưởng chậm, trong khi các loại nhiên liệu sinh học thay thế dầu được tiêu thụ mạnh. Hiện nay Mỹ đã trở thành nhà sản xuất dầu lớn nhất thế giới. Từ năm 2008, các doanh nghiệp dầu mỏ tại Mỹ đã tăng sản lượng thêm 70%, tương đương 3,5 triệu thùng/ngày. Sự phát triển của ngành công nghiệp dầu đá phiến ở Mỹ đã tác động khá nhiều tới thị trường dầu mỏ. Mặc

dù quốc gia này không xuất khẩu dầu thô, nhưng hiện tại lượng nhập khẩu của Mỹ đã giảm đáng kể, dẫn tới dư thừa đầu ra tiêu thụ sản phẩm.

Thêm vào đó, các nước OPEC, tổ chức hiện kiểm soát gần 40% thị trường dầu mỏ thế giới đã quyết định không cắt giảm sản lượng. Ả-rập Xê-út và Cô-oét, hai nhà sản xuất dầu mỏ lớn nhất trong khối OPEC, hầu như không cắt giảm sản lượng vì không muốn "hy sinh" thị phần của mình vào tay các nhà sản xuất dầu đá phiến của Mỹ cũng như Iran, Nga và một số nước khác. Các nước vùng Vịnh thậm chí còn giảm giá cho các nhà tiêu thụ Châu Á lớn khác nhằm giành thêm thị phần. Điều này có thể thúc đẩy cuộc chiến giá dầu giữa các nước.

Các công ty dầu mỏ nói chung sẽ tiếp tục duy trì sản xuất tại các mỏ đã khai thác, song giá bán giảm mạnh khiến doanh thu bị sụt giảm và khiến họ phải hạn chế chi tiêu vào các dự án thăm dò mới. Công ty dầu khí BP (Anh) công bố sẽ cắt giảm chi tiêu trong năm 2015 khoảng một tỷ đô la Mỹ. Exxonmobil, Petronas, Total, Ludin, Chevron, Santos... đều tuyên bố cắt giảm từ 20% đến 30% chi tiêu trong năm nay, đồng thời sẽ giảm đáng kể các mỏ dầu khai thác mới, giảm chi phí vốn.

Bức tranh thị trường dầu khí thế giới trong năm 2015 sẽ có nhiều gam và sắc màu tối với diễn biến phức tạp. Việc giá dầu giảm mạnh gây ra sự bất ổn trong ngắn hạn, nhưng bên cạnh đó cũng sẽ có nhiều tác động tích cực đến nền kinh tế toàn cầu, giúp tăng cường đà phục hồi, giảm chi phí sản xuất và kích thích tiêu dùng. Thu nhập từ dầu khí sẽ chuyển dịch sang các ngành khác và người tiêu dùng. Quy luật chắc chắn là trong thời gian tới sẽ đạt được điểm cân bằng. Hơn nữa, cho dù có sự phát triển mạnh của các ngành năng lượng khác, dầu khí vẫn là nguồn cung cấp năng lượng chính yếu của loài người hiện nay, có tính hữu hạn và không tái sinh. Bên cạnh đó, một số tranh chấp, mâu thuẫn địa lý, chính trị trên thế giới giữa Nga, Mỹ và Châu Âu sẽ hạ nhiệt và các nước sẽ đạt được sự đồng thuận để hợp tác và phát triển kinh tế.



Vì vậy, giá dầu chắc chắn sẽ phục hồi và duy trì ở mức bền vững, phù hợp với yêu cầu phát triển và nhu cầu của con người. Theo đánh giá của các tổ chức kinh tế như Moody's, Wood Mackenzie, Citi Group, giá dầu chắc chắn sẽ bật lại đà tăng khá sớm bắt đầu từ cuối 2015 và sẽ khôi phục về mức ổn định 70 – 90 USD/thùng trong trung hạn từ 3-4 năm tới.

Thị trường dầu khí thế giới năm 2014 và triển vọng năm 2015 (tiếp theo)

Thị trường giàn khoan tự nâng đa năng năm 2014

TRƯỚC TÌNH HÌNH DIỄN BIẾN PHỨC TẠP CỦA GIÁ DẦU, THỊ TRƯỜNG GIÀN KHOAN TỰ NÂNG ĐA NĂNG SẼ PHẢI ĐỐI MẶT VỚI NHỮNG THÁCH THỨC LỚN TRONG THỜI GIAN TỚI.

Lịch sử ghi nhận nhu cầu các giàn khoan tự nâng đa năng >300 ft. luôn tăng trưởng đều qua các năm, bất chấp sự chuyển biến xấu của giá dầu trên thị trường thế giới. Q1/2009 được ghi nhận là thời điểm giá dầu xuống mức thấp nhất của thị trường, khi đó vẫn có gần 300 giàn khoan tự nâng đa năng có hợp đồng làm việc. Tuy nhiên, với nguồn cung giàn khoan tự nâng đang tăng hiện nay, kết hợp với khả năng nguồn cung dầu thô có thể trở nên dư thừa kéo dài, giai đoạn sắp tới dự kiến sẽ còn nhiều khó khăn cho các nhà thầu khoan dầu khí.

Theo báo cáo của IHS, có khoảng 83 giàn đóng mới được giao vào cuối năm 2015 và 57 giàn đóng mới được giao trong năm 2016, nâng tổng số giàn tự nâng đa năng trên 300 ft. lên 346 giàn. Tuy nhiên, dự báo nhu cầu đến cuối 2016, thế giới chỉ cần khoảng 225 giàn tự nâng đa năng trên 300 ft. cho các chương trình thăm dò và khai thác. Như vậy, nhu cầu giàn khoan và giá cho thuê giàn khoan sẽ giảm trong ngắn hạn do yếu tố tác động của giá dầu và tình trạng dư thừa nguồn cung giàn khoan.

Tuy nhiên, rất nhiều giàn khoan đóng mới hiện nay do các tổ chức đầu cơ (chiếm khoảng 30% số lượng giàn đóng mới), không có cơ cấu tổ chức và năng lực vận hành giàn khoan nên các giàn khoan này hầu như không có khả năng cạnh tranh với các giàn khoan được đóng mới thuộc các nhà thầu khoan uy tín.

Về dài hạn, nhu cầu thay thế các giàn tự nâng thế hệ cũ (>30 tuổi) bằng các giàn thế hệ mới tiên tiến sẽ tăng mạnh. Nhu cầu dầu khí, giá dầu phục hồi sẽ tiếp tục đẩy mạnh công tác thăm dò và khai thác, theo đó nhu cầu giàn khoan sẽ tăng mạnh trở lại.

Đối với thị trường Việt Nam, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ước tính trong giai đoạn 2015 – 2020, có khoảng 60 – 72 giếng khoan/năm sử dụng giàn khoan biển tự nâng dưới 130m nước, con số này tương ứng với

khoảng 12 – 14 giàn/năm. Số giàn khoan tự nâng hiện có trong nước của Vietsovpetro và PV Drilling mới chỉ đáp ứng được 50% – 60% nhu cầu thị trường. Do vậy, thị trường Việt Nam vẫn cần thêm nhiều giàn khoan khác.

Kế hoạch kinh doanh năm 2015:

Năm 2015 sẽ là năm gặp nhiều khó khăn thách thức do nền kinh tế thế giới và kinh tế trong nước có nhiều diễn biến phức tạp, ảnh hưởng của các yếu tố như giá dầu thô. Điều này có tác động không nhỏ đến việc thực hiện các mục tiêu của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nói chung và của PV Drilling nói riêng.

Theo kế hoạch đã được đặt ra, các giàn khoan của PV Drilling sẽ tiếp tục thực hiện các hợp đồng đã ký kết trong năm 2014.

- Giàn PV DRILLING I tiếp tục thực hiện hợp đồng khoan cho Cửu Long JOC đã được gia hạn đến cuối tháng 07/2016;
- Giàn PV DRILLING II tiếp tục khoan cho Lam Sơn JOC theo hợp đồng gia hạn 3 giếng đã ký kết cuối tháng 08/2014, hiện tại PV Drilling đang trong quá trình đàm phán ký gia hạn chương trình thêm 3 giếng, dự kiến chương trình khoan sẽ đến hết Q2/2015 sau đó sẽ chuyển sang phục vụ cho chiến dịch khoan của PVEP tại Vịnh Bắc Bộ;
- Giàn PV DRILLING III đang tiếp tục thực hiện hợp đồng khoan cho Vietsovpetro đến cuối tháng 08/2015. Sau đó Tổng Công ty sẽ tiếp tục đàm phán với Vietsovpetro để gia hạn hợp đồng cho giàn khoan này;
- Giàn PV DRILLING V sẽ tiếp tục thực hiện hợp đồng khoan cho Biển Đông POC đến hết tháng 04/2016, có thể gia hạn kéo dài đến đầu năm 2017;
- Giàn PV DRILLING VI đã ký kết hợp đồng với thời gian một năm kể từ khi giao giàn vào đầu tháng 03/2015 cho chiến dịch khoan thăm dò của PVEP POC.
- Giàn khoan PV DRILLING 11 tiếp tục phục vụ chương trình khoan phát triển giai đoạn 1 tại

Algeria với thời gian 15 tháng chắc chắn và 12 tháng gia hạn theo hợp đồng Groupment Bir Seba và PV Drilling đã ký kết kể từ ngày 28/08/2014.

Bên cạnh việc điều hành hiệu quả 6 giàn khoan sở hữu, PV Drilling sẽ tiếp tục tăng cường hợp tác với các đối tác nước ngoài như Atwood, Seadrill, Shelf Drilling, UMW để thuê thêm giàn nhằm giữ vững và mở rộng thị phần cung cấp giàn khoan tại Việt Nam.

Mục tiêu/Chiến lược năm 2015:

Với phương châm "**Chuyên nghiệp và chất lượng**", PV Drilling sẽ nỗ lực thực hiện các mục tiêu cụ thể trong năm 2015 như sau:



CHUYÊN NGHIỆP CHẤT LƯỢNG

"Chuyên nghiệp trong đội ngũ - Chất lượng trong dịch vụ" nhằm hiện thực hóa mục tiêu trở thành nhà thầu khoan cung cấp dịch vụ kỹ thuật khoan dầu khí tin cậy và có uy tín trên thế giới.

Vận hành an toàn và hiệu quả các giàn khoan do PV Drilling sở hữu; đặc biệt là đưa giàn khoan mới PV DRILLING VI vào vận hành an toàn và hiệu quả. Đồng thời, PV Drilling sẽ tích cực chủ động hợp tác với các nhà thầu uy tín trên thế giới để cung cấp giàn khoan cho các khách hàng tại thị trường Việt Nam;

Tăng cường và phát triển các dịch vụ kỹ thuật khoan thuộc thế mạnh của PV Drilling, đồng thời nâng cao phát triển dịch vụ mới thông qua việc đầu tư cải tiến kỹ thuật công nghệ, hiện đại hóa cơ sở vật chất, khuyến khích hơn nữa hoạt động nghiên cứu phát triển (R&D) nhằm tăng cường năng lực dịch vụ của PV Drilling;

Nâng cao giá trị nội lực thông qua việc tập trung phát triển nguồn nhân lực chuyên môn cao, tăng cường công tác đào tạo chuyên sâu để đảm bảo đội ngũ nhân sự trong nước có khả năng thực hiện tốt các ứng dụng công nghệ tiên tiến trong hoạt động cung cấp dịch vụ. Xây dựng và bồi dưỡng đội ngũ kế thừa tại các cấp quản lý;

Hoàn thiện việc ứng dụng hệ thống quản trị rủi ro, xây dựng các phương án đối phó với các diễn biến bất ổn của thị trường và phổ biến đến toàn thể CBCNV; Tăng cường quản lý tài chính, tiết kiệm chi phí và kiểm soát mua sắm vật tư;

Đẩy mạnh đầu tư phát triển dịch vụ ra nước ngoài như Brunei, Myanmar, Malaysia... cụ thể là hoàn thành việc xây dựng căn cứ cung cấp dịch vụ sửa chữa thiết bị dầu khí tại Myanmar, tham gia các gói thầu cung cấp dịch vụ khoan trong khu vực nhằm đưa ít nhất 1 giàn khoan tự nâng ra thị trường quốc tế. Bên cạnh đó, việc tìm kiếm cơ hội hợp tác đầu tư thêm giàn khoan mới cũng sẽ được đẩy mạnh để tạo tiền đề về cơ sở vật chất cho nhiệm vụ "vươn ra biển lớn".

Kế hoạch thực hiện các dự án lớn trong năm 2015

Năm 2015, tình hình kinh tế thế giới và trong nước dự báo sẽ gặp nhiều khó khăn. Thực tế cho thấy sự suy giảm một cách khó kiểm soát của giá dầu thô ảnh hưởng tới các nước có GDP phần lớn đến từ khai thác dầu khí, trong đó có Việt Nam. Do giá dầu thô giảm, đa số các công ty dầu khí sẽ phải thay đổi kế hoạch khoan như hoãn, tạm dừng hoặc cắt giảm chương trình hoạt động để cân đối sản lượng khai thác ở mức phù hợp. Việc điều chỉnh hoạt động của các công ty này gây không ít khó khăn, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và các kế hoạch mục tiêu của PV Drilling trong năm 2015.

Trong bối cảnh này, định hướng đầu tư đúng đắn là yếu tố có tính chất quyết định quan trọng đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Drilling. Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thăm dò khai thác, việc đầu tư thêm giàn khoan, máy móc thiết bị thế hệ mới, công nghệ cao luôn là chiến lược để cạnh tranh, duy trì tốc độ phát triển và mở rộng thị trường của PV Drilling.

“Dự án đầu tư giàn khoan thế hệ mới PV DRILLING VI” với tổng mức đầu tư 226,70 triệu đô la Mỹ của liên doanh PVD Overseas tại Singapore đi vào giai đoạn đã hoàn thành tại thời điểm cuối tháng 12/2014. Với sự tập trung và nỗ lực triển khai thực hiện, tiến độ của dự án đã hoàn thành sớm hơn so với kế hoạch ban đầu 1,05%. Cuối tháng 02/2015 giàn khoan PV DRILLING VI đã chính thức xuất xưởng, bắt đầu phục vụ chiến dịch khoan của PVEP POC theo hợp đồng ký ngày 07/01/2015. Sự quyết đoán và táo bạo trong đầu tư đã giúp cho PV Drilling sở hữu đội ngũ giàn khoan hiện đại, tạo được vị thế cạnh tranh tốt với những công ty dịch vụ dầu khí nước ngoài tại thị trường Việt Nam và khu vực.

Trong năm 2015, PV Drilling sẽ tiếp tục tập trung đầu tư máy móc thiết bị hiện đại, kỹ thuật cao, những phần mềm quản trị doanh nghiệp nhằm đem lại hiệu quả kinh tế thiết thực.

Bắt đầu từ năm 2013, PV Drilling đã triển khai thực hiện “Dự án đầu tư bộ thiết bị BOP 18-3/4”, 10K, NXT dự phòng với tổng mức đầu tư 4,17 triệu đô la Mỹ. Đây là bộ thiết bị chống phun trào để kiểm soát giếng khoan, thiết bị vô cùng quan trọng trong việc đảm bảo an toàn và sự liên tục của hoạt động khoan.

Hiện nay, dự án đang được triển khai đúng tiến độ và thiết bị sẽ được bàn giao trong Q2/2015. Việc đầu tư bộ thiết bị BOP kịp thời sẽ giúp cho PV Drilling tăng sự chủ động trong kế hoạch sản xuất, tiết kiệm chi phí khi không phải đi thuê lại thiết bị và đảm bảo cung cấp dịch vụ tốt nhất cho khách hàng.

Đối với mảng dịch vụ kỹ thuật giếng khoan, là những dịch vụ với thế mạnh nội lực như dịch vụ kéo thả ống chống, dịch vụ đo karota khí, các dịch vụ cơ khí kiểm định... đóng góp một phần không nhỏ về doanh thu và lợi nhuận của PV Drilling. Xác định mục tiêu luôn làm gia tăng sự hài lòng của khách hàng, nâng cao năng lực cạnh tranh trực tiếp với các công ty dịch vụ đa quốc gia hàng đầu trên thế giới, PV Drilling đã định hướng khuyến khích đầu tư vào những dự án đem lại doanh thu và lợi nhuận cao, đặc biệt là các dự án nghiên cứu khoa học. Năm 2015, PV Drilling dự kiến sẽ đầu tư mới “Bộ thiết bị kéo thả ống chống” với tổng mức đầu tư khoảng 7 triệu đô la Mỹ. Việc đầu tư các bộ thiết bị kéo thả ống chống giúp PV Drilling nâng cao nội lực, đáp ứng những yêu cầu cao của khách hàng và ngày càng làm chủ thị trường đối với dịch vụ kéo thả ống chống.

Với mục tiêu khuyến khích và đầu tư thỏa đáng cho công tác nghiên cứu và cải tiến khoa học kỹ thuật, “Dự án Thiết kế và Xây dựng phần mềm cho trạm đo karota khí (MudLogging Software)” là một trong những dự án nghiên cứu khoa học đã bắt đầu triển khai từ năm 2014 với tổng mức đầu tư là 0,77 triệu đô la Mỹ. Nghiên cứu và ứng dụng phần mềm sẽ gia tăng tính chủ động của PV Drilling trong việc điều hành hoạt động của các trạm đo karota khí.

Bên cạnh đó, các dịch vụ cơ khí, kiểm định của PV Drilling cũng được chú trọng phát triển thông qua việc đầu tư mới các máy tiện CNC với công nghệ cao, chính xác và hiện đại để thay thế các thiết bị cũ nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của PV Drilling đối với mảng dịch vụ truyền thống này.

Sau hơn 13 năm phát triển mạnh mẽ và đột phá, PV Drilling tự hào trở thành một thương hiệu vững mạnh, uy tín trên thị trường trong và ngoài nước. Đạt được những thành công trên là nhờ PV Drilling đã xây dựng và triển khai thành công hệ thống Quản trị nguồn



lực doanh nghiệp ERP Oracle giai đoạn I và II cho các phân hệ tài chính – kế toán, quản lý hợp đồng, nguồn lực vật tư, nguồn lực nhân sự... Năm 2015, PV Drilling tiếp tục triển khai Giai đoạn III - phân hệ quản trị ngân sách, lập báo cáo quản trị online với tổng mức đầu tư dự án trên 18 tỷ đồng. Hiện tại, dự án ERP Giai đoạn II đang triển khai đảm bảo tiến độ để ra. Sau khi hoàn thành dự án này, PV Drilling sẽ có một hệ thống ERP hỗ trợ việc lập và thực thi chiến lược kinh doanh sâu sát từ các cấp lãnh đạo cao nhất đến từng ban trong toàn Tổng Công ty và đến từng phòng của các đơn vị thành viên. Ứng dụng của hệ thống ERP Oracle mang lại nhiều hiệu quả trong công tác quản lý, là công cụ hữu hiệu hỗ trợ thông tin kịp thời cho Ban lãnh đạo trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạch định các chính sách tài chính.

Trước những biến động khó lường của nền kinh tế toàn cầu, việc xây dựng hệ thống quản trị rủi ro trở thành một trong những nhiệm vụ trọng yếu trong chiến lược phát triển của PV Drilling. “Dự án Tư vấn xây dựng hệ thống quản trị rủi ro doanh nghiệp tại PV Drilling” đã chính thức khởi động từ ngày 04/04/2014 theo các quy chuẩn và thông lệ quốc tế. Hiện nay, dự án đang triển khai giai đoạn II - Xây dựng khung quản trị rủi ro doanh nghiệp cho PV Drilling và thực hiện đảm bảo tiến độ để ra. Theo kế hoạch, năm 2015 dự án sẽ hoàn thành giai đoạn III - Đánh giá, xác định các rủi ro và triển khai chức năng quản trị rủi ro trong toàn Tổng Công ty. Dự án quản trị rủi ro doanh nghiệp thành công sẽ là công cụ hiệu quả để ngăn ngừa, dự báo các rủi ro có thể xảy ra, đồng thời sẽ có các biện pháp ứng phó kịp thời trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Nhằm thực hiện chiến lược phát triển lâu dài, việc thâm nhập thị trường nước ngoài, xúc tiến mở rộng thị trường trong khu vực Đông Nam Á và khu vực khác trên thế giới là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, trong đó Malaysia và Myanmar là các thị trường tiềm năng.

Với nhận định trên, PV Drilling đã chủ động tích cực nghiên cứu đầu tư nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh trong việc cung cấp giàn khoan và các dịch vụ kỹ thuật giếng khoan tại thị trường nước ngoài. PV Drilling hiện đang nghiên cứu và triển khai dự án thành lập Liên doanh tại Malaysia để đầu tư và vận hành giàn khoan dầu khí thế hệ mới. Bên cạnh đó, PV Drilling cũng đang nghiên cứu, làm việc với các đối tác để đầu tư thiết bị, thành lập xưởng cơ khí ở Myanmar, nơi công tác khoan và khai thác dầu khí đang bắt đầu phát triển. Trong bối cảnh còn nhiều khó khăn của nền kinh tế, nhất là biến động của giá dầu thô, việc nghiên cứu triển khai những dự án đầu tư trên đây là thách thức nhưng cũng chính là cơ hội để PV Drilling hội nhập vào môi trường cạnh tranh trong khu vực và thế giới, từng bước hiện thực hóa tầm nhìn trở thành nhà thầu khoan uy tín tầm cỡ quốc tế của PV Drilling./.



Định hướng đầu tư đúng đắn là yếu tố quyết định quan trọng đến hiệu quả SXKD của PV Drilling.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Từ tầm nhìn đã được Ban lãnh đạo Tổng Công ty đặt ra từ ngày đầu thành lập, PV Drilling đã không ngừng phấn đấu và huy động mọi nguồn lực cần thiết để từng bước hiện thực hóa mục tiêu trở thành người tiên phong của ngành khoan dầu khí Việt Nam. Theo đó, PV Drilling đặt ra chiến lược phát triển trung hạn và dài hạn như sau:

1 Tiếp tục củng cố và gia tăng vị thế vượt trội của PV Drilling ở thị trường khoan trong nước, đồng thời đẩy mạnh việc phát triển hoạt động kinh doanh tại thị trường trong khu vực, xây dựng PV Drilling thành một thương hiệu có uy tín trong ngành công nghiệp khoan dầu khí toàn cầu;

2 Tiếp tục hợp tác với các nhà thầu khoan lớn trên thế giới để cung cấp các giàn khoan tại Việt Nam dưới hình thức liên doanh, liên kết nhằm giữ vững và mở rộng thị trường, tăng doanh thu lợi nhuận. Tiếp cận và học hỏi các phương pháp quản lý và điều hành giàn khoan tiên tiến, công nghệ hiện đại từ các đối tác uy tín;

3 Tăng cường quan hệ với đối tác hiện hữu và mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác có uy tín, có khả năng về công nghệ và dịch vụ tốt trên thế giới để phát triển các loại hình dịch vụ khoan kỹ thuật cao tại thị trường Việt Nam. PV Drilling sẽ mở rộng thêm các loại hình dịch vụ kỹ thuật khoan, nâng cao cả về lượng và chất bằng việc đẩy mạnh đầu tư cho công tác nghiên cứu và chuyển giao công nghệ cao từ nước ngoài;

4 Tiếp tục mở rộng đội ngũ giàn khoan, đặc biệt phát triển dịch vụ vận hành giàn khoan tự nâng sẽ là nòng cốt trong chiến lược phát triển của PV Drilling. Với mục tiêu đưa các giàn khoan và dịch vụ của PV Drilling tiếp cận thị trường quốc tế, PV Drilling sẽ liên kết và hợp tác đầu tư, mua đóng mới giàn khoan, đồng thời phát triển các loại hình dịch vụ kỹ thuật cao, liên tục cập nhật kỹ thuật tiên tiến trên thế giới trong lĩnh vực khoan, nghiên cứu đầu tư các loại hình giàn khoan và dịch vụ mới phục vụ công tác khoan, thử vỉa, sửa chữa giếng khoan, khai thác sớm và kho chứa nổi (FSO)...Trong kế hoạch phát triển đến năm



Trong kế hoạch phát triển đến năm 2020, PV Drilling có thể duy trì cung cấp 7 giàn khoan tự nâng và một số giàn khoan nước sâu khác khi nhu cầu thị trường tăng lên.

2020, PV Drilling có thể duy trì cung cấp 7 giàn khoan tự nâng và một số giàn khoan nước sâu khác khi nhu cầu tăng lên;

5 Tiếp tục duy trì hoạt động có hiệu quả của các giàn khoan, đảm bảo hiệu suất vận hành cao bằng việc tối ưu hóa quy trình vận hành, thực hiện tốt công tác bảo trì và bảo dưỡng giàn khoan và các thiết bị liên quan; đồng thời làm tốt công tác hậu cần, đáp ứng mọi yêu cầu của sản xuất, đặc biệt chú trọng việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và vận hành giàn khoan cũng như trong toàn Tổng Công ty nhằm đảm bảo tính ổn định và xuyên suốt của cả hệ thống. Điều này sẽ là nền tảng của PV Drilling trong lộ trình vươn ra biển lớn;

6 Xây dựng trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) nhằm đẩy mạnh hoạt động sáng tạo, cải tiến và nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ khoan dầu khí. Liên kết với các viện, các trung tâm nghiên cứu khoa học trong cả nước để thực hiện các đề tài nghiên cứu khả thi và có tính ứng dụng cao trong lĩnh vực khoan dầu khí;

7 Nâng cao hoạt động quản lý của PV Drilling theo định hướng chuyên nghiệp và hiện đại hoá nhằm tăng năng lực cạnh tranh so với các công ty dịch vụ



dầu khí quốc tế khác là một trong các ưu tiên hàng đầu của Tổng Công ty; Chú trọng đầu tư xây dựng kiến trúc thượng tầng và cơ sở hạ tầng phục vụ cho công tác quản lý, nâng cao năng lực quản lý chung và quản lý chuyên môn, làm tiền đề cho việc khai thác hiệu quả các nguồn lực có sẵn;

8 Phát triển cũng như quản lý và khai thác một cách hiệu quả và triệt để các nguồn lực sẵn có; Củng cố và phát triển đội ngũ nhân lực vững mạnh cũng như xây dựng một hệ thống quản lý nhân sự chuyên nghiệp, xem xét tái cấu trúc hệ thống lương bổng và phúc lợi cho phù hợp với thị trường và chính sách của Tổng Công ty để thu hút các chuyên gia, cán bộ có kinh nghiệm, làm nền tảng cho sự phát triển của PV Drilling, xây dựng bản sắc và văn hóa của PV Drilling trên cơ sở nhân lực năng động, sáng tạo, có trình độ chuyên môn và quản lý chuyên nghiệp;

9 Bên cạnh việc thu hút đội ngũ chuyên gia ngành khoan giàu kinh nghiệm bằng các chính sách lương thưởng và phúc lợi, PV Drilling sẽ tập trung nhiều hơn cho hoạt động đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ nhân sự trẻ, từng bước tiếp cận trình độ của chuyên gia trong ngành của các nước tiên tiến;

10 Tăng cường việc tập trung vào công tác quản trị rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thiện các quy trình quản lý vận hành doanh nghiệp, giám sát chặt chẽ các dự án đầu tư và nghiên cứu kỹ lưỡng các phương án kinh doanh mới, nhằm đảm bảo khả năng nắm bắt triệt để cơ hội của thị trường mà không ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của PV Drilling;

11 Đảm bảo tốt vấn đề an toàn sức khỏe cho người lao động trong hoạt động sản xuất cùng với việc tuân thủ an toàn môi trường theo các quy định trong nước cũng như theo các chuẩn mực nghiêm ngặt của quốc tế./

Chiến lược phát triển trung và dài hạn của PV Drilling được hoạch định trên 3 phương diện: Phát triển hoạt động SXKD, gánh vác trách nhiệm Xã hội và bảo vệ Môi trường.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI

- 108 Báo cáo kết quả kiểm tra
- 109 - 110 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 111 Các chỉ tiêu ngoại bảng cân đối kế toán
- 112 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 113 - 114 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 115 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi
- 159 - 160 Thông tin Tổng Công ty và các đơn vị thành viên



Báo cáo kết quả kiểm tra

Số: /VN1A-HC-BC

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí**

Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm tra việc quy đổi sang Đồng Việt Nam đối với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (gọi chung là "Tổng Công ty") được lập ngày 25 tháng 3 năm 2015, từ trang 2 đến trang 36. Công việc kiểm tra của chúng tôi được thực hiện theo các thủ tục đã thỏa thuận trước với Tổng Công ty như trình bày sau đây và phù hợp với Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 920 "Kiểm tra các thông tin tài chính trên cơ sở các thủ tục thỏa thuận trước". Các thủ tục đã được thực hiện như sau:

- Thu thập báo cáo tài chính hợp nhất đã được quy đổi sang Đồng Việt Nam do Tổng Công ty lập, so sánh số liệu sử dụng để quy đổi với số liệu trình bày tại báo cáo tài chính hợp nhất trình bày bằng Đô la Mỹ (USD) đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Tổng Công ty.
- So sánh tỷ giá sử dụng quy đổi sang Đồng Việt Nam có phù hợp với phương pháp quy đổi báo cáo cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, cụ thể các khoản mục tài sản và công nợ (bao gồm cả số liệu so sánh) được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được quy đổi theo tỷ giá liên ngân hàng bình quân của năm và chỉ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Kiểm tra tính chính xác về toán học của việc quy đổi ra Đồng Việt Nam.

Chúng tôi báo cáo kết quả kiểm tra như sau:

- Thủ tục a: Số liệu sử dụng để quy đổi phù hợp với số liệu trình bày tại báo cáo tài chính hợp nhất trình bày bằng Đô la Mỹ (USD) đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.
- Thủ tục b: Các khoản mục tài sản và công nợ (bao gồm cả số liệu so sánh) đã được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được quy đổi theo tỷ giá liên ngân hàng bình quân của năm và chỉ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Thủ tục c: Kết quả quy đổi ra Đồng Việt Nam chính xác về số học, không phát hiện chênh lệch.

Chúng tôi thực hiện công việc kiểm tra Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 theo yêu cầu của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 920 – Kiểm tra thông tin tài chính trên cơ sở các thủ tục thỏa thuận trước và chúng tôi báo cáo kết quả kiểm tra về các nội dung kiểm tra như đã đề cập tại các mục a, b, c nêu trên./.



Nguyễn Quang Trung
Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0733-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2015

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Thị Thu Sang
Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 1144-2013-001-1

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		9.452.329.338.024	7.967.393.100.824
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	3.208.194.249.666	2.597.616.954.888
1. Tiền	111		984.704.785.158	937.662.892.177
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.223.489.464.508	1.659.954.062.711
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		11.937.320.052	20.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		11.937.320.052	20.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.909.187.188.728	4.184.484.001.932
1. Phải thu khách hàng	131		4.701.355.311.138	3.906.177.217.068
2. Trả trước cho người bán	132		116.348.343.762	146.296.755.240
3. Các khoản phải thu khác	135	6	97.675.786.758	136.994.341.536
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(6.192.252.930)	(4.984.311.912)
IV. Hàng tồn kho	140	7	1.225.805.306.736	1.043.709.154.716
1. Hàng tồn kho	141		1.282.402.929.810	1.044.738.740.700
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(56.597.623.074)	(1.029.585.984)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		97.205.272.842	121.582.989.288
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		34.004.477.952	65.615.133.588
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		38.010.474.990	33.584.815.440
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	398.421.840
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		25.190.319.900	21.984.618.420
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+240+250+260+269)	200		13.852.431.135.132	13.524.940.028.736
I. Tài sản cố định	220		13.178.252.340.768	12.482.423.783.508
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	11.501.571.050.784	12.313.643.456.964
- Nguyên giá	222		16.734.067.799.784	16.483.029.101.292
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.232.496.749.000)	(4.169.385.644.328)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	200.284.703.502	151.132.321.596
- Nguyên giá	228		278.212.078.308	212.779.140.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(77.927.374.806)	(61.646.818.404)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	1.476.396.586.482	17.648.004.948
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		633.432.259.494	957.444.305.196
1. Đầu tư vào công ty liên doanh	252	11	633.432.259.494	941.665.180.560
2. Đầu tư dài hạn khác	258		-	33.429.317.328
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	(17.650.192.692)
III. Tài sản dài hạn khác	260		39.731.507.220	83.564.458.200
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	13.799.829.396	67.572.869.964
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	7.946.088.984	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		17.985.588.840	15.991.588.236
IV. Lợi thế thương mại	269	15	1.015.027.650	1.507.481.832
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		23.304.760.473.156	21.492.333.129.560

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		11.591.663.566.500	11.624.526.500.304
I. Nợ ngắn hạn	310		7.144.839.435.840	6.764.871.378.948
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	1.156.633.790.958	1.829.467.935.552
2. Phải trả người bán	312		2.871.778.435.668	2.141.149.091.712
3. Người mua trả tiền trước	313		25.643.475.834	108.112.607.724
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	473.868.255.726	380.619.430.812
5. Phải trả người lao động	315		243.149.783.262	201.193.226.424
6. Chi phí phải trả	316	18	1.822.880.284.992	1.553.908.178.820
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	19	254.269.302.282	312.658.046.964
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	20	103.602.061.014	101.570.159.292
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		193.014.046.104	136.192.701.648
II. Nợ dài hạn	330		4.446.824.130.660	4.859.655.121.356
1. Phải trả dài hạn khác	333	12	480.159.918.690	523.046.550.744
2. Vay và nợ dài hạn	334	21	3.095.803.185.864	3.783.480.645.048
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	14	-	103.139.508
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	1.048.308.024
5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	22	870.861.026.106	551.976.478.032
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		11.478.574.019.202	9.838.241.877.560
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	11.478.574.019.202	9.838.241.877.560
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		3.030.733.500.000	2.755.286.950.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.434.086.374.663	2.446.049.927.854
3. Cổ phiếu quỹ	414		(364.500.000)	(11.963.553.191)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		785.024.506.240	683.185.976.226
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		971.278.960.699	735.587.990.807
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		384.621.651.961	338.229.607.392
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3.873.193.525.639	2.891.864.978.472
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	24	234.522.887.454	29.564.751.696
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		23.304.760.473.156	21.492.333.129.560

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

		31/12/2014	31/12/2013
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, gia công		198.380.968	10.675.390.677
2. Ngoại tệ các loại			
Đồng Euro ("EUR")	EUR	9.056	6.114
Bảng Anh ("GBP")	GBP	10.152	8.238
Dinars Algeria ("DZD")	DZD	57.432.042	64.744.136
Đô la Singapore ("SGD")	SGD	17.493	19.751



Phạm Tiến Dũng
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 3 năm 2015

Hồ Ngọc Yến Phương
Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đắc Tùng
Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng
Người lập biểu

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	20.884.328.724.600	14.866.679.679.275
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		20.884.328.724.600	14.866.679.679.275
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	16.762.959.711.047	11.533.399.684.135
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		4.121.369.013.553	3.333.279.995.140
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	161.286.440.353	98.811.190.240
6. Chi phí tài chính	22	28	291.656.532.291	346.480.174.605
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		144.676.565.627	222.995.412.065
7. Chi phí bán hàng	24		59.201.359.399	45.118.986.390
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.122.822.362.662	945.758.282.965
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		2.808.975.199.554	2.094.733.741.420
10. Thu nhập khác	31		124.374.138.948	63.296.302.580
11. Chi phí khác	32		54.710.517.292	88.775.809.575
12. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40	36	69.663.621.656	(25.479.506.995)
13. Thu nhập từ đầu tư vào liên doanh	45	11	299.206.704.142	221.846.289.915
14. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		3.177.845.525.352	2.291.100.524.340
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	645.872.969.777	291.309.373.575
16. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	14	(8.009.908.813)	6.625.885.630
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		2.539.982.464.388	1.993.165.265.135
Phân bổ cho:				
- Lợi ích của cổ đông thiểu số	61	24	9.816.794.777	8.875.100.160
- Cổ đông của công ty mẹ	62		2.419.408.948.783	1.883.397.817.529
- Lợi ích của các bên BCC	63	12	110.756.720.828	100.892.347.446
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	7.987	6.785



Phạm Tiến Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2015

Hồ Ngọc Yến Phương
Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đắc Tùng
Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng
Người lập biểu

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.177.845.525.352	2.291.100.524.340
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.065.820.727.731	1.103.264.409.330
Các khoản dự phòng	03	39.125.785.416	(42.071.290.025)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	27.093.074.493	25.780.070.790
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(387.196.843.705)	(284.600.459.735)
Chi phí lãi vay	06	144.676.565.627	222.995.412.065
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	4.067.364.834.914	3.316.468.666.765
Thay đổi các khoản phải thu	09	(728.099.668.456)	(907.067.932.635)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(225.712.046.881)	(246.781.696.260)
Thay đổi các khoản phải trả phải trả	11	1.041.521.820.991	1.247.223.497.195
Thay đổi chi phí trả trước	12	86.317.401.706	137.788.098.850
Tiền lãi vay đã trả	13	(153.404.650.937)	(279.920.189.265)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(562.198.100.532)	(295.437.865.810)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(278.934.034.106)	(224.064.060.075)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.246.855.556.699	2.748.208.518.765
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(284.971.143.050)	(235.892.502.555)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	3.263.607.935	1.860.284.100
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(492.258.371.472)	(860.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	510.258.327.670	860.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(386.518.616.424)	(536.616.970.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	6.341.464.203	3.892.478.956
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	338.890.814.636	178.590.099.825
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(304.993.916.502)	(588.166.609.674)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu thiểu số của công ty	31	21.571.980.000	1.463.919.696.000
2. Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(364.500.000)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	171.445.827.781	593.593.879.030
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.003.733.982.575)	(2.384.962.785.255)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(554.195.683.300)	(304.820.017.953)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.365.276.358.094)	(632.269.228.178)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	576.585.282.103	1.527.772.680.913
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.597.616.954.888	1.067.748.648.852
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	3.050.776.878	11.675.148.288
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo	62	30.941.235.797	(9.579.523.165)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	3.208.194.249.666	2.597.616.954.888

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác trong năm không bao gồm số tiền 50.109.455.856 đồng (năm 2013: 17.859.648.500 đồng) là giá trị tài sản mua sắm trong năm chưa thanh toán. Tuy nhiên, tiền mua tài sản cố định trên đã bao gồm 17.859.648.500 đồng (năm 2013: 59.775.316.307 đồng) là giá trị tài sản mua trong năm trước được thanh toán trong năm nay. Ngoài ra, tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác trong năm không bao gồm số tiền 1.367.364.781.226 đồng là giá trị tài sản nhận về tại ngày hợp nhất công ty con PVD Overseas. Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến lưu chuyển tiền hợp nhất, nên không được trình bày ở báo cáo trên.

Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm số tiền 71.196.663.252 đồng (năm 2013: 116.540.309.015 đồng) là số lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm còn phải thu. Tuy nhiên, tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm đã bao gồm số tiền 95.225.485.310 đồng (năm 2013: 62.149.460.664 đồng) là số lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia của năm trước đã thu trong năm nay. Ngoài ra, tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm số tiền 22.205.075.315 đồng (năm 2013: 7.571.645.190 đồng) là số cổ tức và lợi nhuận được chia đã được thanh toán qua hình thức cắt trừ công nợ. Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến lưu chuyển tiền hợp nhất, nên không được trình bày ở báo cáo trên.

Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được trong năm không bao gồm số tiền 422.980.000.000 đồng là số dư nợ vay tại ngày hợp nhất công ty con PVD Overseas. Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến lưu chuyển tiền hợp nhất, nên không được trình bày ở báo cáo trên.

Tiền nhận vốn góp của chủ sở hữu không bao gồm số tiền 275.446.550.000 đồng là cổ tức năm 2013 đã trả cho các cổ đông bằng việc phát hành cổ phiếu (năm 2013: 250.204.800.000 đồng). Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến lưu chuyển tiền hợp nhất, nên không được trình bày ở báo cáo trên./.



Phạm Tiến Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2015

Hồ Ngọc Yến Phương
Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đắc Tùng
Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng
Người lập biểu

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

MẪU SỐ B 09-DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty bao gồm Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (“Công ty mẹ”) và bảy (7) công ty con và sáu (6) công ty liên doanh, cụ thể như sau:

Công ty mẹ

Công ty mẹ được thành lập tại Việt Nam theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103004335 ngày 15 tháng 02 năm 2006 và Giấy Chứng nhận điều chỉnh lần 10 ngày 30 tháng 10 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty mẹ được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Petrovietnam”).

Công ty mẹ có hai xí nghiệp trực thuộc và một chi nhánh hoạt động tại nước ngoài với thông tin chi tiết như sau:

- Xí nghiệp Điều hành Khoan được thành lập theo Nghị quyết ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Hội đồng Quản trị và Quyết định số 1249/QĐ-PVD ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Tổng Giám đốc về việc chuyển đổi Ban điều hành Khoan thành Xí nghiệp Điều hành Khoan và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0302495126-007 ngày 16 tháng 3 năm 2010 thay thế cho Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4113028028 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của Xí nghiệp Điều hành Khoan đặt tại Lầu 3, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Xí nghiệp Dịch vụ Đầu tư Khoan Dầu khí (gọi tắt là “PVD Invest”) được thành lập theo Quyết định số 06/12/QĐ-HĐQT ngày 30 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng Quản trị và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0302495126 ngày 18 tháng 01 năm 2010 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh ngày 19 tháng 5 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của PVD Invest đặt tại Lầu 3, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Chi nhánh Algeria được thành lập theo Quyết định số 13/QĐ-HĐQT ngày 02 tháng 3 năm 2006 của Hội đồng Quản trị và Giấy Chứng nhận thành lập số 04/STM-TT.TNNN ngày 23 tháng 3 năm 2006 do Sở Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của Chi nhánh Algeria đặt tại Cité Si El, Houas, No. 02, Villa No. 101, Hassi Messaoud, Ouargla, Algeria. Chi nhánh Algeria thuộc sự quản lý và điều hành trực tiếp của Xí nghiệp Điều hành Khoan.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 lần lượt là 457 người và 2.072 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 434 người và 1.724 người).

Các công ty con

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển PVD (gọi tắt là “PVD Offshore”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3500803145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 01 tháng 9 năm 2009 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Offshore đặt tại Số 43A, Đường 30 tháng 4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Theo Quyết định số 358/QĐ-PVD ngày 22 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng Quản trị, Công ty mẹ quyết định tăng vốn điều lệ của PVD Offshore từ 80 tỷ đồng lên 130 tỷ đồng. Số vốn tăng thêm đã được Công ty mẹ góp đủ tại ngày 12 tháng 8 năm 2014.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

MẪU SỐ B 09-DN/HN

1.THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Giếng khoan Dầu khí PVD (gọi tắt là “PVD Well”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4104001468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 8 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Well đặt tại Phòng 13, Lầu 12A, Tòa nhà Vincom Center, Số 47, Đường Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Địa Vật lý Giếng khoan Dầu khí (gọi tắt là “PVD Logging”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4104001513 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 8 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Logging đặt tại Lầu 10, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD (trước đây là Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí, gọi tắt là “PVD Tech”) được chuyển đổi hình thức từ công ty trách nhiệm hữu hạn sang hình thức công ty cổ phần và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh số 0305124602 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 7 năm 2012. Trụ sở đăng ký của PVD Tech đặt tại Lầu 8, Tòa nhà Green Power, Số 35, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD (gọi tắt là “PVD Training”), trước đây là Công ty TNHH Cửu Long, là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3500677518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 12 tháng 8 năm 2011 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Training đặt tại Khu Công nghiệp Đông Xuyên, Đường 30 tháng 4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Khoan dầu khí Nước sâu PVD (gọi tắt là “PVD Deepwater”), là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0310139354 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 7 năm 2010 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Deepwater đặt tại Lầu 5, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. PVD Deepwater được ủy quyền của Tổng Công ty và các bên đối tác trong hợp đồng hợp tác kinh doanh (gọi tắt là “BCC”) bao gồm Petrovietnam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (“MBBank”) và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (“OceanBank”) để quản lý và điều hành dự án hợp tác góp vốn đầu tư đóng mới và kinh doanh giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (gọi tắt là “TAD” hay “PV Drilling V”). Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của dự án TAD được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 12.

Công ty PV Drilling Overseas Company Private Limited (gọi tắt là “PVD Overseas”) được thành lập tại Singapore theo Hợp đồng Liên doanh với Falcon Energy Group Limited và Giấy Đăng ký Doanh nghiệp số 201308977C ngày 04 tháng 4 năm 2013. Trụ sở đăng ký của PVD Overseas đặt tại Số 9 Temasek Boulevard, #31_00 Suntec Tower 2, Singapore. Theo Nghị quyết số 01/02/2014/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 02 năm 2014 của Hội đồng Quản trị, Công ty mẹ quyết định tăng tỷ lệ sở hữu trong PVD Overseas từ 55% lên 80%. Trong năm 2014, Công ty mẹ đã hoàn tất các thủ tục cần thiết cho việc tăng vốn đầu tư vào PVD Overseas và PVD Overseas chính thức trở thành công ty con của Công ty mẹ (năm 2013: PVD Overseas là công ty liên doanh đồng kiểm soát của Công ty mẹ).

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ, vốn điều lệ của các công ty con cùng tình hình góp vốn của Công ty mẹ vào các công ty con được trình bày cụ thể tại Thuyết minh số 15.

Các công ty liên doanh

Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ BJ - PV Drilling (gọi tắt là “BJ-PVD”) là một công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 492021000003 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 28 tháng 9 năm 2006 và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của BJ-PVD đặt tại Số 65A, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Vốn điều lệ của BJ-PVD là 5.000.000 Đô la Mỹ. Tổng Công ty hiện đang nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 49% tại Công ty này.

Công ty TNHH Liên doanh Kỹ thuật Giếng khoan PV Drilling và Baker Hughes (gọi tắt là “PVD-Baker Hughes”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 411022000556 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 01 năm 2011 và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD-Baker Hughes đặt tại Lầu 10, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Vốn điều lệ của PVD - Baker Hughes là 20 triệu Đô la Mỹ tương đương 370.880.000.000 đồng. Tổng Công ty hiện đang nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại Công ty này.

Công ty TNHH PV Drilling Expro International (trước đây là Công ty TNHH PV Drilling Production Testers International, gọi tắt là “PVD-Expro”) là một công ty liên doanh được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 491022000098 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 25 tháng 4 năm 2008 và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD-Expro đặt tại số 65A, đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Vốn điều lệ của PVD-Expro là 4 triệu Đô la Mỹ. Tổng Công ty hiện đang nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại Công ty này.

Công ty TNHH Vietubes (gọi tắt là “Vietubes”), được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 492022000111 do Ban Quản lý Khu công nghiệp Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 15 tháng 02 năm 1995 và sửa đổi ngày 28 tháng 5 năm 2012. Vốn điều lệ của Vietubes là 77.297.205.000 đồng, tương đương 3.707.300 Đô la Mỹ. Trụ sở đăng ký của Vietubes đặt tại Số 1, Đường 11, Khu Công nghiệp Đông Xuyên, Phường Rạch Dừa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tổng Công ty hiện đang nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại Công ty này.

Công ty TNHH Liên doanh PVD Tech-Oil States Industries (gọi tắt là “PVD-OSI”), được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 492022000217 do Ban Quản lý Khu công nghiệp Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 24 tháng 11 năm 2011. Trụ sở đăng ký của PVD - OSI đặt tại Đường số 11, Khu Công nghiệp Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vốn điều lệ của PVD - OSI là 105.000.000.000 đồng, tương đương 5 triệu Đô la Mỹ. Tổng Công ty hiện đang nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại Công ty này.

Công ty TNHH Cần ống Khoan Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “PVD Tubulars”) là một công ty liên doanh được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 492022000134 do Ban quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 07 tháng 10 năm 2008, và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Tubulars đặt tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Tổng vốn điều lệ của PVD Tubulars là 57.995.000.000 đồng tương đương 3,5 triệu Đô la Mỹ. Tổng Công ty hiện đang nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại Công ty này.

Tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty, vốn điều lệ của các công ty liên doanh cùng tình hình góp vốn của Tổng Công ty vào các công ty liên doanh được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 11.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

MẪU SỐ B 09-DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm cung cấp các loại hình dịch vụ khoan, dịch vụ giếng khoan, dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan, dịch vụ ứng cứu sự cố dầu tràn, cung ứng giàn khoan, vật tư, thiết bị khoan, cung ứng lao động cho các giàn khoan, tư vấn đầu tư - quản lý dự án, hoạt động tư vấn quản lý và cung cấp các dịch vụ khác liên quan đến ngành công nghiệp dầu khí.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tổng Công ty được trình bày bằng đồng Đô la Mỹ (“USD”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo được quy đổi từ báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng Đô la Mỹ sang Đồng Việt Nam (“VND”) theo nguyên tắc: tỷ giá sử dụng quy đổi từ USD sang VND đối với các khoản mục tài sản và công nợ (bao gồm cả số liệu so sánh) được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 21.246 VND/USD (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 21.036 VND/USD). Các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được quy đổi theo tỷ giá bình quân trong năm là 21.149 VND/USD (năm 2013: 20.935 VND/USD) và chỉ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Những thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho các quy định trong phần XIII của Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng các thông tư này đến các báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Tổng Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày lập báo cáo hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được ghi giảm vào phần lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số này có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

MẪU SỐ B 09-DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một nhóm thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thoả thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thoả thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các thoả thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc đồng kiểm soát và đồng sở hữu đối với tài sản được mua bởi các bên góp vốn liên doanh và được sử dụng cho mục đích liên doanh được gọi là tài sản được đồng kiểm soát. Tổng Công ty hạch toán phần vốn góp vào tài sản được đồng kiểm soát và các phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác theo tỷ lệ cam kết của thoả thuận liên doanh. Phần nợ phải trả phát sinh riêng được hạch toán toàn bộ vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty liên doanh được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên doanh. Lợi thế thương mại từ việc mua công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư khác, và các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm trị giá mua vào của hàng tồn kho và chi phí thu mua, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

MẪU SỐ B 09-DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Thiết bị văn phòng	3 - 4
Phương tiện vận tải	7
Tài sản khác	3 - 7

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Tổng Công ty là bên cho thuê: Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tổng Công ty là bên đi thuê: Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính và tài sản vô hình khác là giá trị lợi thế thương mại khi cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn không được khấu hao. Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất. Phần mềm máy tính và tài sản vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính lần lượt trong năm (5) năm và mười (10) năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Tài sản đang trong quá trình mua sắm phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào các công ty liên doanh và các khoản đầu tư dài hạn khác được hạch toán theo giá gốc ban đầu bao gồm giá trị vốn và các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại ngày lập báo cáo tài chính, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ và linh kiện phát sinh trong năm và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba (3) năm.

Ngoài ra, bao gồm trong khoản chi phí trả trước dài hạn là lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản của các giàn khoan, tài sản nhận về do sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư Khoan Dầu khí Việt Nam trước đây, được kết chuyển và phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm (5) năm kể từ ngày đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành (năm 2010).

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí trích trước cho hoạt động của các giàn khoan, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các khoản chi phí phải trả khác. Chi phí phải trả phản ánh giá trị các khoản đã trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được Tổng Công ty trích trước hàng năm căn cứ vào chu kỳ sửa chữa lớn định kỳ 3 năm và 5 năm 1 lần theo yêu cầu đặc thù kỹ thuật để đảm bảo duy trì hoạt động liên tục của các giàn khoan.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

MẪU SỐ B 09-DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm, doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành dịch vụ cung cấp.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính không được dùng để chia cho cổ đông.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi ngoại tệ của các tài khoản số dư bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ, bao gồm chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại trong quá trình xây dựng các giàn khoan được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” và được bắt đầu phân bổ vào kết quả kinh doanh trong năm (5) năm từ ngày đưa các giàn khoan này vào hoạt động.

Để lập báo cáo tài chính hợp nhất, tài sản và công nợ của các công ty con và chi nhánh ở nước ngoài được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ hạch toán theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của năm và chỉ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty. Chênh lệch tỷ giá này được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi công ty con hoặc chi nhánh ở nước ngoài chấm dứt hoạt động hoặc được thanh lý.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	4.755.577.164	4.368.525.084
Tiền gửi ngân hàng	979.949.207.994	933.294.367.093
Các khoản tương đương tiền	2.223.489.464.508	1.659.954.062.711
	3.208.194.249.666	2.597.616.954.888

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá ba tháng.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

MẪU SỐ B 09-DN/HN

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải thu chi phí trả hộ từ PVD-Baker Hughes	-	1.597.200.372
Phải thu lãi tiền gửi	6.334.856.082	14.553.504.168
Phải thu lãi được chia từ công ty liên doanh	64.861.807.170	102.549.048.516
Các khoản phải thu khác	26.479.123.506	18.294.588.480
	97.675.786.758	136.994.341.536

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Hàng mua đang đi đường	5.282.095.536	94.663.724.952
Nguyên liệu, vật liệu	716.463.709.602	574.812.149.904
Công cụ, dụng cụ	71.748.209.412	2.101.349.148
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	48.649.728.180	15.856.873.692
Hàng hoá	351.821.692.272	328.745.096.568
Hàng gửi đi bán	88.437.494.808	28.559.546.436
	1.282.402.929.810	1.044.738.740.700
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(56.597.623.074)	(1.029.585.984)
	1.225.805.306.736	1.043.709.154.716

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

MẪU SỐ B 09-DN/HN

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2014	335.922.853.236	16.025.236.664.304	47.127.623.952	73.598.337.660	1.143.622.140	16.483.029.101.292
Phân loại lại	918.894.552	297.946.659	11.139.011.001	(12.243.898.620)	(111.953.592)	-
Tăng trong năm	4.472.400.179	124.342.352.001	5.618.824.022	6.411.890.373	-	140.845.466.575
Đầu tư XDCB hoàn thành	8.964.955.355	19.114.085.518	-	-	-	28.079.040.873
Thanh lý	-	(6.382.429.816)	(1.835.183.326)	(1.369.270.856)	-	(9.586.883.998)
Chênh lệch tỷ giá	1.303.783.910	89.915.000.544	82.907.741	389.083.817	10.299.030	91.701.075.042
Tại ngày 31/12/2014	351.582.887.232	16.252.523.619.210	62.133.183.390	66.786.142.374	1.041.967.578	16.734.067.799.784
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2014	87.831.463.548	3.994.207.554.960	33.558.499.404	53.176.062.960	612.063.456	4.169.385.644.328
Phân loại lại	373.367.964	(255.987.047)	9.832.857.443	(9.950.238.360)	-	-
Khấu hao trong năm	18.836.039.615	1.020.811.958.827	5.467.756.715	7.099.402.065	277.496.029	1.052.492.653.251
Thanh lý	-	(5.785.034.013)	(354.668.730)	(2.803.469.142)	-	(8.943.171.885)
Chênh lệch tỷ giá	(606.569.591)	19.879.701.703	(22.751.266)	303.859.563	7.382.897	19.561.623.306
Tại ngày 31/12/2014	106.434.301.536	5.028.858.194.430	48.481.693.566	47.825.617.086	896.942.382	5.232.496.749.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2014	245.148.585.696	11.223.665.424.780	13.651.489.824	18.960.525.288	145.025.196	11.501.571.050.784
Tại ngày 31/12/2013	248.091.389.688	12.031.029.109.344	13.569.124.548	20.422.274.700	531.558.684	12.313.643.456.964

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

MẪU SỐ B 09-DN/HN

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá thể hiện khoản chênh lệch tỷ giá trong quá trình chuyển đổi báo cáo tài chính của chi nhánh Algeria và các công ty con từ giá gốc tài sản thể hiện bằng Dinar Algeria và đồng Việt Nam sang Đô la Mỹ và quy đổi báo cáo tài chính hợp nhất từ đồng Đô la Mỹ sang đồng Việt Nam.

Như trình bày tại Thuyết minh số 21, Tổng Công ty đã thế chấp một số tài sản là giàn PV Drilling II, PV Drilling III, PV Drilling V và các máy móc thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 9.657.941.815.962 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 10.309.338.706.538 đồng) để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 với giá trị là 279.905.958.150 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 188.747.655.672 đồng).

Khấu hao tài sản cố định hữu hình trong năm bao gồm 2.289.554.798 đồng là hao mòn tài sản cố định đầu tư, mua sắm bằng Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ sử dụng cho mục đích nghiên cứu, phát triển khoa học và công nghệ (năm 2013: 0 đồng).

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2014	128.780.667.048	50.282.477.016	33.715.995.936	212.779.140.000
Tăng trong năm	55.228.033.322	8.077.479.868	-	63.305.513.190
Chênh lệch tỷ giá	1.285.590.388	505.251.770	336.582.960	2.127.425.118
Tại ngày 31/12/2014	185.294.290.758	58.865.208.654	34.052.578.896	278.212.078.308
Tại ngày 01/01/2014	12.536.172.804	27.443.018.664	21.667.626.936	61.646.818.404
Khấu hao trong năm	3.158.587.373	6.542.355.367	5.916.686.538	15.617.629.278
Chênh lệch tỷ giá	135.228.012	284.252.951	243.446.161	662.927.124
Tại ngày 31/12/2014	15.829.988.189	34.269.626.982	27.827.755.848	77.927.374.806
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2014	169.464.302.569	24.595.581.672	6.224.823.048	200.284.703.502
Tại ngày 31/12/2013	116.244.494.244	22.839.458.352	12.048.369.000	151.132.321.596

Chênh lệch tỷ giá thể hiện khoản chênh lệch tỷ giá trong quá trình chuyển đổi báo cáo tài chính của chi nhánh Algeria và các công ty con từ giá gốc tài sản thể hiện bằng Dinar Algeria và đồng Việt Nam sang Đô la Mỹ và quy đổi báo cáo tài chính hợp nhất từ đồng Đô la Mỹ sang đồng Việt Nam.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

MẪU SỐ B 09-DN/HN

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang theo hạng mục:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Xây dựng cơ bản giàn PV Drilling VI	1.415.866.541.268	-
Xây dựng cơ bản hình thành thiết bị khoan	45.022.292.370	-
Phí bản quyền phần mềm quản lý nhân sự	173.707.296	171.990.336
Các công trình xây dựng cơ bản khác	15.334.045.548	17.476.014.612
	1.476.396.586.482	17.648.004.948

Dự án đầu tư xây dựng giàn khoan PV Drilling VI có tổng dự toán chi phí đầu tư được duyệt là 226,7 triệu Đô la Mỹ.

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH

Tóm tắt các thông tin tài chính liên quan đến các công ty liên doanh của Tổng Công ty:

Tên công ty liên doanh	Vốn điều lệ đăng ký USD	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn điều lệ đã góp USD	Giá gốc khoản đầu tư	
				31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
BJ-PVD	5.000.000	49	2.450.000	48.039.113.955	48.039.113.955
PVD-Expro	4.000.000	51	2.040.000	34.238.560.029	34.238.560.029
PVD Tubulars	3.500.000	51	1.785.000	30.515.952.000	30.548.750.000
PVD-Baker Hughes	20.000.000	51	10.200.000	211.753.000.000	211.753.000.000
Vietubes	3.707.300	51	1.890.723	86.637.631.068	86.637.631.068
PVD Overseas	-	-	-	-	401.575.170.000
PVD-OSI	5.000.000	51	2.550.000	53.111.400.000	53.111.400.000

Giá trị các khoản đầu tư tại các công ty liên doanh ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
BJ-PVD	88.242.597.389	70.989.600.192
PVD-Expro	107.664.487.428	65.118.515.700
PVD Tubulars	62.682.647.442	37.549.260.000
PVD-Baker Hughes	216.709.200.000	214.567.200.000
Vietubes	95.100.558.528	94.373.217.792
PVD Overseas	-	403.512.552.000
PVD-OSI	63.032.768.707	55.554.834.876
	633.432.259.494	941.665.180.560

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH (tiếp theo)

Biến động giá trị khoản đầu tư vào các công ty liên doanh trong năm như sau:

	Tại ngày 01/01/2014	Góp vốn trong năm	Phân loại khoản đầu tư	Lợi nhuận trong liên doanh	Phân bổ lợi thế thương mại	Lợi nhuận được chia	giá do chuyển đổi báo cáo	Tại ngày 31/12/2014
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
BU PVD	70.989.600.192	-	-	36.159.904.581	-	(19.664.121.659)	757.214.275	88.242.597.389
PVD Expro	65.118.515.700	25.290.010.968	-	48.135.906.513	-	(22.205.071.087)	(8.674.874.666)	107.664.487.428
PVD Tubulars	37.549.260.000	-	-	31.716.584.277	-	-	(6.583.196.835)	62.682.647.442
PVD Baker -Hughes	214.567.200.000	-	-	166.935.141.908	-	(166.935.141.908)	2.142.000.000	216.709.200.000
Vietubes	94.373.217.792	-	-	12.688.990.784	(2.570.323.926)	(8.538.758.569)	(852.567.553)	95.100.558.528
PVD Overseas	403.512.552.000	414.145.005.250	(817.657.557.250)	-	-	-	-	-
PVD-OSI	55.554.834.876	-	-	7.865.989.868	-	-	(388.056.037)	63.032.768.707
	941.665.180.560	439.435.016.218	(817.657.557.250)	303.502.517.931	(2.570.323.926)	(217.343.093.223)	(13.599.480.816)	633.432.259.494

Phân loại khoản đầu tư thể hiện việc chuyển liên doanh PVD Overseas thành công ty con của Tổng Công ty trong năm 2014 như trình bày tại Thuyết minh số 1.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, báo cáo tài chính của PVD-Baker Hughes cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 vẫn chưa chính thức được phê duyệt bởi Hội đồng Thành viên của liên doanh nên phần lợi nhuận của năm 2014 của Tổng Công ty trong liên doanh này vẫn chưa được xác định một cách chắc chắn, do đó chưa được ghi nhận.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

12. HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH - BCC

Tổng Công ty cùng với Petrovietnam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (gọi tắt là “MBBank”) và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (gọi tắt là “OceanBank”) hợp tác cùng tham gia dự án góp vốn đầu tư đóng mới và kinh doanh giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (giàn khoan “TAD” hay giàn khoan “PV Drilling V”) với thời hạn hợp đồng hợp tác kinh doanh (“BCC”) là 17 năm tính từ ngày 10 tháng 9 năm 2009. Theo thỏa thuận giữa các bên, Tổng Công ty được ủy quyền quản lý và điều hành dự án cũng như thực hiện hạch toán kết quả hoạt động kinh doanh của hợp đồng hợp tác kinh doanh và phân chia lợi nhuận cho các bên theo tỷ lệ vốn góp.

Tỷ lệ vốn góp của các bên theo thỏa thuận tại hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

	Tỷ lệ góp %
Phần vốn góp của Petrovietnam	23,00
Phần vốn góp của Tổng Công ty	62,43
Phần vốn góp của MBBank	9,71
Phần vốn góp của OceanBank	4,86

Tình hình tài chính của hợp đồng hợp tác kinh doanh này được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tổng tài sản	3.975.038.627.418	4.293.963.498.959
Trong đó: Giá trị còn lại của giàn khoan PV Drilling V	3.239.518.502.053	3.514.306.725.494

Phần vốn thực góp của đối tác trong BCC bao gồm Petrovietnam, MBBank và OceanBank nhằm ứng vốn tham gia dự án hợp tác góp vốn đầu tư đóng mới và kinh doanh giàn khoan TAD được ghi nhận là phải trả dài hạn khác. Số dư khoản phải trả dài hạn khác này tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Petrovietnam	278.173.894.859	278.173.894.859
MBBank	133.229.238.748	133.229.238.748
OceanBank	68.756.768.760	68.756.768.760
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	16.323	42.886.648.377
	480.159.918.690	523.046.550.744

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

MẪU SỐ B 09-DN/HN

12. HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH - BCC (tiếp theo)

Tình hình hoạt động kinh doanh và phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ vốn góp năm 2014 và năm 2013 như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Doanh thu	1.629.815.284.468	1.603.529.962.832
Giá vốn	1.131.888.440.625	910.435.010.632
Chi phí quản lý	112.485.359.207	247.692.312.663
Chi phí tài chính	121.774.304.403	144.934.005.298
Doanh thu tài chính	14.300.891.336	4.546.563.976
Lợi nhuận/(Lỗ) khác	2.845.837.960	(54.658.162.962)
Lợi nhuận thuần	280.813.909.529	250.357.035.253
Điều chỉnh cho các khoản chi phí không thuộc BCC	13.986.968.892	18.187.940.649
Lợi nhuận phân phối cho liên doanh	294.800.878.421	268.544.975.902
<i>Phân chia theo tỷ lệ vốn góp</i>		
Tổng Công ty	170.057.188.701	149.464.687.807
Các bên BCC khác:	110.756.720.828	100.892.347.446
<i>Petrovietnam</i>	67.804.202.037	61.765.344.457
<i>MBBank</i>	28.625.196.100	26.075.717.160
<i>OceanBank</i>	14.327.322.691	13.051.285.829

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 chưa được kiểm tra và quyết toán bởi các bên trong BCC. Do đó, Tổng Công ty tạm thời ghi nhận kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận cho các bên trong BCC theo tỷ lệ góp vốn.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá giai đoạn xây dựng cơ bản	-	28.088.297.964
Chi phí trả trước dài hạn cho giàn PV Drilling II và III	-	2.625.944.916
Chi phí trả trước dài hạn cho giàn PV Drilling V	4.502.643.534	17.377.124.376
Chi phí trả trước dài hạn khác	9.297.185.862	19.481.502.708
	13.799.829.396	67.572.869.964

14. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả do Tổng Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm 2014 và 2013:

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2013	4.830.638.040	1.678.028.648	6.508.666.688
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	(6.214.931.580)	(410.954.050)	(6.625.885.630)
Chênh lệch tỷ giá do quy đổi báo cáo tài chính	(1.221.564)	15.300.998	14.079.434
Tại ngày 31/12/2013	(1.385.515.104)	1.282.375.596	(103.139.508)
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	8.887.737.879	(877.829.066)	8.009.908.813
Chênh lệch tỷ giá do quy đổi báo cáo tài chính	23.916.215	15.403.465	39.319.680
Tại ngày 31/12/2014	7.526.138.989	419.949.995	7.946.088.984

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON VÀ LỢI THỂ THƯƠNG MẠI

Thông tin chi tiết về tình hình góp vốn và giá trị khoản đầu tư vào các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Tên công ty con	Vốn điều lệ đăng ký (nguyên tệ)	Tổng vốn các bên đã góp (nguyên tệ)	Giá gốc khoản đầu tư		Tỷ lệ sở hữu %
			31/12/2014 VND	31/12/2013 VND	
PVD Offshore	130.000.000.000 VND	130.000.000.000 VND	6.748.980	80.000.000.000	100
PVD Well	80.000.000.000 VND	80.000.000.000 VND	4.081.469	80.000.000.000	100
PVD Logging	80.000.000.000 VND	80.000.000.000 VND	4.236.959	80.000.000.000	100
PVD Tech	200.000.000.000 VND	200.000.000.000 VND	10.324.805	200.000.000.000	100
PVD Training	28.958.670.000 VND	28.958.670.000 VND	1.096.066	19.755.753.400	51,79
PVD DeepWater	764.000.000.000 VND	764.000.000.000 VND	39.692.090	764.000.000.000	100
PVD Drilling Overseas	41.961.000 USD	51.141.000 USD	41.728.800	-	81,60
			107.909.169	1.223.755.753.400	

Như trình bày tại Thuyết minh số 1, trong năm 2014, PVD Overseas đã chính thức trở thành công ty con của Công ty mẹ (năm 2013: PVD Overseas là công ty liên doanh của Công ty mẹ).

Theo Quyết định số 358/QĐ-PVD ngày 22 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng Quản trị, Công ty mẹ quyết định tăng vốn điều lệ của PVD Offshore từ 80 tỷ đồng lên 130 tỷ đồng. Số vốn tăng thêm đã được Công ty mẹ góp đủ tại ngày 12 tháng 8 năm 2014.

Vào ngày 12 tháng 8 năm 2007, Công ty mẹ đã mua 51% quyền sở hữu tại PVD Training, trước đây là Công ty TNHH Cửu Long, với giá mua là 6.790.091.000 đồng (tương đương 388.501 Đô la Mỹ). Nghiệp vụ mua này tạo ra một khoản lợi thể thương mại cho Tổng Công ty với số tiền là 238.874 Đô la Mỹ (tương đương 4.285.636.640 đồng).

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Tình hình tăng giảm lợi thể thương mại trong năm như sau:

	31/12/2014 VND
Giá trị lợi thể thương mại tại thời điểm đầu tư	4.285.636.640
Chênh lệch tỷ giá do quy đổi báo cáo tài chính	789.480.364
Giá trị lợi thể thương mại tại ngày 01/01/2014 và 31/12/2014	5.075.117.004

GIÁ TRỊ PHÂN BỐ LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2014	3.517.471.632
Phân bổ trong năm	505.186.163
Chênh lệch tỷ giá do quy đổi báo cáo tài chính	37.431.559
Tại ngày 31/12/2014	4.060.089.354

GIÁ TRỊ LỢI THỂ THƯƠNG MẠI CÒN LẠI

Tại ngày 31/12/2014	1.015.027.650
Tại ngày 31/12/2013	1.507.481.832

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay ngắn hạn	2.578.180.854	118.165.060.008
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 21)	1.152.196.776.318	1.711.302.875.544
Chênh lệch tỷ giá do quy đổi báo cáo tài chính	1.858.833.786	-
	1.156.633.790.958	1.829.467.935.552

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	211.305.683.574	214.422.009.528
Thuế nhập khẩu	3.845.526	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	154.506.265.992	69.312.757.524
Thuế thu nhập cá nhân	41.085.259.848	52.453.160.820
Các loại thuế khác	66.967.200.786	44.431.502.940
	473.868.255.726	380.619.430.812

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước trong năm của Tổng Công ty như sau:

	01/01/2014 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Chênh lệch tỷ giá do quy đổi báo cáo tài chính VND	31/12/2014 VND
Thuế giá trị gia tăng	214.422.009.528	1.291.654.681.619	1.294.821.885.773	50.878.200	211.305.683.574
Thuế nhập khẩu	-	52.194.843.742	52.200.290.824	9.292.608	3.845.526
Thuế thu nhập doanh nghiệp	68.914.335.684	647.976.507.156	562.198.100.532	(186.476.316)	154.506.265.992
Thuế thu nhập cá nhân	52.453.160.820	618.005.799.586	630.530.079.430	1.156.378.872	41.085.259.848
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	2.945.806	2.945.806	-	-
Thuế môn bài	-	23.000.000	23.000.000	-	-
Các loại thuế khác	44.431.502.940	976.148.506.624	956.125.088.002	2.512.279.224	66.967.200.786
	380.221.008.972	3.586.006.284.533	3.495.901.390.367	3.542.352.588	473.868.255.726
Trong đó:					
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	(398.421.840)				-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	380.619.430.812				473.868.255.726

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Trích trước chi phí hoạt động của các giàn khoan	827.513.003.520	976.915.331.976
Trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	430.592.278.326	208.848.542.364
Trích trước chi phí liên quan đến hoạt động cung ứng hàng hóa và dịch vụ	414.018.762.384	250.183.903.716
Trích trước chi phí lãi vay	31.536.648.822	40.264.734.132
Các khoản khác	119.219.591.940	77.695.666.632
	1.822.880.284.992	1.553.908.178.820

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được trích mỗi năm căn cứ vào giá trị ước tính phải trả liên quan đến chi phí sửa chữa lớn định kỳ cho các giàn khoan của Tổng Công ty.

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Lợi nhuận phải trả các bên BCC	215.307.920.070	158.851.229.364
Phải trả Petrovietnam - Nợ vay với Ngân hàng Standard Chartered đã thanh toán hộ cho PVD Deepwater theo Hợp đồng BCC	-	101.016.533.844
Các khoản phải trả khác	38.961.382.212	52.790.283.756
	254.269.302.282	312.658.046.964

20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013, khoản dự phòng phải trả ngắn hạn thể hiện quỹ lương dự phòng đã trích với tỷ lệ 17% quỹ lương được duyệt cho các giàn khoan theo quyết định của Tổng Công ty.

21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Các khoản vay dài hạn	4.247.999.962.182	5.494.783.520.592
Vay dài hạn đến hạn trả	(1.152.196.776.318)	(1.711.302.875.544)
	3.095.803.185.864	3.783.480.645.048

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

MẪU SỐ B 09-DN/HN

21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank")	304.452.423.851	588.139.134.542
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	1.750.421.333.142	2.216.947.794.972
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) ("HSBC")	122.164.500.000	604.785.000.000
MBBank và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam ("Vietinbank")	841.239.619.200	984.365.462.772
MBBank và OceanBank	301.057.510.695	350.070.542.436
Ngân hàng Standard Chartered ("SC Bank")	505.603.413.021	747.626.451.930
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á ("Seabank")	424.920.000.000	-
Chênh lệch tỷ giá do quy đổi báo cáo tài chính	(1.858.837.727)	2.849.133.940
	4.247.999.962.182	5.494.783.520.592

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Thông tin chi tiết của các hợp đồng vay như sau:

Ngân hàng	Mục đích tài trợ xây dựng	Lãi suất %	Hình thức đảm bảo	Dư nợ 31/12/2014	Đơn vị tiền tệ
Vietcombank	Giàn PVDrilling I	SIBOR 6 tháng + biên	Petrovietnam bảo lãnh	-	USD
BIDV - đồng tài trợ	Giàn PVDrilling II	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Giàn PV Drilling II	76.388.277	USD
BIDV	Giàn PVDrilling III	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Không có	6.000.000	USD
HSBC - đồng tài trợ	Giàn PVDrilling III	LIBOR 3 tháng + biên	Petrovietnam bảo lãnh và giàn PV Drilling III	5.750.000	USD
MBBank và Vietinbank	Giàn PVDrilling V	SIBOR 6 tháng + biên	Giàn PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	39.595.200	USD
SC Bank	Giàn PVDrilling V	LIBOR 6 tháng + biên	Giàn PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	7.200.000	USD
MBBank và OceanBank	Giàn PVDrilling V	LIBOR 6 tháng + biên	Giá trị giàn PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	14.081.267	USD
Vietcombank	Giàn PVDrilling V	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Giá trị giàn PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	10.969.429	USD
SC Bank	Giàn PVDrilling V	LIBOR 6 tháng + biên	Giàn PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	16.493.556	USD
Vietcombank	Mua sắm máy móc thiết bị	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Tài sản hình thành từ dự án	15.457.802.423	VND
Vietcombank	Mua sắm máy móc thiết bị	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Tài sản hình thành từ dự án	1.078.984	USD
Vietcombank	Đầu tư mua mới thiết bị kéo thả ống chống	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Tài sản hình thành từ dự án	1.471.095	USD
Seabank	Giàn PVDrilling VI	LIBOR 3 tháng + biên	Giàn PV Drilling VI tương ứng với tỷ lệ cho vay	20.000.000	USD

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

MẪU SỐ B 09-DN/HN

21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Trong vòng một năm	1.152.196.776.318	1.711.302.875.544
Trong năm thứ hai	951.570.840.810	1.141.943.951.028
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.933.190.366.832	2.148.075.804.756
Sau năm năm	211.041.978.222	493.460.889.264
	4.247.999.962.182	5.494.783.520.592
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(1.152.196.776.318)	(1.711.302.875.544)
Số phải trả sau 12 tháng	3.095.803.185.864	3.783.480.645.048

22. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Theo Điều lệ của Tổng Công ty, Tổng Công ty được trích lập Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ với tỷ lệ tối đa 10% lợi nhuận tính thuế để phát triển các hoạt động khoa học công nghệ. Tình hình trích lập và sử dụng quỹ Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ trong năm như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Số dư đầu năm	551.976.478.032	325.704.431.648
Số quỹ được trích lập	318.514.438.540	224.625.921.217
Số quỹ đã sử dụng	(622.340.135)	(311.682.819)
Khấu hao tài sản cố định trừ vào quỹ	(2.289.554.798)	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo	3.282.004.467	1.957.807.986
Số dư cuối năm	870.861.026.106	551.976.478.032

Số dư Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm giá trị còn lại của các tài sản cố định đã hình thành từ quỹ này là 14.052.984.775 đồng (Nguyên giá: 16.342.539.573 đồng). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, số dư Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ khả dụng là 856.808.041.331 đồng (tương đương 40.324.936 Đô la Mỹ).

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

MẪU SỐ B 09-DN/HN

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh lần 10, vốn điều lệ của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 3.030.733.500.000 đồng. Số cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty:

	31/12/2014		31/12/2013	
	Số lượng cổ phần	VND	Số lượng cổ phần	VND
Số cổ phần được duyệt	303.073.350	3.030.733.500.000	275.528.695	2.755.286.950.000
Số cổ phần đã phát hành				
Cổ phần phổ thông	282.921.350	2.829.213.500.000	235.528.695	2.355.286.950.000
Cổ phần phổ thông bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu	20.152.000	201.520.000.000	40.000.000	400.000.000.000
	303.073.350	3.030.733.500.000	275.528.695	2.755.286.950.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phần phổ thông	(36.450)	(364.500.000)	(270.580)	(2.705.800.000)
	(36.450)	(364.500.000)	(270.580)	(2.705.800.000)
Số cổ phần hiện đang lưu hành				
Cổ phần phổ thông	282.884.900	2.828.849.000.000	235.258.115	2.352.581.150.000
Cổ phần phổ thông bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu	20.152.000	201.520.000.000	40.000.000	400.000.000.000
	303.036.900	3.030.369.000.000	275.258.115	2.752.581.150.000

Cổ phần phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Tổng Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng Công ty.

Cổ phần phổ thông bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu có mệnh giá là 10.000 đồng. Các cổ phần phổ thông bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu này phải chịu hạn chế mà theo đó cổ đông nắm giữ các cổ phần này không được bán lại các cổ phần mà họ nắm giữ trong vòng từ 1 năm đến 3 năm đầu tiên kể từ ngày phát hành. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cổ phần phổ thông bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu bao gồm số cổ phần sở hữu của Petrovietnam bị hạn chế 3 năm kể từ ngày 18 tháng 7 năm 2013.

Cổ đông sáng lập đồng thời là cổ đông chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là Petrovietnam hiện sở hữu 152.711.035 cổ phần, tương ứng 50,39% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 138.828.214 cổ phần, tương ứng 50,44%) tổng số cổ phần đang lưu hành của Tổng Công ty.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Vốn đầu tư VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2013	2.105.082.150.000	1.382.130.231.854	(15.407.860.950)	-	673.496.144.515	554.469.675.707	262.334.966.772	2.030.031.173.478	6.992.136.471.376
Cổ tức công bố	250.204.800.000	-	-	-	-	-	-	(500.442.435.000)	(250.237.635.000)
Vốn góp	400.000.000.000	1.063.919.696.000	-	-	-	-	-	-	1.463.919.696.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	9.689.831.711	-	-	-	9.689.831.711
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	1.993.165.265.135	1.993.165.265.135
Phân phối quỹ	-	-	-	-	-	184.562.622.859	75.894.660.620	(521.121.577.535)	(260.664.304.056)
Phân phối cho lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	-	(8.875.100.160)	(8.875.100.160)
Phân phối cho các bên BCC	-	-	-	-	-	-	-	(100.892.347.446)	(100.892.347.446)
Thường cổ phiếu quỹ	-	-	3.444.307.759	-	-	(3.444.307.759)	-	-	-
Tại ngày 31/12/2013	2.755.286.950.000	2.446.049.927.854	(11.963.553.191)	(11.963.553.191)	683.185.976.226	735.587.990.807	338.229.607.392	2.891.864.978.472	9.838.241.877.560
Cổ tức công bố	275.446.550.000	-	-	-	-	-	-	(826.431.040.000)	(550.984.490.000)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	(364.500.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	101.838.530.014	(981.668.041)	(490.837.103)	3.229.579.469	103.595.604.339
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	2.539.982.464.388	2.539.982.464.388
Phân phối quỹ	-	-	-	-	-	236.672.637.933	46.936.790.473	(614.574.987.657)	(330.965.559.251)
Phân phối cho lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	-	(9.816.794.777)	(9.816.794.777)
Phân phối cho các bên BCC	-	-	-	-	-	-	-	(110.756.720.828)	(110.756.720.828)
Thường cổ phiếu quỹ	-	(11.963.553.191)	11.963.553.191	-	-	-	-	-	-
Điều chỉnh giảm khác	-	-	-	-	-	-	(53.908.801)	(303.953.428)	(357.862.229)
Tại ngày 31/12/2014	3.030.733.500.000	2.434.086.374.663	(364.500.000)	(364.500.000)	785.024.506.240	971.278.960.699	384.621.651.961	3.873.193.525.639	11.478.574.019.202

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Theo Nghị quyết số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2014, Tổng Công ty thực hiện chia cổ tức năm 2013 với tỷ lệ 30% vốn điều lệ, trong đó 20% bằng tiền mặt và 10% bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty đã thực hiện việc chia 20% cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông với số tiền là 25.953.108 Đô la Mỹ, tương đương 550.984.490.000 đồng. Tổng Công ty cũng tăng vốn điều lệ thêm 12.980.516 Đô la Mỹ, tương đương 275.446.550.000 đồng từ việc thanh toán 10% cổ tức năm 2013 bằng cổ phiếu.

Trong năm 2014, Tổng Công ty đã tạm trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng và phúc lợi, quỹ khen thưởng Ban điều hành và quỹ dự phòng tài chính với tỷ lệ lần lượt là 10%, 12,5%, 1,5% và 5% từ lợi nhuận sau thuế trong năm theo Điều lệ của Tổng Công ty. Số liệu cuối cùng đối với việc trích lập các quỹ sẽ được cổ đông xác định và phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

Theo Nghị quyết số 01/12/2014/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 12 năm 2014, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty phê duyệt phương án mua lại 2 triệu cổ phiếu quỹ từ nguồn vốn quỹ đầu tư phát triển. Thời gian dự kiến giao dịch không quá 6 tháng kể từ ngày được Hội đồng Quản trị phê duyệt.

Chênh lệch tỷ giá thể hiện khoản chênh lệch tỷ giá trong quá trình chuyển đổi báo cáo tài chính của chi nhánh Algeria và các công ty con từ giá gốc tài sản thể hiện bằng Dinar Algeria và đồng Việt Nam sang Đô la Mỹ và quy đổi báo cáo tài chính hợp nhất từ đồng Đô la Mỹ sang đồng Việt Nam.

Chi tiết chênh lệch tỷ giá hối đoái ("CLTG") như sau:

	CLTG từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động nước ngoài (Chi nhánh Algeria) VND	CLTG từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính của các công ty con VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2013	(1.892.121.031)	675.388.265.546	673.496.144.515
Phát sinh trong năm	(5.452.876.645)	15.142.708.356	9.689.831.711
Tại ngày 31/12/2013	(7.344.997.676)	690.530.973.902	683.185.976.226
Phát sinh trong năm	(12.480.469.029)	114.318.999.043	101.838.530.014
Tại ngày 31/12/2014	(19.825.466.705)	804.849.972.945	785.024.506.240

24. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của PVD Training và PVD Overseas.

Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số tại PVD Training và PVD Overseas tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 được xác định như sau:

	PVD Training VND	PVD Overseas USD
Vốn điều lệ của công ty con	28.958.670.000	51.141.000
Trong đó:		
Vốn phân bổ cho Công ty mẹ	14.996.960.000	41.728.800
Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số	13.961.710.000	9.412.200
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	48,21%	18,40%

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

MẪU SỐ B 09-DN/HN

24. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ (tiếp theo)

Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số tại PVD Training và PVD Overseas tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 được xác định như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tổng tài sản	1.719.005.230.024	190.751.077.396
Tổng nợ phải trả	(560.799.003.138)	(129.429.348.743)
Tài sản thuần	1.158.206.226.886	61.321.728.653

Chi tiết như sau:

Vốn điều lệ	1.115.500.356.000	28.958.670.000
Thặng dư vốn cổ phần	312.482.400	312.482.400
Các quỹ khác	11.232.634.935	8.178.412.575
Lợi nhuận chưa phân phối	31.160.753.551	23.872.163.678

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Lợi ích của cổ đông thiểu số	234.522.887.454	29.564.751.696

Chi tiết như sau:

PVD Training		
Vốn điều lệ	13.961.710.000	13.961.710.000
Thặng dư vốn cổ phần	150.655.698	150.655.698
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	4.976.385.517	(10.149.041)
Các quỹ khác	3.953.158.872	3.953.158.872
Lợi nhuận chưa phân phối	11.509.376.167	11.509.376.167
PVD Overseas		
Vốn điều lệ đã góp	199.971.601.200	-

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Lợi nhuận trong năm	20.361.482.395	18.408.276.985
Lợi nhuận của cổ đông thiểu số	9.816.794.777	8.875.100.160

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

MẪU SỐ B 09-DN/HN

25. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động bao gồm bộ phận cung cấp dịch vụ khoan, bộ phận thương mại và bộ phận cung cấp các dịch vụ khác. Tổng Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận cung cấp dịch vụ khoan (gọi tắt là "Dịch vụ khoan"): cung ứng giàn khoan và dịch vụ khoan.
- Bộ phận thương mại (gọi tắt là "Thương mại"): cung ứng vật tư, thiết bị khoan.
- Bộ phận cung cấp các dịch vụ khác (gọi tắt là "Dịch vụ khác"): cung cấp dịch vụ giếng khoan, dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan, dịch vụ ứng cứu sự cố dầu tràn, cung ứng lao động cho các giàn khoan, tư vấn đầu tư - quản lý dự án, hoạt động tư vấn quản lý, và cung cấp các dịch vụ khác liên quan đến ngành công nghiệp dầu khí.

Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

MẪU SỐ B 09-DN/HN

25. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (tiếp theo)

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Tài sản	Dịch vụ khoan VND	Thương mại VND	Dịch vụ khác VND	Loại trừ VND	Tổng VND
Tài sản bộ phận	16.426.463.240.220	1.363.275.446.382	9.290.289.962.796	(3.775.268.176.242)	23.304.760.473.156
Tài sản không phân bổ					23.304.760.473.156
Tổng tài sản hợp nhất					
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	8.009.713.956.130	1.068.150.192.330	1.963.075.707.412	550.723.710.628	11.591.663.566.500
Nợ phải trả không phân bổ					
Tổng nợ phải trả hợp nhất					11.591.663.566.500

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Tài sản	Dịch vụ khoan VND	Thương mại VND	Dịch vụ khác VND	Loại trừ VND	Tổng VND
Tài sản bộ phận	14.990.634.982.680	1.366.671.034.164	8.050.593.676.332	(2.915.566.563.616)	21.492.333.129.560
Tài sản không phân bổ					21.492.333.129.560
Tổng tài sản hợp nhất					
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	14.033.113.454.328	1.072.144.967.400	(1.889.643.369.900)	(1.591.088.551.524)	11.624.526.500.304
Nợ phải trả không phân bổ					
Tổng nợ phải trả hợp nhất					11.624.526.500.304

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Dịch vụ khoan VND	Thương mại VND	Dịch vụ khác VND	Loại trừ VND	Tổng VND
Doanh thu gộp	12.928.276.855.252	1.742.433.159.858	7.454.990.501.563	(1.241.371.792.073)	20.884.328.724.600
Doanh thu thuần	12.928.276.855.252	1.742.433.159.858	7.454.990.501.563	(1.241.371.792.073)	20.884.328.724.600
Giá vốn hàng bán	10.327.830.076.632	1.649.705.221.315	5.838.362.316.248	(1.052.937.903.148)	16.762.959.711.047
Lợi nhuận gộp	2.600.446.778.620	92.727.938.543	1.616.628.185.315	(188.433.888.925)	4.121.369.013.553
Doanh thu hoạt động tài chính	31.200.125.697	20.040.686.655	995.914.700.408	(885.869.072.407)	161.286.440.353
Chi phí tài chính	187.299.075.883	14.198.338.852	93.793.298.269	(3.634.180.713)	291.656.532.291
Chi phí bán hàng	18.746.452.451	1.480.430.000	38.974.476.948	-	59.201.359.399
Chi phí quản lý doanh nghiệp	398.102.790.833	40.173.202.268	873.512.325.028	(188.965.955.467)	1.122.822.362.662
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.027.498.585.150	56.916.654.078	1.606.262.785.478	(881.702.825.152)	2.808.975.199.554
Thu nhập khác	50.562.986.902	1.913.117.391	72.935.287.360	(1.037.252.705)	124.374.138.948
Chi phí khác	3.676.351.819	2,492,642,289	48,541,523,184	-	54,710,517,292
Lợi nhuận/(lỗ) khác	46,886,635,083	(579,524,898)	24,393,764,176	(1,037,252,705)	69,663,621,656
Thu nhập từ đầu tư vào liên doanh					299,206,704,142
Lợi nhuận trước thuế	2,074,385,220,233	56,337,129,180	1,630,656,549,654	(882,740,077,857)	3,177,845,525,352
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					645,872,969,777
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(8,009,908,813)
Lợi nhuận sau thuế					2.539.982.464.388

25. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Dịch vụ khoan VND	Thương mại VND	Dịch vụ khác VND	Loại trừ VND	Tổng VND
Doanh thu gộp	9.561.718.606.855	1.136.919.033.825	5.344.999.636.750	(1.176.957.598.155)	14.866.679.679.275
Doanh thu thuần	9.561.718.606.855	1.136.919.033.825	5.344.999.636.750	(1.176.957.598.155)	14.866.679.679.275
Giá vốn hàng bán	7.163.681.432.595	1.066.955.603.665	4.191.420.425.250	(888.657.777.375)	11.533.399.684.135
Lợi nhuận gộp	2.398.037.174.260	69.963.430.160	1.153.579.211.500	(288.299.820.780)	3.333.279.995.140
Doanh thu hoạt động tài chính	15.717.621.170	17.543.383.455	651.498.079.270	(585.947.893.655)	98.811.190.240
Chi phí tài chính	260.648.454.080	9.071.051.760	83.352.220.995	(6.591.552.230)	346.480.174.605
Chi phí bán hàng	13.582.251.170	480.709.470	31.056.025.750	-	45.118.986.390
Chi phí quản lý doanh nghiệp	515.714.255.450	42.635.237.055	675.208.557.830	(287.799.767.370)	945.758.282.965
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.623.809.834.730	35.319.815.330	1.015.460.486.195	(579.856.394.835)	2.094.733.741.420
Thu nhập khác	11.168.613.150	2.464.824.095	49.662.865.335	-	63.296.302.580
Chi phí khác	67.722.757.110	1.989.536.790	19.063.515.675	-	88.775.809.575
Lợi nhuận/(lỗ) khác	(56.554.143.960)	475.287.305	30.599.349.660	-	(25.479.506.995)
Thu nhập từ đầu tư vào liên doanh					221.846.289.915
Lợi nhuận trước thuế	1.567.255.690.770	35.795.102.635	1.046.059.835.855	(579.856.394.835)	2.291.100.524.340
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					291.309.373.575
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					6.625.885.630
Lợi nhuận sau thuế					1.993.165.265.135

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Bộ phận theo khu vực địa lý

Tổng Công ty hiện nay chủ yếu hoạt động tại Việt Nam, đơn vị kinh doanh ngoài Việt Nam (Chi nhánh Algeria và công ty con PVD Overseas) có tài sản, doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh chiếm tỷ trọng không trọng yếu (dưới 10%) trong tổng tài sản, doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2014 VND	2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.511.322.873.025	539.473.135.730
Chi phí nhân công	3.849.538.230.630	3.059.271.640.525
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.065.820.727.731	1.103.264.409.330
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.873.463.723.550	6.315.324.346.685
Chi phí khác	995.132.656.857	439.987.817.555
Giá vốn thương mại	1.649.705.221.315	1.066.955.603.665
	17.944.983.433.108	12.524.276.953.490

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2014 VND	2013 VND
Lãi tiền gửi	99.336.387.722	62.175.966.055
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	61.950.052.631	36.635.224.185
	161.286.440.353	98.811.190.240

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2014 VND	2013 VND
Chi phí lãi vay	144.676.565.627	222.995.412.065
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	27.093.074.493	25.780.070.790
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	111.619.451.985	65.404.833.910
Lỗ do thanh lý khoản đầu tư tài chính dài hạn	13.460.957.818	-
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(17.745.005.003)	-
Chi phí tài chính khác	12.551.487.371	32.299.857.840
	291.656.532.291	346.480.174.605

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

MẪU SỐ B 09-DN/HN

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	3.177.845.525.352	2.291.100.524.340
Điều chỉnh cho các khoản:		
Thu nhập không chịu thuế	(374.298.560.954)	(615.398.812.020)
Các khoản chi phí không được khấu trừ	78.982.061.397	37.678.498.975
Thu nhập tính thuế	2.882.529.025.795	1.713.380.211.295
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	586.369.083.954	295.184.664.648
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung của các năm trước	61.607.423.202	(3.081.634.200)
Chênh lệch tỷ giá do quy đổi báo cáo tài chính	(2.103.537.379)	(793.656.873)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	645.872.969.777	291.309.373.575

Tổng Công ty chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất hiện hành 22%, ngoại trừ các ưu đãi thuế như sau:

- PVD Training có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế cho hoạt động đào tạo trong suốt quá trình kinh doanh, và thuế suất 22% cho các hoạt động khác. PVD Training được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong ba năm (từ năm 2007 đến năm 2009) và được miễn 50% trong bảy năm tiếp theo cho hoạt động đào tạo kỹ thuật (từ năm 2010 đến năm 2016), và được miễn thuế trong hai năm (năm 2005 và năm 2006) và được miễn 50% trong bảy năm tiếp theo (từ năm 2007 đến năm 2013) cho hoạt động đào tạo an toàn.
- PVD Tech có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ từ 15% đến 22% cho các hoạt động ưu đãi và hoạt động khác. PVD Tech được hưởng ưu đãi thuế đối với Dự án Xưởng thiết kế, chế tạo, bảo dưỡng, sửa chữa các kết cấu và các cụm thiết bị dầu khí như sau:
 - Đối với hoạt động sản xuất: Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 15% thu nhập chịu thuế trong 12 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh (năm 2008). PVD Tech được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 7 năm tiếp theo. Năm đầu tiên kinh doanh có lãi là năm 2009.
 - Đối với hoạt động dịch vụ: Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng là 20% thu nhập chịu thuế trong 10 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh (năm 2008). PVD Tech được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 6 năm tiếp theo. Năm đầu tiên kinh doanh có lãi là năm 2009.
- PVD Deepwater có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trong 15 năm từ Dự án đầu tư giàn khoan PV Drilling V (năm 2011). PVD Deepwater được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2012 đến năm 2015) và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2016 đến năm 2024).

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Năm 2014, Tổng Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung của các năm trước với số tiền là 61.607.423.202 đồng bao gồm các khoản thuế nộp Ngân sách Nhà nước liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp đã kê khai giảm 50% do niêm yết chứng khoán lần đầu giai đoạn 2004-2006 cho năm 2012 và năm 2013. Việc nộp thuế bổ sung được thực hiện theo Công văn số 14041/BTC-TCT ngày 03 tháng 10 năm 2014 của Tổng Cục thuế.

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Công ty mẹ	2.419.408.948.783	1.883.397.817.529
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.419.408.948.783	1.883.397.817.529
Số cổ phần phổ thông bình quân gia quyền	302.913.892	277.569.555
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.987	6.785

Cho mục đích trình bày số liệu so sánh với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty đã thực hiện trình bày lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 do Tổng Công ty đã phát hành 27.544.655 cổ phần trong tháng 8 năm 2014 để thanh toán 10% cổ tức năm 2013 như sau:

	Số cổ phần phổ thông bình quân gia quyền	Lãi suy giảm trên cổ phiếu (USD)
Số báo cáo trước đây	250.024.900	7.533
Điều chỉnh cho ảnh hưởng của việc phát hành thêm cổ phần chi trả cổ tức trong năm 2014	27.544.655	(748)
Số liệu trình bày lại	277.569.555	6.785

31. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi, Tổng Công ty chưa hoàn tất việc quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp cho chi nhánh ở Algeria theo các thủ tục quyết toán thuế của nước sở tại. Các thủ tục quyết toán thuế cho chi nhánh Algeria sẽ được thực hiện bởi cơ quan có thẩm quyền của Algeria khi Tổng Công ty hoàn tất dự án tại Algeria và các nghĩa vụ thuế sẽ được xác định vào thời điểm đó. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin rằng sẽ không phát sinh thêm khoản nợ thuế trọng yếu nào liên quan đến việc quyết toán thuế cho chi nhánh Algeria mà cần phải lập dự phòng thêm.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

MẪU SỐ B 09-DN/HN

32. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Cam kết thuê văn phòng, nhà kho và thuê đất

	2014 VND	2013 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm	56.429.063.883	44.536.511.885

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Trong vòng một năm	46.374.196.596	45.227.421.036
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	46.527.252.780	59.137.265.676
Sau năm năm	34.180.692.276	37.925.005.032
	127.082.141.652	142.289.691.744

Các khoản cam kết thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê văn phòng, nhà kho và thuê đất phải trả liên quan đến các hợp đồng thuê của Tổng Công ty với thời gian thuê trên 1 năm.

Cam kết thuê giàn khoan phục vụ hoạt động kinh doanh

Để phục vụ hoạt động kinh doanh, Tổng Công ty thuê các giàn khoan và cho khách hàng thuê lại theo hình thức thuê hoạt động. Tiền thuê được tính theo đơn giá thuê và số ngày hoạt động thực tế của các giàn khoan.

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 16 và 21 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, cổ phiếu quỹ, chênh lệch tỷ giá hối đoái, các quỹ dự trữ và lợi nhuận chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

MẪU SỐ B 09-DN/HN

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Các khoản vay	4.252.436.976.822	5.612.948.580.600
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(3.208.194.249.666)	(2.597.616.954.888)
Nợ thuần	1.044.242.727.156	3.015.331.625.712
Vốn chủ sở hữu	11.478.574.019.202	9.838.241.877.560
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	9%	31%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.208.194.249.666	2.597.616.954.888
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.792.838.844.966	4.038.187.246.692
Các khoản đầu tư khác	11.937.320.052	35.779.122.672
Các khoản ký quỹ	23.926.607.820	30.027.963.277
	8.036.897.022.504	6.701.611.287.529
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	4.252.436.976.822	5.612.948.580.600
Phải trả người bán và phải trả khác	2.906.807.990.628	2.453.807.138.676
Chi phí phải trả	1.822.880.284.992	1.553.908.178.820
	8.982.125.252.442	9.620.663.898.096

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

MẪU SỐ B 09-DN/HN

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tổng Công ty thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này trên cơ sở kiểm soát và cân đối dòng tiền (bao gồm dòng tiền ngoại tệ) và theo dõi sát sao thông tin trên thị trường để thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro phù hợp.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tuy nhiên, Tổng Công ty quản lý cân đối nguồn thu và chi ngoại tệ thông qua việc thỏa thuận các hợp đồng kinh tế trên cơ sở đối ứng nguồn ngoại tệ phải trả nhà cung cấp với phải thu khách hàng nên đảm bảo được các giao dịch thanh toán bằng ngoại tệ, hạn chế tối đa được rủi ro về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD) (các công ty con)	3.604.366.396.227	4.471.336.630.650	1.412.409.281.242	1.562.834.489.467
Đồng Việt Nam (VND) (Công ty mẹ)	327.933.209.810	331.097.893.827	4.190.611.515.762	2.391.902.719.408
Dinar Algeria (DZD)	8.857.252.341	17.310.581.845	18.915.301.840	53.341.575.481
Đô la Singapore (SGD)	27.248.088.835	13.441.657.219	7.146.287.047	360.294.652
Đồng Euro (EUR)	5.286.580.714	5.828.036.801	1.406.293.334	176.696.720
Krone Na Uy (NOK)	-	74.818.057	-	-
Bạt Thái (THB)	96.417.950	-	-	-
Bảng Anh (GBP)	520.209.879	1.337.941.977	3.304.497.931	247.354.541
Đô la Úc (AUD)	86.214.196	617.590.465	52.255.387	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty mẹ chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Việt Nam và các công ty con chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đô la Mỹ.

Tỷ lệ thay đổi 2% được Tổng Công ty sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Tổng Công ty về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Nếu đồng Việt Nam tăng/giảm 2% so với Đô la Mỹ thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ thay đổi như sau:

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

MẪU SỐ B 09-DN/HN

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tăng/giảm lợi nhuận ở Công ty mẹ	77.253.557.916	41.216.087.232
Giảm/tăng lợi nhuận ở các công ty con	43.839.142.300	58.170.042.824
Tăng/(giảm) lợi nhuận hợp nhất	33.414.415.616	(16.953.955.592)

Dựa trên sự phân tích tương tự cho các ngoại tệ khác thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Tổng Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất được Tổng Công ty đánh giá có thể xảy ra ở mức độ hợp lý là biến động tăng giảm trong lãi suất của các khoản vay thả nổi là tăng/giảm 30 điểm cơ bản. Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt năm tài chính tiếp theo, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 30 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ giảm/tăng 12.732.005.436 đồng (năm 2013: 16.484.356.536 đồng).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá mức độ rủi ro tín dụng. Tổng Công ty đánh giá rằng không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ các khách hàng lớn hoạt động trong lĩnh vực dầu khí và đáng tin cậy.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn. Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

MẪU SỐ B 09-DN/HN

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.208.194.249.666	-	-	3.208.194.249.666
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.792.838.844.966	-	-	4.792.838.844.966
Các khoản đầu tư khác	11.937.320.052	-	-	11.937.320.052
Các khoản ký quỹ	5.941.018.980	17.985.588.840	-	23.926.607.820
	8.018.911.433.664	17.985.588.840	-	8.036.897.022.504
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	1.156.633.790.958	2.808.284.870.898	287.518.314.966	4.252.436.976.822
Phải trả người bán và phải trả khác	2.906.807.990.628	-	-	2.906.807.990.628
Chi phí phải trả	1.822.880.284.992	-	-	1.822.880.284.992
	5.886.322.066.578	2.808.284.870.898	287.518.314.966	8.982.125.252.442
Chênh lệch thanh khoản thuần	2.132.589.367.086	(2.790.299.282.058)	(287.518.314.966)	(945.228.229.938)
31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.597.616.954.888	-	-	2.597.616.954.888
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.038.187.246.692	-	-	4.038.187.246.692
Các khoản đầu tư khác	20.000.000.000	9.979.120.788	5.800.001.884	35.779.122.672
Các khoản ký quỹ	14.036.375.041	15.991.588.236	-	30.027.963.277
	6.669.840.576.621	25.970.709.024	5.800.001.884	6.701.611.287.529
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	1.829.467.935.552	3.290.019.755.784	493.460.889.264	5.612.948.580.600
Phải trả người bán và phải trả khác	2.453.807.138.676	-	-	2.453.807.138.676
Chi phí phải trả	1.553.908.178.820	-	-	1.553.908.178.820
	5.837.183.253.048	3.290.019.755.784	493.460.889.264	9.620.663.898.096
Chênh lệch thanh khoản thuần	832.657.323.573	(3.264.049.046.760)	(487.660.887.380)	(2.919.052.610.567)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

MẪU SỐ B 09-DN/HN

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam	Công ty có cùng vốn đầu tư từ Petrovietnam
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam	Công ty có cùng vốn đầu tư từ Petrovietnam

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2014 VND	2013 VND
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ		
Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam	2.327.895.452.085	1.520.229.002.505
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam	9.834.464.079.774	2.612.295.908.385
Mua hàng hóa và dịch vụ		
Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam	190.442.389.959	311.120.268.750
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam	47.070.209.682	6.061.603.640
Vay từ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam		
Lãi vay đã trả	-	251.554.960
Hoàn trả nợ gốc trong năm	-	29.202.754.875

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2014 VND	2013 VND
Lương	5.466.162.000	5.411.898.000
Tiền thưởng	1.526.644.500	1.053.323.000
Các khoản phúc lợi khác	315.000.000	306.380.000
	7.307.806.500	6.771.601.000

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

MẪU SỐ B 09-DN/HN

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Các khoản phải thu		
Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam	49.176.628.980	721.930.781.664
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam	2.503.525.903.988	912.676.773.192
Các khoản phải trả		
Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam	38.140.591.618	51.262.123.536
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam	176.517.964.726	52.476.973.572
Các khoản vay phải trả		
Vay từ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	2.578.180.854	-
Phải trả khác		
Petrovietnam	447.235.034.982	476.437.653.516

35. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được Hội đồng Quản trị Tổng Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 25 tháng 3 năm 2015.



Phạm Tiến Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2015

Hồ Ngọc Yến Phương
Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đắc Tùng
Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng
Người lập biểu

Giới thiệu Tổng Công ty và các đơn vị thành viên

Giới thiệu Tổng Công ty:

Tên : Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí
Tên tiếng Anh : Petrovietnam Drilling and Well Services Corporation
Tên viết tắt : PV Drilling
Mã cổ phiếu : PVD
Vốn điều lệ : 3.030.733.500.000 đồng
Trụ sở : Lầu 4, 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại : (84-8) 39142012
Fax: : (84-8) 39142021
Website : www.pvdrilling.com.vn
Giấy chứng nhận ĐKKD và Mã số thuế: 0302495126



Công ty 100% vốn của PV Drilling:

XÍ NGHIỆP ĐIỀU HÀNH KHOAN (PVD Drilling Division)

Trụ sở: Lầu 3, Sailing Tower, 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: (84-8) 39 100 662

XÍ NGHIỆP DỊCH VỤ ĐẦU TƯ KHOAN DẦU KHÍ (PVD Invest)

Trụ sở: Lầu 22, Green Power Building, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: (84-8) 38 270 728

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ BIỂN PVD (PVD Offshore)

Trụ sở: 43A Đường 30/4, Phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Việt Nam
Điện thoại: (84- 64) 3590 124

CÔNG TY TNHH MTV ĐỊA VẬT LÝ GIẾNG KHOAN DẦU KHÍ (PVD Logging)

Trụ sở: Lầu 10, Sailing Tower, 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: (84-8) 39 105 860

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ GIẾNG KHOAN DẦU KHÍ PVD (PVD Well Services)

Trụ sở: Phòng 13, Lầu 12A, Vincom Center, 47 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: (84-8) 39 104 365

CÔNG TY TNHH MTV KHOAN DẦU KHÍ NƯỚC SÂU PVD (PVD Deepwater)

Trụ sở: Lầu 5, Sailing Tower, 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: (84-8) 35 218 866 Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ kỹ thuật khoan Dầu khí



Công ty Cổ phần và Liên doanh của PV Drilling:

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT KHOAN DẦU KHÍ PVD (PVD Tech)

Trụ sở: Lầu 8, Green Power Building, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: (84-8) 22 205 333

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÀO TẠO KỸ THUẬT PVD (PVD Training)

Trụ sở: Khu công nghiệp Đông Xuyên, Đường 30/4, Phường Rạch Dừa, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Việt Nam
Điện thoại: (84-64) 3615 299

CÔNG TY LIÊN DOANH DỊCH VỤ BJ-PV DRILLING (BJ -PV Drilling)

Trụ sở: 65A, Đường 30/4, Phường Thắng Nhất, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Việt Nam
Điện thoại: (84-64) 3838 095

CÔNG TY TNHH PV DRILLING EXPRO INTERNATIONAL (PVD - Expro)

Trụ sở: 65A, Đường 30/4, Phường Thắng Nhất, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Việt Nam
Điện thoại: (84-64) 3597 291

CÔNG TY TNHH CẢN ỐNG KHOAN DẦU KHÍ VIỆT NAM (PVD Tubulars Management)

Trụ sở: Phòng 1204, Lầu 12, Gemadept Tower, 6 Lê Thánh Tôn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: (84-8) 38 257 461

CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH KỸ THUẬT GIẾNG KHOAN PV DRILLING VÀ BAKER HUGHES (PVD Baker Hughes)

Trụ sở: Lầu 10, Sailing Tower, 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: (84-8) 38 213 732

CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH PVD TECH – OIL STATES INDUSTRIES (PVD – OSI)

Địa chỉ: Đường số 11, Khu công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam
Điện thoại: (84-64) 3899 199

CÔNG TY TNHH VIETUBES (Vietubes)

Địa chỉ: Đường số 11, KCN Đông Xuyên, Phường Rạch Dừa, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Việt Nam
Điện thoại: (84-64) 3834 664

CÔNG TY TNHH PV DRILLING OVERSEAS (PVD Overseas)

Địa chỉ: Số 10 đường Anson, #22-14 International Plaza, Singapore 079903